VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

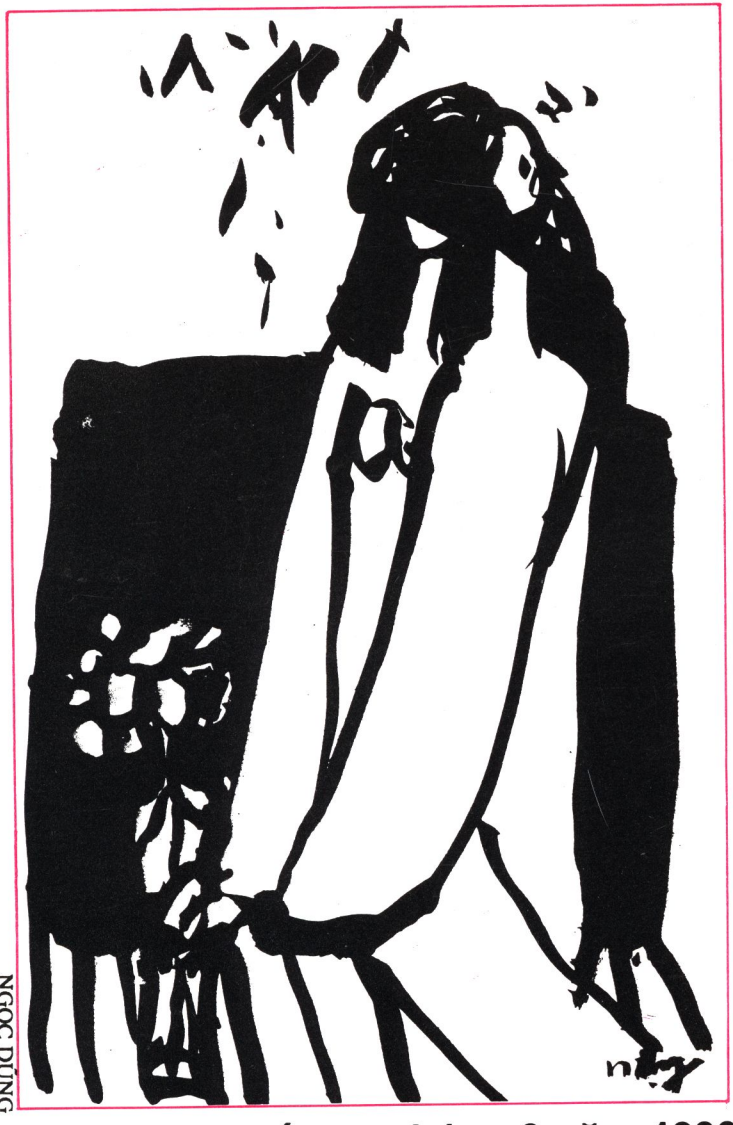

NGỌC DŨNG

Số 52 • tháng 6 năm 1990

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY:

● **Thư tòa soạn:** trang 1 ● **Nghiêm Xuân Hồng:** *một khuôn mặt populist: dương thu hương* trang 3 ● **Thụy Khuê:** *những bài lý luận và phê bình* trang 5 ● **Trương Vũ:** *những thiên đường mù, văn chương phản kháng trong tác phẩm dương thu hương* trang 22 ● **Lưu Nguyễn:** *bóng ngựa* thơ trang 34 ● **Bùi Bích Hà:** *tôi đọc Ly thân của Trần Mạnh Hảo* trang 35 ● **Hoàng Xuân Sơn:** *tiếng hát lên đường* thơ trang 45 ● **Vũ Huy Quang:** *thông điệp của Ly Thân... và Trần Mạnh Hảo* trang 46 ● **Mai Kim Ngọc:** *cửu lấy trẻ con* trang 54 ● **Ngô Nguyên Dũng:** *đuổi gió* thơ trang 80 ● **Kiệt Tấn:** *đọc buồn xưa bây giờ của Thụy Khanh* trang 81 ● **Thụy Khanh:** *ngâm thơ cổ nhớ người* trang 85 ● **Khánh Trường:** *nào có gì đâu, tôi đang sống đấy mà* thơ trang 86 ● **Nguyễn Mạnh Trinh:** *vàng nắng* thơ trang 88 ● **Lê Anh Tuấn:** *nhớ trường sơn* thơ trang 90 ●**Mịch La Phong:** *nhân nghĩa phù vân* thơ trang 92 ● **Bắc Phong:** *nỗi mâu thuẫn hồng kông* thơ trang 93 ● **Giang Hữu Tuyên:** *vườn mía* thơ trang 94 ● **Nguyễn thị Hoàng Bắc:** *bài thơ cho ngôi nhà thờ đá* truyện ngắn trang 95 ● **Hương Nhỏ:** *tiếng nói* truyện ngắn trang 103 ● **Phan Tấn Hải:** *đọc mẹ quê hương và nước mắt của Vĩnh Hảo* trang 108 ● **Nguyễn Đức Lập:** *phong vũ tiêu tiêu...* chuyện dài trang 114 ● **giới thiệu sách báo, thư văn học**

Chủ Nhiệm: Hoàng Khởi Phong
Chủ Bút: Nguyễn Đức Lập
Tổng Thư Ký: Cao Xuân Huy
Trình Bày: Khánh Trường
Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45.831.912
Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow
New South Wale 2211 Australia. Phone: (02)771.1770
Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học
P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA
Phone: **(714) 544.7650**
(714) 898.9074

THƯ TÒA SOẠN

Thưa quý vị độc giả và quý văn hữu

Kể từ số báo 49, với chủ đề "văn chương phản kháng?" và với liên tục ba số báo kế tiếp, kể cả số này, Văn Học đã cho đăng tải một số bài nói lên cái nhìn, cái quan điểm, sự nhận định của các nhà văn, của độc giả đối với các tác giả, tác phẩm mang tính chất phản kháng ở trong nước.

Lẽ ra, phần chủ đề nêu trên chỉ được đi trên một số, nhưng vì những bài vở liên quan tới chủ đề này đã gửi đến quá nhiều và khuôn khổ tờ báo có giới hạn, nên Văn Học phải dành đến bốn số mới giải quyết hết được. Cũng có những bài nhận được nhưng Văn Học không đăng, không phải vì khác lập trường, mà vì những bài này mang nặng tính chất chính trị hơn là tính chất văn học, hoặc chỉ mượn tính chất văn học để trình bày một chủ trương chính trị, một kêu gọi chính trị.

Lần lượt các văn hữu và độc giả Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Đức Lập (khi chưa nhận làm chủ bút cho Văn Học), Nhật Tiến, Thụy Khuê, Hoàng Khởi Phong, Nghiêm Xuân Hồng, Vũ Huy Quang, Trương Vũ, Thập Lang, Bùi Bích Hà đã phát biểu, có tính cách cá nhân, những ý kiến liên quan đến câu hỏi "có hay không có một dòng văn chương phản kháng ở trong nước", hay đôi khi, không đi thẳng vào chủ đề nhưng cũng có ít nhiều dính líu đến chủ đề.

Qua các bài viết, các tác giả đã xác định là có một dòng văn học phản kháng đang lưu hành trong nước. Có tác giả cho rằng dù mang nội dung

phản kháng, các tác phẩm được xuất bản bằng sự cho phép của nhà cầm quyền, thì mục đích của sự phản kháng chỉ nhằm xây dựng chủ nghĩa hay đánh lạc hướng, xoa dịu những nỗi uất ức của nhân dân. Có tác giả tỏ ra phấn khởi, từ kết luận của sự phản kháng, nhìn về một tương lai xa cho dân tộc. Có tác giả hồ nghi sự phản kháng ấy, nếu có, cũng chẳng đi đến đâu dưới chế độ chuyên chính Cộng sản. Có tác giả hăng hái bày tỏ lòng kỳ vọng của mình vào kết quả do những tác phẩm mang nội dung phản kháng ở trong nước đem lại. Có tác giả cho rằng rồi đâu cũng vào đó mà thôi. (Nhà văn Nguyễn Đức Lập, trong "Cảm Nghĩ Rời", Văn Học số 49, đã mượn kỹ thuật đặt để bài bản của cải lương, kín đáo nêu lên nhận định này, khi ông viện dẫn một bài đảo ngũ cung sôi sục, với hàm ý "rồi đâu cũng vào đó").

Trình bày quan điểm là việc của tác giả. Đưa ra kết luận là việc của độc giả.

Trước một vấn đề văn học có tính cách thời sự, mọi sự nhận định đều hết sức là cần thiết và tạo một môi trường để cho các nhận định, các quan điểm được phô bày trên giấy trắng mực đen, thiết nghĩ không phải là một việc làm vô bổ.

Sau bốn số, tạm thấy những ý kiến đóng góp đã đủ, Văn Học sẽ ngưng phần chủ đề "văn chương phản kháng" kể từ số này. Tuy nhiên, Văn Học sẵn sàng đăng tải những bài viết liên quan đến những tác phẩm văn chương trong nước, nếu những bài viết này nêu lên những sự kiện mới mẻ về những vấn đề mới mẻ.

Kính thư

Văn Học

NGHIÊM XUÂN HỒNG

một khuôn mặt populist: dương thu hương

●

Tôi được đọc cuốn Những Thiên Đường Mù của Dương Thu Hương, cùng bài Tham luận Văn hóa, và bài Nói chuyện với Cán bộ của người nữ sĩ ấy.

Cuốn Những Thiên Đường Mù mô tả nỗi ê chề thất vọng của một người, sanh ra giữa chế độ bạo quyền Cộng sản Việt nam, lớn lên đi vào phong trào Bôn xê vích. Nhưng giữa đường, bỗng nhận thấy rằng... mình còn "nhất điểm lương tâm", trong khi mọi người Bôn xê vích đều đánh mất trọn vẹn lương năng trong guồng máy. Nên thất vọng nhưng chưa dám, chưa thể dứt khoát với liên hệ quá khứ.

Bài Tham luận và bài Nói chuyện đã bước thêm một bước dài.

Vì đã Phản kháng, Kết án rõ rệt Bạo quyền trá hình tiến bộ.

Hai bài này dễ khiến người đọc khích lệ rung động. Vì nó bộc lộ một tâm hồn yêu–nước–và–vị–tha hiếm có... Dương Thu Hương viết: "Tôi là nhà văn dân chúng. Tôi ngồi bệt xuống cỏ, và không có ham muốn gần gũi một đường giây nào trong số những người lãnh đạo cao nhất... Điều cuối cùng tôi muốn nói là các anh có thể không chịu nổi những ý tưởng của tôi, có thể bỏ tù hoặc thủ tiêu tôi, nhưng Bạo – lực – không – cưỡng – hiếp – được – Chân – lý".

Đó là lời nói của một người còn le lói "nhất điểm lương tâm" trong cái đêm dài u ám khủng khiếp của xã hội chủ nghĩa. Lời nói có lẽ sẵn sàng tuẫn đạo, chết cho ý tưởng của mình... Như nhắc nhở lại khuôn mặt của nhân vật lý tưởng Kaliayev trong phong trào Populist hồi 1905 – 1910.

*

Tôi có đọc cuốn Ly Thân của Trần Mạnh Hảo. Cuốn này trái lại, không

làm tôi rung động. Vì trước sau, chỉ kể lể nỗi niềm buồn phiền về số phận trớ trêu của mình, và chưa biết *mở rộng tâm hồn* nghĩ tới những kẻ đau khổ khác. Đồng thời, lối nhìn đời và trí huệ cũng không được sắc bén.

Tâm hồn Dương Thu Hương mở rộng nhiều hơn. Lại thêm một trí huệ sắc như dao, để phân tích xã hội chung quanh, kết án chính xác hai khái niệm "Vô sản chuyên chính" và "Dân chủ tập trung". Và diễn giải bằng một ngôn từ cô đọng tích lũy... khác hẳn những sáo ngữ huyênh hoang rỗng tuyếch.

Đành rằng có thể có người còn nghi ngại xuất xứ chính trị của Dương Thu Hương. Song những lời nói như vậy không thể không phát xuất từ những ẩn ức nơi đáy từng tâm thức... Và nó cũng chứng tỏ sự chín mùi cao độ trong tâm thức lớp tuổi trẻ ở Việt nam.

*

Trong hiện tình, người Việt hải ngoại cũng không thể làm gì nhiều cho tình trạng đất nước. Lên quần áo, thắt cà vạt, đi gặp gỡ chính giới Cờ Hoa không có nhiều lợi ích... Lúc này, có lẽ người Mỹ chẳng định làm gì ở Việt nam, chỉ đóng vai một *bussinessman* mặc cả điều này điều nọ. Trọng tâm của họ hình như chỉ muốn bắt tay Nga ở Malta, để cùng ngăn chặn bước đi của một tỷ người Trung quốc.

Những năm gần đây, cả Mỹ Nga đều lơ là việc chiếm hữu không gian. Vì tốn kém quá, và có lẽ cũng vì câu chuyện "người hành tinh" không còn là một chuyện hoang tưởng, và họ đã chiếm mặt thượng tầng không gian rồi... Ngoài vòm trời này còn vòm trời khác, thôi đành lo việc bếp núc còn hơn...

Nên sự thay đổi ở Việt nam chỉ có thể *bộc phát từ quốc nội*. Từ những mâu thuẫn nội tại nay đã chín mùi... Và sự thoát xác là nhiều phần đổ máu.

Nếu lúc này, có lẽ là cần "Tổ chức và tổ chức", và "Thấm thấu và thấm thấu". Để yểm trợ những mầm Phản kháng và Nổi dậy, để họ hoàn thành cuộc thoát xác...

THỤY KHUÊ

những bài lý luận và phê bình

●

Giai đoạn mở đầu: Hai bài viết của Nguyễn Minh Châu và Hoàng Ngọc Hiến

Sau biến cố 75, trong một thời gian, dư luận dường như im lặng chờ đợi hiệu lực của tàn dứt chiến tranh, chờ đợi một chiều hướng mới trong sự quản trị đất nước về kinh tế, chính trị và tư tưởng.

Ba năm trôi qua, không có gì thay đổi, cục diện đất nước càng ngày càng bi quan, tâm trạng hồ hởi lúc ban đầu không còn nữa, mọi người bắt đầu sốt ruột và có những phản ứng.

Trên phương diện tư tưởng, bài *Viết về chiến tranh* của *Nguyễn Minh Châu* đăng trên *Văn Nghệ Quân Đội*, cho đến nay, vẫn được coi là bài báo đầu tiên manh nha tư tưởng chống đối lối viết một chiều của văn học cách mạng.

Tuy không có tài liệu về bài viết này, nhưng dựa vào các tác giả đã trích dẫn, phê bình bài này, chúng ta có thể hiểu sơ lược ý chính của Nguyễn Minh Châu:

Nền văn học sau cách mạng tháng Tám chưa có tiểu thuyết hiện thực về chiến tranh. Những tiểu thuyết viết về chiến tranh từ trước đến giờ chỉ là những ghi nhận bề bộn sự kiện lịch sử một cách chủ quan, hoặc mô tả những nhân vật lý tưởng, không đi sâu vào tâm trạng con người, vào những vấn đề thực tế, liên quan đến chiến tranh.

Nguyễn Minh Châu nhận định nền văn học hiện thực trong nước là một

thứ hiện thực không có thật: "*Hiện thực của văn học có khi không phải là cái hiện thực mọi người đang hy vọng, đang mơ ước*".

Nói khác đi, Nguyễn Minh Châu gián tiếp chỉ trích lối viết không đúng sự thật, lối viết tô điểm cuộc đời bằng lớp son hồng của nền văn học dưới chế độ Cộng sản. Trong phần kế tiếp, chúng ta sẽ trở lại với Nguyễn Minh Châu và những bài viết khác của ông.

*

Sáu tháng sau bài viết của Nguyễn Minh Châu, Hoàng Ngọc Hiến, một nhà lý luận phê bình đã đi du học ở Liên sô, đã tốt nghiệp cao, về Hà Nội, viết bài "*Về một đặc điểm của văn học và nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua*" trên Văn Nghệ số 23, ra ngày 9 tháng Sáu 1979.

Dựa theo bài viết của Nguyễn Minh Châu, Hoàng Ngọc Hiến đi xa hơn nữa. Ông viết: "*Nhìn chung, trong sáng tác hiện nay, sự miêu tả cái phải tồn tại lấn át sự miêu tả cái đang tồn tại*". Do đó, theo Hoàng Ngọc Hiến, đứng trên bình diện *cái phải tồn tại*, người nghệ sĩ bị cuốn hút đến con đường miêu tả cuộc sống làm *sao cho phải đạo*. Còn nếu đứng trên bình diện *cái đang tồn tại*, thì phải miêu tả cuộc sống *sao cho đúng sự thật*.

Từ những nguyên nhân đó, nẩy sinh xu hướng văn chương minh họa hay *văn chương phải đạo* với những đặc tính:

– Đề cao *cái cao cả*.

– Nhân vật bị mờ nhạt vì không có cá tính mà chỉ có *cái cao cả*.

– Nhân vật thể hiện cái cao cả bằng cách dùng *lý trí* đàn áp *cảm xúc*.

– Do đó, phát sinh những tác phẩm: *cao cả đẹp* hoặc *đẹp một cách cao cả*.

– Ở những nhân vật như thế, lý trí sẽ lấn át cảm xúc tới mức tối đa, nhân vật không còn là một *con người sống* nữa.

Tóm lại, Hoàng Ngọc Hiến muốn nói: *Dưới chế độ văn chương chỉ đạo (hay phải đạo), vì bắt buộc phải dựng lên những nhân vật cao cả, chuyên sống bằng lý trí, nhà văn đã nặn ra những hình nộm, không biết cảm xúc, không phải là những con người*.

Bài viết của Hoàng Ngọc Hiến nặng về luận lý triết học, rất khó đọc, tuy nhiên là bài lý luận đầu tiên phân tích một cách sắc bén đến nguồn cội

sự giả tạo trong cách theo đường lối vạch sẵn của đảng. Đặt lại vấn đề cả một nền văn học sau cách mạng tháng Tám, mà từ trước đến giờ chưa ai dám đi xa đến thế!

Bài viết của Hoàng Ngọc Hiến gây tiếng vang không nhỏ trong nước và dường như đã khơi ngòi cho những tư tưởng phản kháng sau này.

Nguyễn Minh Châu

Nguyễn Minh Châu sinh năm 1930 tại Quỳnh Hải, Quỳnh Lưu, Hà Tĩnh. Nhập ngũ năm hai mươi tuổi – cùng tuổi với Nguyễn Khải và Phan Tứ.

Năm 1966, bắt đầu viết tiểu thuyết, phần lớn về chiến tranh. Các tác phẩm: Cửa Sông (1966), Những Vùng Trời Khác Nhau (1968), Dấu Chân Người Lính (1972), Miền Cháy (1977), Lửa Từ Những Ngôi Nhà (1977), Những Người Từ Trong Rừng Ra (1980) Mảnh Đất Tình Yêu (1987)...

Nguyễn Minh Châu mở đầu giai đoạn văn học phản kháng thập niên 80 – 90 với bài "*Viết về chiến tranh*" đăng trên Quân Đội Nhân Dân tháng 11.1979.

Tư tưởng chống lại cách viết minh họa đường lối của đảng trong văn học hiện đại của Nguyễn Minh Châu rải rác trên các bài viết, phê bình phỏng vấn... từ 79 đến 89.

Trong bài viết về Nam Cao, Văn Nghệ số 29 ra ngày 18 tháng Bảy 1987, một bài phê bình văn học sâu sắc, Nguyễn Minh Châu phân tích tại sao tác phẩm Chí Phèo có giá trị vượt thời gian: vì nó thực, nó thực như cái *nhìn chằm chằm của Nam Cao, cái nhìn của một tên thám tử tự soi mói vào đời mình*. Một cách gián tiếp và kín đáo, ông muốn phơi bầy giá trị giai đoạn của các tác phẩm ca tụng một chiều hiện thời.

Truyện vừa *Cỏ Lau* (Tác phẩm Văn Học, số 4, tháng 1 và 2.88) hoàn tất tháng 11 năm 1987, Nguyễn Minh Châu đã viết trong ý niệm đổi mới tư duy, nhìn nhận chiến tranh và con người ở đôi bờ vĩ tuyến với con mắt nhân bản. Ngậm ngùi cho những năm chinh chiến, Nguyễn Minh Châu hồi tưởng như "*một phát dao phạt ngang mà hai nửa cuộc đời tôi bị chặt lìa thật khó gắn liền lại như cũ*". Đau thương, chói buốt như hình ảnh người đàn bà ngồi bệt trên đường, lần chiếc áo lính ngụy rằn ri đã rách ra vá bằng miếng vải vụn, xé trên chiếc áo bộ đội cũng đã rách bươm. "Cỏ Lau" của

Nguyễn Minh Châu bình thản, thật thà, thầm lặng. Có những đoạn sâu và đau.

Nhưng ảnh hưởng sâu đậm nhất là bài "*Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa*", đăng trên Văn Nghệ số 49 – 50 ra ngày 5 tháng Mười Hai 1987.

Bài viết của Nguyễn Minh Châu, không giống những bài lý luận, phân tích của các tác giả khác, có giọng kể lể chân thành, tha thiết, xuất phát từ đáy lòng của một người cầm bút, tự kiểm điểm hành trình tư tưởng suốt cuộc đời mình, thấy mình "*y như một kẻ gian phi lúc nào cũng như đang lén lút thu giấu cái gì quốc cấm trong cạp quần hay dưới áo*".

Nguyễn Minh Châu so sánh hoàn cảnh của mình với hoàn cảnh của nhà văn trước 1945: Nam Cao nhiều lúc la lối, hô hoán ầm lên là thiên hạ vít hết lối ngòi bút của ông, có người đe đánh, đe đốt nhà. Bị o ép như thế, tưởng không viết được gì. Thế mà cả cuộc đời cầm bút của Nam Cao, những tác phẩm trước cách mạng là những tác phẩm có giá trị chân thực nhất: *Thật là vừa được viết, vừa được nói*.

Nhìn lại 40 năm văn học vừa qua, những người cầm bút được lãnh đạo *chăm sóc* kỹ quá, nên cứ đụng đến bút là họ có phản xạ *né tránh, che chắn, rào đón, đối phó*. Dường như trong mỗi nhà văn có hai cây bút: cây thứ nhất *viết cho người đọc bình thường, cho đời* và cây thứ nhì *viết cho đạo, viết cho lãnh đạo văn nghệ đọc*.

Lâu dần, ngòi bút thứ nhì trở nên thuần thục, đôi khi tài hoa nữa. Viết như thế, người cầm bút có tâm đâm ra *giận mình, chán mình và chán cho đồng nghiệp*, còn các cây bút chuyên minh họa đường lối của đảng, ca ngợi một chiều, thì lại thoải mái, mặc dù *nó công thức, sơ lược, nó nhạt và càng ngày người đọc càng thấy nó giả, so với cuộc đời thực bên ngoài*.

Trong 40 năm qua, *tự do sáng tác chỉ có đối với lối viết minh họa*. Nhà văn chỉ được giao phó công việc như một cán bộ tuyên truyền, thậm chí, những ngày đầu mới cách mạng, có nhiều nhà văn còn cho đó là cái mốt, là hoàn cảnh "*lột xác*".

Từ đấy, trở thành thói quen, với *một khả năng thích nghi hết sức ghê gớm, các nhà văn đã thích nghi với văn học minh họa như thích nghi với cách sống gian khổ, thiếu thốn trong chiến tranh, những nhà văn tuy đều*

cảm thấy thiếu thốn và bực bội nhưng lại tự dụ dỗ mình và khuyên nhủ lẫn nhau tự bạt chiều cao cho thấp đi khỏi chạm trần, tự ép khuôn khổ chiều ngang lại để khỏi kềnh càng, để đi lại được thoải mái trong cái hành lang kia. [...].

Thất thiệt to lớn của văn nghệ minh họa của ta là từ đấy những nhà văn đánh mất cái phần đầu và những tác phẩm văn học đánh mất tính tư tưởng [...] *như một người đánh mất phần hồn chỉ còn phần xác, hoặc chỉ còn cái phần hồn do nhà nước bao cấp.*

Theo Nguyễn Minh Châu, chúng ta không thiếu những nhà văn có tâm hồn, có thực tài, nhưng sau một lần viết ra bị vấp váp, bị phê phán trên báo, bị thổi còi. Họ sợ. Họ tâm niệm "*Chút lòng trinh bạch từ nay xin chừa*!".

Nhưng làm sao mà chừa được?

Rồi vẫn viết, vừa muốn phô diễn tư tưởng, chõ miệng giữa hai hàng chữ để cảnh tỉnh với đời một điều gì đó, nhưng lại muốn giấu nó đi. *Văn chương gì mà muốn viết một câu trung thì phải viết một câu nịnh? Hèn, hèn chứ? Nhà văn nước mình tận trong tâm can ai mà chẳng thấy mình hèn? Cái sợ nó làm mình hèn* [...]

Những cái gì đích thực là văn chương thì nó còn, không tái bản, không tuyển tập, báo chí không đề cao lên, nó cũng còn, nó còn như đất cát, cây cỏ, như ca dao, tục ngữ, như cuộc sống bình dị và bền vững luôn luôn còn đó. Còn những gì phe phẩy, ưỡn ẹo hoặc cứ nhẩy cẫng lên thì, ngược lại, nó mất, cát sỏi lại trở về với cát sỏi...

Phủ nhận giá trị của văn học minh họa hơn 40 năm qua, Nguyễn Minh Châu phân tích trong đớn đau, chua xót, tâm trạng của người nghệ sĩ phải cưỡng lại lòng mình, viết những dòng minh họa cho đảng.

Bài "*Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa*" để lại như một chúc thư cho thế hệ ông, và thế hệ mai sau với hy vọng họ vượt qua được trở lực, tự cởi trói cho mình, "không hèn", "không sợ" như những lớp đàn anh đi trước.

Hai tháng trước khi mất, trong bài phỏng vấn đăng trên Văn Nghệ số 49, ngày 3 tháng Mười Hai 1988, Nguyễn Minh Châu xác định một lần nữa, những lời tâm huyết của mình:

"Cái lằn dây tự trói mình lâu ngày nó đã ăn lún sâu vào da thịt, biến thành da thịt, có khi cởi ra còn đau đớn hơn cả lúc trói vào [...]. *Cái lỗi lớn nhất của mỗi người chúng ta là đã khiếp hãi trước cái xấu và cái ác".* (Hànội ngày 21 tháng Mười Một 1988).

Theo Thu Bồn, lần cuối cùng đến thăm ở bệnh viện, Nguyễn Minh Châu dặn dò bạn bè:

"Các cậu còn sức, còn nói được, còn viết được là phải lên tiếng đi, đừng để cho họ thay nhân sự báo Văn Nghệ trong lúc này. Tất nhiên với riêng Nguyên Ngọc, cách chức lúc này chỉ là phong thánh cho ông ấy thôi. Không nên quên là chúng ta đương đứng trước phán xét của lịch sử. Lịch sử sẽ lên án những kẻ có hành vi và quyết định sai lầm, nhưng đừng nghĩ những người đương thời là vô can [...] *Ngày hôm nay có không khí dân chủ, khi làn gió mới đã thổi, mọi sự sớm muộn phải được công khai, thì hèn nhát là tự đào huyệt chôn sống mình...".*

(Thanh Niên 30 tháng Một 89)

Nguyễn Minh Châu mất ngày 23 tháng Một 1989 tại bệnh viện Quân Đội 108, Hànội, vì bệnh ung thư máu.

Một đời sống và viết cho chiến tranh. Chúng ta muốn biết con người ấy, trong thâm tâm, nghĩ gì về chiến tranh, hãy đọc vài dòng trong sổ tay hành quân của Nguyễn Minh Châu:

"Đất nước chúng ta đang ở vào một giai đoạn lịch sử mà từ nịt vú đàn bà cũng may bằng vải màu quân phục" [...].

Một mùa mưa hai tháng ra hai vạn bốn thương binh... Mỗi một con người đi qua đây [*Trường Sơn*] *đều để lại một giọt mồ hôi, một phần trí óc, thậm chí máu, tuổi trẻ và tuổi già, để lại cuộc đời ở đây...*

Nhà nào cũng có bàn thờ, đủ kiểu, đủ cỡ... Một cái công sự cá nhân (Nam) ẩn nấp thôi, trên nóc đất cũng một cái bàn thờ, giống như cái miếu con.

Trận địa pháo: bàn thờ. Trận cảnh giới: bàn thờ. Trên đường đi từ Cùa về R9, nghĩa địa lính ngụy nằm la liệt hai bên.

Từ ngôi nhà đến con người, trên mặt đất này có cái gì đáng tồn tại ngoài cái chết chóc của anh, của tôi và cảnh vật. Cảnh vật chung quanh anh và tôi.

(Trích sổ tay hành quân 1973 của Nguyễn Minh Châu, Sông Hương số 38 – tháng 6 – 7 / 1989)

Không khí áp chế văn học từ bao nhiêu năm qua, đã không cho phép Nguyễn Minh Châu và biết bao người khác, viết nên những điều muốn viết.

Những tác phẩm cuối đời: *Chiếc Thuyền Xa, Khách Ở Quê Xa, Sống Mãi Với Cây Xanh, Một Lần Đối Chứng, Mảnh Đất Tình Yêu...* Nguyễn Minh Châu viết với thẩm quan mới, mang đầy tính chất nhân bản của người nghệ sĩ; quay trở về với tương lai của chính mình, không chấp nhận quan niệm sơ lược, giả tạo về con người.

Bài viết *"Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa"*, Nguyễn MInh Châu phủ nhận 40 năm văn nghệ tuyên truyền của đảng, một cách gián tiếp phủ nhận những trước tác minh họa của chính mình.

Phủ nhận các tác phẩm của mình, việc mà trước đây, bao nhiêu văn nghệ sĩ đã bắt buộc phải làm, trong một hoàn cảnh khác, từ những nhà văn lớn như Nguyễn Tuân, Xuân Diệu... đến những ngòi bút tài lớn mà tâm nhỏ như Hoài Thanh, Chế Lan Viên...

Những bài tự phê bình, tự kiểm thảo của họ, ngày nay, chỉ đem lại cho chúng ta đôi chút thương cảm, chua sót.

Bài viết của Nguyễn Minh Châu là một trong những bài viết đầu tiên của người cầm bút, phủ nhận các sáng tác minh họa của mình, nhìn nhận cái "hèn" của người nghệ sĩ, đem lại cho văn chương Việt nam, sau 40 năm làm công cụ cho đảng, cho chiều hướng khác: chiều hướng chân thực, nhân bản, đượm những nét can đảm, hùng tráng, bi thương, làm sống lại nhân cách của người cầm bút, dường như đối với nhiều người, đã tắt từ trên bốn chục năm nay.

Nguyên Ngọc

Trong công cuộc đổi mới văn học nói chung và đổi mới tờ Văn Nghệ nói riêng, Nguyên Ngọc giữ vai trò quan trọng.

Nguyên Ngọc nhận chức Tổng biên tập báo Văn Nghệ vào tháng Sáu năm 1987 đến tháng 12 năm 1988 thì bị cách chức một cách gián tiếp. [Theo lời tường thuật của Nguyên Ngọc; Hội Nhà văn không cách chức Nguyên Ngọc bằng văn bản; Nguyễn Đình Thi, tổng thư ký hội nhà văn đề

nghị lập Hội đồng biên tập để chỉ đạo. Theo quy chế báo chí thì tổng biên tập là người quyết định sau cùng, không thể có một hội đồng tối cao nào ngồi ở trên cả. Nguyên Ngọc không chấp nhận sự chỉ đạo của Hội đồng biên tập, Nguyễn Đình Thi và Chính Hữu họp tòa soạn, tuyên bố quyết định của Ban thư ký buộc Nguyên Ngọc phải từ chức Tổng biên tập] [theo phỏng vấn Nguyên Ngọc, báo Sông Hương số 37, tháng 4 – 5 / 1989, Hoàng Phủ Ngọc Tường ghi].

Trong một năm rưỡi nắm tờ Văn Nghệ, Nguyên Ngọc đẩy mạnh sự đổi mới trên nhiều lãnh vực:

– *Về lý luận, phê bình*: Văn Nghệ đăng những bài tham luận, tiểu luận phân tích đến cội rễ nhvng sai lầm trong chế độ chỉ đạo, tư tưởng hiện thời, của các tác giả như Nguyễn Minh Châu, Nguyên Ngọc, Hồ Ngọc, Nguyễn Khắc Viện, Nguyễn Đăng Mạnh, Trần Độ, Phong Lê...

Những bài này có tác dụng mạnh mẽ trên sự suy tưởng của nhiều tầng lớp quần chúng và hướng dẫn những nhà văn trẻ sáng tác trong thoát ly con đường văn chương phải đạo của nhà nước.

– *Về bút ký, phóng sự*: Nguyên Ngọc đẩy mạnh thể văn bút ký, phóng sự đã chết từ lâu ở miền Bắc: khuyến khích những thiên điều tra rọi vào những vấn đề sôi bỏng của xã hội Việt nam hiện thời:

Bút ký "*Câu chuyện ông vua lốp*" của Nhật Linh (Trần Huy Quang) đi sâu vào cơ chế của xã hội chủ nghĩa: giầu thì ta cắt đầu ngang, còn nghèo cách mấy cũng được, càng nghèo càng tốt.

"*Suy nghĩ trên đường làng*" của Hồ Trung Tú, "*Cái đêm hôm ấy đêm gì*" của Phùng Gia Lộc, "*Người đàn bà quỳ*" của Trần Khắc... là những bút ký điều tra, đả phá những tệ đoan xã hội trong guồng máy cán bộ nông thôn.

Bút ký "*Tiếng Đất*" của Hoàng Hữu Cát soáy vào quyền sở hữu của nông dân trong xã hội chủ nhĩa. Khát vọng của con người muốn thi thố tài năng cá biệt của mình.

"*Sự nghiệt ngã của nghề nghiệp*" của Hà văn Thùy nêu lên sự dốt nát của các cán bộ chỉ đạo tư tưởng, kiểm duyệt báo chí.

"*Chuyện như đùa*" của Mai Ngữ nói đến tấm bi hài kịch của những người trí thức xuất ngoại...

– *Về truyện*: đăng truyện ngắn *Năm Ngày* của Phạm thị Hoài phơi bầy một quan niệm (khá mới) về tình dục của người phụ nữ.

In phần lớn các tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp: *Kiếm sắc, Vàng lửa, Phẩm tiết, Tướng về hưu*...

Truyện của Nguyễn Huy Thiệp có tính cách đả phá kín đáo nhưng toàn diện khía cạnh phi nhân của chế độ Cộng sản: giả tạo; công thức hóa ngôn ngữ; thần tượng hóa lãnh tụ; người bóc lột người; chế độ tàn nhẫn nẩy sinh con người tàn nhẫn...

*

Sau khi hội Nhà văn đưa ra nghị quyết thanh trừng tờ Văn Nghệ với những phán xét: tờ Văn Nghệ có những "*lệch lạc nghiêm trọng*", Nguyên Ngọc vẫn giữ vững lập trường và phong cách của mình, ông tuyên bố: "*Tờ Văn Nghệ tuyệt đối không hề có sai lầm về phương hướng và quan điểm*".

Tháng Tư 1989 (bốn tháng sau khi bị cách chức), tại hội Văn học Nghệ thuật Bình Trị Thiên, Nguyên Ngọc tuyên bố:

"*Một chế độ xã hội thay một xã hội trước là vì cái kia đã mất sức sống* [...]

Chủ nghĩa xã hội như chúng ta làm (ông nhấn mạnh) vì lẽ nào đó đang trở nên trì trệ [...] *Nó không minh chứng được tính ưu việt đối với chế độ nó thay thế [chế độ trước 45] và với lý tưởng chúng ta mơ ước*. [...]

Nguyễn Huy Thiệp nói rất gọn: 7 giờ là 7 giờ – 9 giờ là 9 giờ. Chả nhẽ 9 giờ lại phủ nhận 7 giờ à. [...]

Bi kịch của tôi: một người trong cuộc, đảng viên, cầm súng, nhiệt thành xây dựng chủ nghĩa xã hội mấy mươi năm. Thế mà tại sao tình yêu của chính mình lại bị giày đạp đến như vậy!"

(Phỏng vấn Nguyên Ngọc, Sông Hương số 37, 3 – 4 / 1989, Hoàng Phủ Ngọc Tường ghi)

*

Những bài viết của Nguyên Ngọc:

Tháng Bảy 1987, trong bài viết "*Về cái tiêu cực và tích cực*" Nguyên Ngọc khẳng định quyền lực của báo chí chính là quyền lực của nhân dân. Nhà nước thường nói "*Nhân dân làm chủ*" nhưng chưa bao giờ xác định:

làm chủ bằng cách nào? Đổi mới chỉ có nghĩa nếu người dân có quyền thực thụ làm chủ bằng công luận.

Viết nên những cái xấu xa của xã hội hiện giờ là một cách tiến tới một xã hội trưởng thành, để chứng tỏ: "*Khả năng của cơ thể xã hội ta có thể tự hủy hoại, sự loại bỏ những tế bào ung thối của nó. Một xã hội có khả năng tự phê phán mình, đó là dấu hiệu của một xã hội còn lành mạnh, đang trở lại lành mạnh*". (Văn Nghệ số 29, ngày 18 / 7 / 1987)

*

Bài tham luận "*Cần phát huy đầy đủ chức năng xã hội của văn học nghệ thuật*", đọc trước Nguyễn Văn Linh ngày 7 tháng Mười 1987 và đăng trên Văn Nghệ số 44 ngày 31 tháng Mười 1987, có giá trị tổng quát, đề cập những nguyên nhân sâu xa đưa đến sự suy đồi trong văn học hiện thời.

Ông nêu lên hai nguyên nhân chính của sự suy đồi trong văn nghệ hiện tại, theo ông:

– *Nguyên nhân thứ nhất*: bắt nguồn từ chiến tranh:

Trong suốt thời kỳ ba mươi năm chiến tranh, văn học đã phát triển theo chiều hướng *tuyên truyền một chiều*: chỉ nói cái thắng, không nói cái bại, chỉ nói thành tích, không nói tổn thất; chỉ nói sự đúng, không nói sai lầm. Tuy rằng ai cũng biết, trong cuộc chiến, một thắng lợi phải trả giá bằng bao nhiêu tổn thất hy sinh, thất bại và cả sai lầm cay đắng.

– Trong công tác tư tưởng, vì chiến tranh; cái gì cũng muốn giải quyết cho mau lẹ, do đó: trong mọi địa hạt chỉ nói đến cái ngọn mà không giải quyết cái rễ.

Thí dụ: Chỉ nói đến tình *Đồng chí*, mà chưa nói đến *Tình bạn*. Nói nhiều, nói sâu về *Đất nước, Tổ quốc, Đảng, Nhân dân, Kẻ thù*... mà quên nói đến *Cha mẹ, Gia đình*.

Cũng vì nhu cầu của chiến tranh, mà tất cả những quan niệm về sở học, khoa học, đạo đức học, tâm lý học... đều đồng nhất với *chính trị*.

Cho cái *chung*, cái *cộng đồng*, cái toàn dân tộc là quan trọng nhất mà quên cái *riêng*, chưa ai có quyền có cái *riêng*.

Do đó, theo Nguyên Ngọc, chúng ta đã đạt được những tầm rất cao mà lại hụt hẫng ở tầng gốc rễ, cơ bản.

– *Nguyên nhân thứ nhì*: là tình trạng *bao cấp về tư tưởng*:

– Suốt một thời gian dài, trong mọi cơ cấu nhà nước, các tuyên huấn cấp dưới đến tuyên huấn cấp trên tỉnh những "suất tư tưởng" về để tiêu dùng. Hết suất ấy lại đi lĩnh suất khác. Nếu giao thông trắc trở, chưa lĩnh được, đành lúng túng ngồi đợi vậy. Không thể tự mình nghĩ ra và cũng không dám tự mình nghĩ ra điều gì, bởi quá quen rồi: *quyền suy nghĩ là quyền của cấp trên*. Trên phương diện văn học nghệ thuật cũng vậy; các cái "lạ" đều phải kiêng kỵ. Tình trạng đó làm khô cằn mọi sáng tạo.

Do đó, cái sai lầm cơ bản nằm ngay trong *hệ chính thống, chỉ đạo.*

Một trong những lầm lỗi lớn của hệ chính thống là đánh giá nhầm *chức năng xã hội của văn học nghệ thuật.*

– Điểm thứ nhất: cho đến nay, *chức năng phản ảnh* của văn nghệ đã bị hiểu một cách thô thiển là *chức năng minh họa*. Nghĩa là: Đảng làm gì, văn nghệ chép lại để ca tụng. Hoặc cao hơn nữa: Đảng đã giải quyết những vấn đề như thế, như thế... văn nghệ hãy theo sát, hãy tìm hiểu đi, hãy chép lại đi, để mọi người tiếp thu, thấm thía: chính trị giải quyết, văn nghệ phản ảnh.

– Điểm thứ nhì: Văn nghệ xướng ca: coi văn nghệ là thứ trang trí của xã hội: khi vui vẻ đến giải trí, khi bận rộn đuổi đi chơi chỗ khác.

Do đó, vai trò xã hội của văn học nghệ thuật bị hạ thấp. Nguyên Ngọc xác định lại những chức năng chính của nghệ thuật, theo ông:

– Nghệ thuật là sự vươn lên, sự níu giữ *nhân tính* cho con người.

– Nghệ thuật là sự khao khát đạt tới cái toàn thiện, toàn mỹ, là sự *không bằng lòng mãi mãi của con người với thực tại.*

– Trong công cuộc đấu tranh không ngừng giữa cái thiện và cái ác của xã hội loài người, nghệ thuật giữ nhiệm vụ *dự báo xã hội*, là một thứ giác quan nhạy cảm, ông nhắc lại tư tưởng của Marquez: "*Xưa nay nói cho cùng nghệ thuật cũng chưa bao giờ lật đổ được một chế độ chính trị nào*", nhưng nó báo hiệu, nó gây men, nó chuẩn bị tư tưởng cho những biến đổi xã hội rộng lớn, những cuộc cách mạng.

*

Bài tham luận của Nguyên Ngọc đặt lại hai vấn đề cơ bản trong văn học

Cộng sản: tính cách tuyên truyền và tính cách chỉ đạo. Hai yếu tố cần thiết để tiến tới toàn thắng trong chiến tranh nhưng đồng thời triệt hạ mọi khả năng sáng tạo trong thời bình cũng như thời loạn.

Cho nên, dù chấm dứt chiến tranh, đất nước Việt nam với guồng máy hiện tại, không thể tiến tới một xã hội lành mạnh, sự đào thải guồng máy hiện thời – nếu muốn tiến – tất phải đến.

Và *chức năng dự báo xã hội của người cầm bút* giữ một vai trò quan trọng trong công cuộc đẩy mạnh sự thay đổi thể chế xã hội hiện thời.

Hồ Ngọc

Trong bài "*Cần giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị*" (Văn Nghệ số 47 và 48 ngày 21 tháng Mười Một 87), nhà lý luận Hồ Ngọc đề cập tới mối tương quan giữa văn nghệ và chính trị.

Theo ông, văn nghệ và chính trị là hai *hình thái độc lập*: liên hệ nếu có, chỉ là liên hệ *thống nhất* chứ không phải là liên hệ *đồng nhất* như nhiều người đã tưởng: Do đó, phát sinh ra tư tưởng coi văn nghệ là *công cụ, vũ khí* của *chính trị*, có nhiệm vụ chủ yếu là phục vụ chính trị; biến văn nghệ thành tuyên truyền cho các chính sách, chủ chương của đảng. Từ đó, phát sinh ra các tác phẩm minh họa thô thiển kiểu "*chính trị nói gì, văn nghệ ca hát theo nấy*".

Văn nghệ dù độc lập với chính trị nhưng có những quan hệ chặt chẽ với chính trị với ba tính chất tương phản căn bản sau đây: *Thống nhất, mâu thuẫn*, và *đối lập* với chính trị:

– Văn nghệ tiến bộ thường thống nhất với chính trị tiến bộ.

– Văn nghệ tiến bộ thường mâu thuẫn, đối lập với chính trị lạc hậu phản động.

– Văn nghệ lạc hậu thường thống nhất với chính trị lạc hậu.

– Văn nghệ lạc hậu thường mâu thuẫn, đối lập với chính trị tiến bộ.

Ngoài ra, văn nghệ có hai đặc điểm:

– Tính đương đại: tác phẩm ra đời trong một chế độ chính trị nhất định.

– Tính lịch đại: tác phẩm văn nghệ vẫn tiếp tục tồn tại, trong khi các chế độ chính trị thay đổi, mất đi.

Tính chất chủ yếu của văn nghệ là *trường tồn*.

Tính chất chủ yếu của chính trị là *giai đoạn.*

Do đó, văn nghệ sĩ cần điều kiện tiên quyết để sáng tạo: đó là tự do sáng tác, thoát ra ngoài sự kiềm chế của chính trị.

Xuất phát từ chỗ lãnh đạo không thấy hết giá trị của các sản phẩm tinh thần, nên lãnh đạo coi văn nghệ cũng giống như những ngành sản xuất khác, cần phải:

– Quản trị sản xuất.

– Hạn chế thù lao.

Mức sống khốn cùng của văn nghệ sĩ và sự kiểm soát gắt gao của ban quản trị tư tưởng không có trình độ đã đưa văn nghệ đến tình trạng bế tắc hiện thời.

Trần Độ.

Trung tướng Trần Độ, nguyên kỷ viên trung ương đảng, Trưởng ban văn hóa văn nghệ trung ương, là người duy nhất cao cấp trong đảng và trong chính quyền có một thái độ công khai, dứt khoát ủng hộ phong trào văn học hiện thực đổi mới. Trần độ bị cách chức tháng Sáu 1989, sáu tháng sau Nguyên Ngọc.

Quan điểm của ông là quan điểm của một người trong chính quyền, chấp nhận sự lãnh đạo của đảng, nhưng có thực tâm muốn thay đổi xã hội trên nhiều phương diện.

Trong thời kỳ từ 86 đến 88, Trần Độ viết nhiều bài trên báo Văn Nghệ, bộc lộ tư tưởng của mình, sau in lại trong cuốn sách "*Đổi mới và chính sách xã hội, văn hóa*", nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, 1988.

Quan niệm của Trần Độ có thể tóm tắt trong những yếu tố:

– Các chính sách xã hội phải coi *người* là *mục tiêu* chứ không phải là *công cụ* của cách mạng.

– Dân chủ hóa xã hội.

– Đổi mới tư duy tức là đổi mới cách suy nghĩ.

– Những khẩu hiệu không phải chỉ viết mà còn phải áp dụng.

– Đổi mới quan niệm về văn học nghệ thuật.

Riêng về văn học nghệ thuật, ông đề nghị:

– Không thể coi văn hóa là một lãnh vực phù phiếm, mua vui, "không sản xuất".

– Không được coi văn nghệ là vũ khí, công cụ, phương tiện để phục vụ mọi công tác.

– Phải nâng cao trình độ của lãnh đạo văn nghệ.

– Văn nghệ là đời sống tinh thần của xã hội.

Do đó, người quản lý văn nghệ phải biết rõ vai trò của mình, phải tôn trọng văn nghệ với những tính chất đặc thù của nó:

– Đặc thù tình cảm: mọi sự sáng tạo cần có sức mạnh tình cảm, sự nhạy bén về tình cảm, để tạo những cảm hứng sâu sắc và độc đáo.

– Nghệ thuật không thừa nhận sự bắt chước, sự sao chép, làm thuê...

– Lao động nghệ thuật là lao động tài năng, hiếm và quý: các người trí thức có nguyện vọng sâu sắc là yêu cầu được đánh giá đúng mức của họ cho nên, lãnh đạo nghệ thuật có trách nhiệm phải:

– Khuyến khích tài năng: lãng phí tài năng là một tội nặng.

– Bảo đảm tự do sáng tác.

– Cải tiến chế độ thù lao cho văn nghệ sĩ.

*

Quan điểm của Trần Độ đối với chúng ta có lẽ không mới mẻ gì, đôi khi còn hơi lạc hậu, và những điều ông viết, đối với nhà cầm quyền Cộng sản, cũng không phải là những khám phá, vì họ đã viết trên các nghị quyết, chỉ thị, từ lâu rồi. Nhưng cái mới của Trần Độ là ông đã thực hành những điều trên bản ấy. Việc mà nhà cầm quyền không thể thừa nhận được.

Ngoài ra, Trần Độ còn đề cập đến những yếu tố:

– Đặt con người lên trên mọi giá trị khác.

– Coi tình cảm là điều kiện tiên quyết cho mọi sáng tác.

– Nghệ thuật không phải là sự sao chép, làm thuê... Những yếu tố ấy đã đẩy xa Trần Độ ra khỏi quỹ đạo của chính quyền.

Nguyễn Đăng Mạnh

Nhà phê bình văn học Nguyễn Đăng Mạnh trong bài "*phê bình văn học trong tình hình mới*" Văn Nghệ số 35 ngày 29 tháng Tám 1987, nói đến

thực trạng của ngành phê bình văn học hiện nay thoát thai từ nền văn học truyền thống, ông viết:

"Tình trạng thiếu dân chủ đã kéo dài trong đời sống văn học [...] *nhìn một cách khái quát, đây là xu hướng đồng nhất chính trị với văn học, đồng nhất tuyên truyền với nghệ thuật* [...] *đồng nhất phê bình văn học với công tác tuyên huấn.*

Thẩm quyền cao hay thấp của nhà phê bình tùy thuộc ở cấp bậc chính trị cao hay thấp của ông ta [...] *một cán bộ chính trị cấp cao phát ra một nhận xét nào đó, dù không có cơ sở nghiên cứu gì, cũng có thể quyết định rất gọn số phận một tác phẩm nghệ thuật".*

Trong bài *"vài suy nghĩ về "đổi mới tư duy" trong giảng dạy văn học"*, Nguyễn Đăng Mạnh cho rằng: *Đổi mới tư duy là mạnh dạn nhìn thẳng vào sự thật.*

Cũng như Lý Chánh Trung đã nhận xét: "Triết về Các mác hiện nay là môn học thày không muốn day, trò không muốn học, và kết quả không có gì hết", Nguyễn Đăng Mạnh viết về môn văn:

"Ta hãy nhìn thẳng vào sự thật. Sự thật là học sinh đang chán những giờ dạy văn và tỏ ra rất kém về văn, tuy rằng các em không phải không thích văn chương nghệ thuật".

Tại sao vậy? Tại vì:

– Giáo viên "bị" dậy những bài văn giả; nghĩa là chỉ giông giống tác phẩm văn chương ở bề ngoài mà thôi.

– Giáo viên không có năng lực *cảm* và *hiểu* được *chất văn* của bài văn (thật) để hướng dẫn học sinh.

Theo ông "điều cốt tử quyết định giá trị văn chương là tư tưởng độc đáo của nhà văn bộc lộ trong những khám phá riêng của ông ta về con người, tư tưởng này có nội dung nhân bản sâu sắc [...] Đó là **chất văn** *đích thực của tác phẩm văn chương".*

Tóm lại, trong ngành giáo dục cũng vậy, vì không hiểu văn chương là gì nên thường có khuynh hướng đồng nhất văn học với chính trị, nghệ thuật với tuyên truyền và phê bình văn học với công tác tuyên huấn...

Trần Văn Giàu

Trong bức thư gửi Nguyên Ngọc (Văn Nghệ số 38, 19 tháng Chín 1987 "mấy đề nghị"), giáo sư Trần văn Giàu nói về 42 năm văn học cách mạng:

"Làm sao mà đánh giá được 42 năm văn học cách mạng kháng chiến và xây dựng xã hội chủ nghĩa?

Vì lẽ gì? Trước hết vì không ai biết suốt 42 năm nay chúng ta đã viết những gì có tính chất và giá trị văn học. [...]

Kế đó, vì: cho đâu biết phần lớn các tác phẩm đi nữa, ta từ trước đến nay thiếu phê bình văn học, thiếu phê bình (Critique de la critique). Chúng ta (trong đó có tôi) "khen chê" để mà cổ vũ cho nhau, để "bợ" người trên, tính toán lợi ích cá nhân, lắm khi để "nhận xét" độc đoán mà không cho phép cãi lại; nghĩa là không làm phê bình văn học thật sự".

Nhận xét – có vẻ khe khắt – của Trần văn Giàu dường như đã được nhiều nhà văn khác như Nguyễn Minh Châu, Xuân Cang, Lại Nguyên Ân, Nguyễn Đăng Mạnh, Trần Dần... trực tiếp hoặc gián tiếp công nhận.

*

Và các tác phẩm văn chương đã được in ra, tôi sẽ nói đến trong một dịp khác, vì không muốn lạm dụng quá nhiều trang giấy.

Trong khuôn khổ bài báo này tôi cố gắng trình bày một số bài viết lý luận, phê bình tiêu biểu của các nhà văn, để độc giả ở ngoài nước – thiếu tài liệu – có thể theo dõi biến chuyển trong nước. Dĩ nhiên là còn thiếu sót rất nhiều.

Về khuynh hướng đổi mới phải kể đến những bài viết giá trị của nhà văn hóa Nguyễn Khắc Viện như bài tham luận ông đọc trước Nguyễn văn Linh *"Tháo gỡ trói buộc cho văn học – nghệ thuật"* (Tổ Quốc tháng Mười Hai 87) và nhiều bài bàn về dân chủ của ông đăng rải rác trên các báo; *"Thử đặt vấn đề dân chủ hóa trong giai đoạn hiện nay"* của giáo sư Lý Chánh Trung; *"Nhân cách của người trí thức"* tham luận của Dương Thu Hương đọc trước Nguyễn văn Linh; *Mấy ý kiến về phê bình văn học"* của Lại Nguyên Ân, Quân đội Nhân dân ngày 11 tháng Bảy 1987, *"Cần có phê bình sự phê bình" hay "chung quanh vở diễn Hồn Trương Ba da hàng thịt" của Hồ Ngọc (Văn Nghệ số 3, 4, 5 ngày 23 tháng Một 88), "Về một dạng*

"ngã lòng" của Hà Giang (Văn Nghệ cùng số). "Phê bình tự phê bình" của Phong Lê (Văn Nghệ ngày 1 tháng Mười 1988). v.v...

Không kể về phía bảo thủ, những bài viết chống lại phong trào đổi mới văn học của Phan Cư Đệ, Hà Xuân Tường, Mai Ngữ (đã xoay chiều), Nguyễn Đình Thi, Lê Xuân Vũ, Hoàng Trung Thông...

Hiện nay, ở trong nước, câu hỏi được nhiều người đặt ra: "Có hay không có khuynh hướng phủ nhận 40 năm học xã hội chủ nghĩa?" Sông Hương trước khi bị đóng cửa (Sông Hương bị đóng cửa từ tháng 9 / 89 đến tháng 1 / 90) đã có những bài viết sôi nổi về những vấn đề ấy. Câu trả lời chưa ngã ngũ. Cuộc tranh đấu cũ – mới còn cam go: Trần Độ chờ đợi thế hệ trẻ lớn lên để *"chôn sống"* thế hệ *"văn chương cung đình"* này (phỏng vấn Trần Dần, Hoàng Phủ Ngọc Tường ghi, Sông Hương số 31 tháng Năm 88), Xuân Cang *"nói vắng tê cho thỏa giận là "tự mình diệt mình" đấy". Nhưng thích đáng nhất, có lẽ là nhận xét của Nguyễn Đăng Mạnh: "Người nào cũng nên tự phủ nhận cái viết cũ của mình ở những mức độ khác nhau"* (Đoàn kết thật sự, dân chủ thật sự, đổi mới thật sự, Nguyễn Đăng Mạnh, Sông Hương 36 tháng Ba 89).

Ở ngoài nước, có người đặt câu hỏi: *"Có hay không có một khuynh hướng văn học phản kháng?"*

Con đường thiết thực nhất để trả lời câu hỏi đó, theo tôi, là chúng ta nên đọc và tìm hiểu, các tác phẩm văn học đã có may mắn thoát được ra nước ngoài, không riêng về giá trị phản kháng, mà nhiều tác phẩm còn chứa đựng một phần không nhỏ giá trị văn chương, nghệ thuật nữa.

ĐÓN ĐỌC

CÁNH CỬA

Tập truyện của NHẬT TIẾN

Thời Văn xuất bản 1990

TRƯƠNG VŨ

những thiên đường mù, văn chương phản kháng trong tác phẩm dương thu hương

●

Nhiều nhà nghiên cứu chính trị về cuộc Cách mạng Ba lan khởi đi từ sự thành lập Công đoàn Đoàn Kết đồng ý với nhau về một lý do khiến cho cuộc Cách mạng Ba lan vẫn tồn tại và cuối cùng thành công, mặc dù tất cả những người lãnh đạo nòng cốt của Công đoàn Đoàn Kết – Walesa, Kuron, Mazowiecki, Geremek v.v... – đều bị nhà cầm quyền Cộng sản bắt trọn trong cái đêm lịch sử 13 tháng Mười Hai năm 1981. Cái lý do thành công nói đến ở đây là: kể từ sau ngày Công đoàn Đoàn Kết bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, người dân Ba lan đã biết sống cùng một lúc hai cuộc đời của họ. Cuộc đời thứ nhứt là một cuộc đời giả dối, đầy kịch tính, trong đó tràn ngập những hoan hô, những đả đảo, những tuyên ngôn, những phản ứng máy móc và lố bịch... Họ sống cuộc đời này với sự ngoan ngoãn và khôn khéo cần thiết, đồng thời với tất cả cái lạnh lùng của con tim, như phải đóng đi đóng lại mỗi ngày vở kịch nhàm chán. Cuộc đời thứ hai là cuộc đời thật, có phẩm cách và đầy sôi động, dành nhiều cho tình yêu, tình yêu tổ quốc, tình yêu con người, tình yêu thiên nhiên, tình yêu tôn giáo... và dĩ nhiên cũng dành cho những cái xấu, cái tốt thường tình như bất cứ cuộc đời thật nào ở nơi đâu. Nhiều văn và nghệ sĩ Ba lan cũng đã sống hai cuộc đời như vậy.

Tôi nghĩ, không phải chỉ riêng ở Ba lan mà ở bất cứ nơi nào có chuyên

chế, người dân đều có khuynh hướng sống hai cuộc đời như vậy. Cái thành công của Ba lan là cuối cùng, đa số người dân đã vạch được một lằn ranh rõ rệt giữa hai cuộc đời đó. Rõ rệt đến cái độ mà những người cầm quyền đành phải chấp nhận một sự thật chua chát là họ chỉ liên hệ được với đại đa số quần chúng qua cái cuộc đời giả dối thứ nhứt. Có nghĩa là, những kẻ cầm quyền phải nhận ra rằng họ đã trở thành những người sống bên lề xã hội, vì cái xã hội thực, cái xã hội sinh động, lại là cái xã hội của cuộc đời thứ hai.

Người dân Việt nam sống dưới chế độ Cộng sản cũng có hai cuộc đời như vậy, mặc dù người dân Việt nam có thể chưa rạch được một lằn ranh rõ rệt giữa hai cuộc đời đó như người dân Ba lan đã làm vào những năm gần đây trước khi cuộc cách mạng của họ thành công.

Kể từ ngày những người Bôn sơ vích nắm quyền ở Nga, thì ở tất cả những nơi nào có chế độ Cộng sản, những kẻ cầm quyền đều có những chính sách văn nghệ giống nhau là cố đào nặn ra những văn nghệ sĩ khi nhắm đối tượng là cuộc sống hiện tại trên quê hương họ, chỉ biết nhìn vào và dừng lại ở cuộc đời thứ nhứt. Từ đó, nảy sinh một số người chống đối chế độ từ bên ngoài hay phản kháng chế độ từ bên trong có khuynh hướng chỉ mô tả những cái xấu xa, ghê tởm, lố bịch xuất hiện cũng trong cái cuộc đời thứ nhứt đó. Những cái tốt hay cái xấu được mô tả trong những tác phẩm này thường là những cái tốt hay cái xấu có khuôn mẫu hay ước lệ. Trong cả hai loại tác phẩm nói đến ở đây, cái cuộc đời thứ hai, tức cái cuộc đời thực của con người, hầu như bị bỏ quên.

Truyện dài Những Thiên Đường Mù của Dương Thu Hương được xây dựng lấy khung cảnh là cuộc đời thứ hai của người dân Việt nam khởi đi từ cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc vào khoảng 1956. Với một ngòi bút linh động và bằng những cảm xúc cuồng nhiệt, Dương Thu Hương đã thấy được cuộc đời thứ hai này của người dân, đã và đang sống tại Việt nam, là một cuộc đời phong phú và thực sự hiện hữu cùng với tất cả những cái tốt và cái xấu của muôn thuở. Trong khung cảnh đó, câu chuyện được giàn dựng trên những hủy diệt và vẫn được phát sinh từ những nguyên nhân lẽ ra phải bị dừng lại ở cuộc đời thứ nhứt hay lẽ ra không nên có.

Đây là một tác phẩm văn chương. Tác phẩm văn chương đó có mang

tính phản kháng. Tuy nhiên, tính phản kháng trong tác phẩm mặc dù sâu sắc và thấm thía nó vẫn không bị lạm dụng, hay rất ít bị lạm dụng, để thương tổn đến phần văn chương của tác phẩm. Do đó, tác phẩm cần được xét đến như bất cứ một tác phẩm văn chương nào về nhiều khía cạnh khác nhau, chẳng hạn, cách giàn dựng câu chuyện, cách xây dựng nhân vật, cái không khí mà tác giả đã tạo nên được cho tác phẩm của mình v.v... Dĩ nhiên, trong trường hợp này, khía cạnh phản kháng của tác phẩm vẫn khá nổi bật để phải được bàn đến kỹ lưỡng.

Tác phẩm gồm có ba phần. Phần thứ nhứt, rất ngắn, là phần hiện tại của cô gái, Hằng, ở trong một chung cư dành cho công nhân xuất khẩu thuộc một thị trấn nhỏ ở Nga. Phần thứ hai, phần dài nhứt của tác phẩm, là một sự quyện lẫn giữa hiện tại và quá khứ. Cái quá khứ được gợi nhớ do những thực tế của hiện tại hay chỉ hoàn toàn hiện ra một cách tự nhiên bởi ký ức. Phần thứ ba là phần hiện tại nối tiếp của Hằng khi đến Matxcơva gặp ông Chính và cuối cùng trở về lại Việt nam.

Cốt truyện được xây dựng xung quanh những tình yêu cùng dành cho một người đàn ông, ông Tốn, từ ba người đàn bà ở ba vị thế khác nhau: một người là vợ, một người là chị, và một người là con gái. Vết dao đầu tiên chém vào cuộc đời của hai người đàn bà, bà Quế và cô Tâm, là cuộc cải cách ruộng đất mà người thi hành là ông Chính, em ruột bà Quế. Vết chen này là điểm phát xuất chính của câu chuyện. Nó đã làm thay đổi đến tan nát cuộc đời của hai người đàn bà và gián tiếp đưa đến cái chết về sau này của ông Tốn. Cái chết đó cùng với sự ra đời của Hằng, con gái của ông Tốn và bà Quế, đã khiến hai người đàn bà dồn hết tình yêu và tranh nhau dồn hết tình yêu vào đứa con gái. Và rồi, những người đàn bà đó vẫn tiếp tục sống mãnh liệt theo cách riêng của mình và cố tạo dựng cho riêng mình một thiên đường. Bà Tâm xây dựng cái thiên đường của bà bằng tất cả những nồng cháy của tuổi xuân đã biến thành cái lạnh lùng đến rợn người, bằng cái tình yêu dành cho người em trai đã mất nay chuyển sang đứa cháu gái, bằng sự căm thù kèm theo một ý thức bất lực về sự trả thù, và bằng sự thông minh, kiên trì của một người đàn bà có sự kiêu hãnh về huyết thống. Bà Quế, ngược lại, sau khi cảm thấy "thua" trong cuộc tranh đua tình cảm với cô Tâm, bà quên phần ký ức liên hệ đến số phận đau thương của người chồng và mối tình của họ, mà chỉ giữ lại phần ký ức liên

hệ đến sự ràng buộc niềm hạnh phúc do sự chịu đựng, sự hy sinh cá nhân và do cuối cùng đã có được một vị thế quan trọng trong đời sống gia đình của người em trai. Ông Chính, ông cán bộ cao cấp, thì lại không rắc rối như hai người đàn bà kia. Lúc nào ông cũng hài lòng với chính ông, không thắc mắc về hạnh phúc và cũng chẳng thắc mắc về sự hủy diệt hạnh phúc mà ông đã gây ra cho người khác, kể cả chị ruột ông. Thảm kịch mà nhân vật chính, Hằng, thấy lờ mờ lúc đầu và càng thấy rõ về sau, là cái thiên đường mà ông Chính nghĩ là mình đang có cùng với những thiên đường mà cô Tâm hay bà Quế muốn đạt tới đều là những thiên đường không có thực, *những thiên đường mù*.

Kỹ thuật dựng truyện hơi giống kỹ thuật điện ảnh Tây phương ở phần thứ nhì của câu truyện. Người đọc có cảm giác như nhìn thấy hình ảnh của cô gái Việt nam nhỏ bé hiện lên trên một màn ảnh, ngồi trên một toa xe lửa, bên cạnh những người Nga xa lạ. Rồi, tiếp theo những tiếng động nhịp nhàng và đều đặn của xe, những hình ảnh của quá khứ dần dần hiện ra. Hình ảnh của quá khứ dừng lại khi một âm thanh, một hình ảnh, hay một động tác nổi bật của thực tại làm ngắt quãng ký ức. Rồi, cứ như thế, quá khứ lại trở về rồi lại đi. Văn hào Nga, Leon Tolstoy, cũng đã sử dụng một kỹ thuật tương tự khi dựng tiểu thuyết *Bản Sonate Viết Cho Kreutzer*, rất lâu trước khi kỹ thuật điện ảnh thực sự trưởng thành. Tuy nhiên, trong tác phẩm của Tolstoy, người kể chuyện không sống với ký ức mà nghe một hành khách ngồi cùng toa đang sống với ký ức, kể lại cái quá khứ của ông ấy. Câu chuyện thỉnh thoảng vẫn bị ngắt quãng và xen lẫn với những sinh hoạt của thực tại do sự đi và đến của xe, nhưng, cái quá khứ của ông hành khách được vẽ lại theo gần đúng với thứ tự thời gian của nó. Trong trường hợp Những Thiên Đường Mù, cái quá khứ và hiện tại của cô gái quyện lẫn với nhau khi cô ngồi trên xe lửa đi từ một thị trấn nhỏ đến Matxcơva. Có lúc, quá khứ hiện ra một cách rất tự nhiên. *Lên tàu, chui vào góc toa của mình, tôi nhắm mắt lại. Và như một cuốn phim sử thuật, cuộc sống quá vãng lần mở ra... Ông ngoại tôi làm nghề bốc thuốc...*. Có lúc quá khứ được gợi lại do một hình ảnh của thực tại, như khi từ trong tàu nhìn ra đêm tối, thấy một ngôi nhà cô lẻ. *Ngôi nhà cô lẻ, mái chóp nhọn có ống khói, trong ánh chiều chạng vạng, u hoài. Nó gợi cho tôi biết bao ẩn ức về quá vãng, quá vãng của chính tôi, của cha mẹ tôi, bạn bè thân thiết của tôi, xứ sở của tôi.*

Cái quá vãng mỗi con người từng trải nghiệm hoặc liên đới với nó bởi một sợi dây thâm sâu của máu huyết và nòi giống. Con tàu vẫn chạy, nhưng ngôi nhà lẻ loi bên hồ vẫn ám ảnh tôi. Tôi lại nhớ mảnh đầm ướt để hoàng hôn nơi làng quê, trong những lúc mẹ đưa tôi đi thăm họ mạc. Và cứ như vậy, quá khứ về rồi đi, và khi về nó không nhất thiết về theo cái thứ tự thời gian nó được sản sinh, nhưng về rất đúng lúc và bao giờ cũng tự nhiên như nó chỉ là một phần mật thiết của hiện tại.

Bốn nhân vật xuất hiện nhiều nhất trong truyện là Hằng, tức người kể chuyện, cô Tâm, bà Quế, và ông Chính. Nhân vật sắc bén và sống động nhất là cô Tâm và nhân vật thô thiển và cứng nhắc nhất là ông Chính.

Hình ảnh chung của cô Tâm là hành ảnh một người đàn bà đẹp, nhỏ nhắn, đầy nghị lực, và rất lạnh lùng. Trong truyện, cô bắt đầu xuất hiện sau khi ông Chính trở về làng và đưa gia đình cô, và cũng là gia đình anh rể ông Chính, ra đấu tố. Khoảng gần hai mươi năm sau cô mới gặp bé Hằng khi bà Quế đưa bé Hằng về làng. Lúc đó, ông Tốn đã mất và bé Hằng được chín tuổi.

Cánh cửa chính bỗng mở. Một người đàn bà nhanh nhẹn băng qua sân, tới trước mặt chúng tôi:

– Nó đây phải không?

Một giọng nói trầm, và nghẹn, khiến tim tôi lặng đi. Một đôi mắt mở rộng, đau đáu nhìn như muốn xuyên qua thân hình tôi. Làn môi khô cô mím chặt, nhưng từng hồi run rẩy:

– Nó đây à, cô Quế?

... ...

Cô Tâm bỗng quỳ xuống, mặt cô gần sát với mặt tôi. Tay cô rờ từ tóc, xuống thái dương, lướt qua khuôn mặt, xuống vai tôi, dường như muốn tìm kiếm gì đó... Khuôn mặt héo úa của cô, chắc chắn bình thường rất nghiệt ngã, bỗng trở nên đờ đẫn, ngơ ngác. Cô lắp bắp:

– Hạt máu của... Cháu tôi...

Hai giọt nước mắt trào qua mi, lăn trên đôi gò má đã sạm từng mảng. Những vết sạm, lẫn những chấm tàn nhang trên má cô khiến tôi phải cúi đầu xuống. Rồi, chợt như tự trấn an, cô Tâm đứng lên:

– Thôi, hai mẹ con vào nhà.

Cô thoăn thoắt đi trước. Dáng người cô gầy, dẻo dai. Gương mặt cô trở lại vẻ lạnh lùng. Môi mím chặt.

Cô đã dồn hết mọi thương yêu vào bé Hằng. Cô là *một phiên bản đã thất lạc của người em và một cỗ máy của ý chí phục thù. Giá cần xé xác mình ra, tôi cũng làm, miễn đạt được điều tôi ao ước...* Tuy nhiên, người đọc vẫn cảm thấy được một nỗi đau đớn nơi cô là, mặc dù *trong ánh chiều chạng vạng, mắt cô rực như than* chắc cô cũng ý thức được nỗi bất lực của cô về một cuộc trả thù lớn. Do đó, cô đã biến bé Hằng thành một nơi để đầu tư cho niềm kiêu hãnh của huyết thống cùng lúc với một ngụ ý trả thù. Mỗi một thành công của cô cháu gái đều được xem như một vinh quang của chiến thắng.

Bên cạnh cái lạnh lùng, cô Tâm cũng có những nét khát vọng bình thường như bất cứ người đàn bà nào. Những khát vọng có khi được nói ra một cách sống sượng, có khi được mô tả như trong một chuyện thần tiên. Nhưng dù sống sượng hay thần tiên, nó vẫn sang được nét đặc thù của cô Tâm, nét đặc thù của một con dao bằng thép nung được mài dũa hằng đêm: bén, lạnh và âm ỉ.

Tôi nghĩ, dù ngòi bút có tài tình, nhưng nếu trong đời sống thực, nhà văn không chứng kiến và cảm được tận cùng những oan khổ, sẽ rất khó cho nhà văn đó dựng nên một nhân vật như cô Tâm.

Khác với cô Tâm, bà Quế mang hình ảnh của một người đàn bà chịu đựng và chấp nhận số kiếp. Một người đàn bà đằm thắm, không lạnh lùng, chung thủy và rất tha thiết trong tình yêu nhưng lại là thứ tình yêu đi kèm với nghĩa quên mình. Trong truyện, tác giả nói rất ít về liên hệ giữa bà và người chồng vắn số, nhưng vẫn đủ để thấy tình yêu của họ như thế nào.

– Cô Tâm, nhà tôi đi đâu thế?

– Thưa bà nông dân, chúng con không biết.

– Tôi xin cô, tôi có làm gì nên tội đâu.

... ...

– Trăm lạy cô, ngàn lạy cô, đừng dày vò gan ruột tôi nữa. Chồng tôi đi đâu?

... ...

Một đêm tháng Chạp, mẹ cuốn bọc quần áo rời khỏi làng... Nửa năm trôi

qua... mẹ tôi về, thất thểu như bóng ma... Đêm ấy, chòm xóm kéo sang thăm hỏi. Mẹ tôi ngồi vòng tay ôm gối, nước mắt thánh thót rơi.

Đến mãi gần mười năm sau, hai người mới gặp lại. Năm ấy, *mẹ còn xuân sắc, con mắt không liếc ai, miệng không cười với ai... Tình yêu của họ thức dậy...* Sau khi sinh con được hai tháng thì chồng chết. Người đàn bà đó yêu con một cách trân trọng. Bà không hề làm gì nên tội, nhưng lúc nào cũng như có mặc cảm phạm tội, dù cả với con. Và, rất sợ làm khơi động quá khứ.

– Đứa nào cũng có bố, dù bố nó đã chết hoặc đui mù... mẹ phải chỉ cho con biết bố của con.

– Em đừng hỏi. Mẹ chắp tay lậy em ngàn lạy, xin đừng hỏi. Mẹ con ta sống với nhau, có nhau, thế là đủ... Mẹ xin em...

Đối với người đàn bà này, máu mủ ruột rà cuối cùng rồi cũng ở lên trên hết. Do đó, bà đã quen những gì người em ruột đã làm, đang làm, để nối lại cái tình máu mủ đó. Sự ghen tương với cô Tâm trong "cuộc chạy đua" giành tình yêu của con gái đã khiến bà đi xa hơn trong liên hệ này một cách mù quáng. Sự kiện này đã giúp cho cấu trúc của cuốn truyện trở nên phức tạp một cách lý thú và thêm ý nghĩa cho cái nhìn của tác giả về một loại thiên đường mù. Tuy nhiên, dù những phản ứng tâm lý được diễn tả một cách tài tình trong cuộc gặp gỡ cuối cùng giữa bà Quế và cô Tâm có thể cắt nghĩa phần nào, ngòi bút của Dương Thu Hương vẫn có thể thiếu tự nhiên khi diễn tả sự mù quáng này.

Người kể chuyện, Hằng, là một người con gái không có sự kỳ bí hấp dẫn của cô Tâm, nhưng là một người con gái được nhiều cảm tình của người đọc. Người con gái này có cái nhìn về cuộc đời rất bình thường và chân thật. Bình thường nhưng vẫn rất bén nhạy và không hề tầm thường. Đây là một cô gái sống nhiều với ký ức và có một thế giới của thời thơ ấu đầy tình thương. Đậm nét nhất là tình thương của mẹ, rồi với của cô, và với một người cha chưa hề thấy mặt. Nhưng tình thương đó đã lan dần ra đến những cảnh vật chung quanh và giúp cô có một cái nhìn rộng lượng và hài hòa với cuộc đời. Và rất hồn nhiên. Hồn nhiên như ngày còn nhỏ đi thơ thẩn dọc đường, theo nói chuyện với một con chó già của nhà bà hàng xóm. Hồn nhiên như khi đã trưởng thành không sao hiểu được những mưu

tính tầm thường trong đầu ông cậu cán bộ cao cấp. Nhút nhát, chưa thực sự có tình yêu đôi lứa nhưng vẫn rất bén nhạy để cảm kích với những đam mê trong tình yêu.

Và đặc biệt, trong cô gái này, quá khứ với hiện tại gần như chỉ là một. Đó cũng là lý do khiến cô bé rất nhạy cảm trước những thực tế của thân phận, thân phận không phải của riêng cô mà của chung cả cái thế giới đầy thương yêu của cô. *Sau quãng thời gian xa cách, giờ đây tôi mới đủ khôn lớn để hiểu nỗi buồn thâm sâu của tiếng hát trùng phùng. Nó vẫn vang trong không gian nhàm chán của phố nghèo. Nó, điệp khúc buồn tẻ chẳng thay đổi một luồng sinh khí tù đọng không có cơ giải thoát. Nó, giai điệu ám ảnh của một cõi đời thiếu hụt, của cuộc tồn tại mà chẳng tồn sinh, của một dòng sống thối rữa nhiều rác rến và bèo bọt...*

Nhân vật cũng xuất hiện nhiều nhưng thiếu sinh động nhất và không hề có ký ức là ông Chính. Không thấy nơi ông sự dằn vặt hay những phản ứng vi tế nào trước những đổi thay của đời sống hay những hậu quả do những việc ông làm. Ở nơi ông có sự cứng nhắc. Sự cứng nhắc đó rất khó phân biệt là do cái ngòi bút của tác giả mất phần nào sự đam mê, khi viết, về ông Chính hay do ở ngoài đời thật những nhân vật như ông vốn cứng nhắc như vậy. Tôi nghĩ, do cả hai. Ông Chính, cũng như biết bao ông cán bộ vào hàng lãnh tụ của chế độ, là những người đã ràng buộc cuộc đời và tâm tư họ vào với những nghị quyết, những kế hoạch... đến thành như máy móc. Nghị quyết mới không bảo đảng viên hãy nghĩ đến những oan hồn còn vất vưởng đâu đó do hậu quả của nghị quyết cũ thì đảng viên trung kiên không có sự dằn vặt được. Nhưng trên thực tế, con người không là cái máy đúng một trăm phần trăm, nên chắc phải có một chút khác biệt nào đó, và những oan khiên không thể bị đuổi đi một cách dễ dàng. Tuy nhiên, cái con người muốn trở thành cái máy, và lại là cái máy có thể giết người, khó có sự hấp dẫn để một người làm nghệ thuật dồn hết tâm huyết để viết hoặc vẽ về họ. Mặc dầu vậy, tôi nghĩ, trong Những Thiên Đường Mù, tác giả đã cố gắng tạo nên được về ông Chính trong cấu trúc chung của cuốn truyện vẫn độc đáo hơn là những nét chi tiết mô tả về ông.

Tôi rất thích những nhân vật phụ trong Những Thiên Đường Mù. Họ rất đông nhưng không thừa. Họ rất khác biệt nhau nhưng không làm cho cuốn truyện loãng. Tất cả đều như có một vị trí rất đúng của nó trong một

thế giới phong phú, đầy mầu sắc. Gần nhất và quan trọng nhất là ông Tốn, ít nói, nửa như chính, nửa như phụ. Xa hơn chút, cô gái sống phóng đãng ở cùng chung cư. Xa hơn nữa, cặp vợ chồng kỳ bí trên mạn ngược, được *trói buộc hai số kiếp nhưng lại chia lìa hai trái tim*. Rồi, cô gái đánh mất cái đầu máy khâu. Rồi, những người Nhật bổn. Rồi, chàng lãng tử. Rồi, ông già mù chống gậy đi tìm đứa con gái... Rất nhiều và rất sống động. Tất cả đều xa lạ với nhau nhưng đều như có một liên hệ vô hình với nhau.

Một nét đẹp đặc biệt khác trong tác phẩm là tính phản kháng.

Tính phản kháng nổi bật nhất trong toàn cuốn truyện là sự cố ý tảng lờ cái đời sống giả tạo chịu liên hệ trực tiếp với những hoạt động của chế độ. Người ta không tìm thấy được trong đời sống thật của những nhân vật chính trong truyện, ngoại trừ ông Chính, những suy nghĩ hay tình cảm thuộc loại "xã hội chủ nghĩa" thường thấy trong những tác phẩm được viết ra với mục đích chính là để ca ngợi hay ngược lại, để chế giễu chế độ. Tác phẩm dành rất nhiều vị thế khác nhau cho nhiều loại tình thương khác nhau, như tình thương cho mẹ, tình thương cho cô, tình thương dành cho một triền sông, tình thương dành cho một con chó già... Nhưng, tuyệt nhiên, không có một tình thương nào, dù một chút thôi, dù hơi hơi thôi, dành cho Lénin, cho "Bác", cho "Đảng", hay cho bất cứ một loại sản phẩm con người nào của họ.

Trong truyện có một nghiên cứu sinh, *lãng tử*, được mô tả với nhiều nét đẹp. Mặc dầu, anh ta được nhà nước gửi đi du học ở Liên sô, nhưng chẳng có gì chứng tỏ anh là một sản phẩm của chế độ. Anh ta đẹp, chỉ bởi anh là một người dám sống chân thật, và giống như nhân vật Yên Thanh trong Một Trăm Linh Tám Anh Hùng Lương Sơn Bạc. Bà Thành, vợ ông Chính, cũng có thể là một người đàn bà đáng thương, ngoại trừ khi bà cúi xuống cuốn sách có đề chữ: *V.I. Lênin tập 13*.

Trong Những Thiên Đường Mù, người đọc thấy được tràn trề những hạnh phúc của Hằng khi hồi tưởng cái quãng đời ấu thơ đã mất của mình. Ngay cả cái mùi nước tiểu trong khu xóm nghèo còn vướng lại trong ký ức của Hằng dù có đôi chút khó chịu vẫn chỉ để tạo một phần gợi nhớ thân thương về một không gian của tuổi thơ. Cuộc đời bình thường đó, bắt đầu từ lúc được tạo dựng do tình yêu giữa cha và mẹ, cho đến sau khi

đã trưởng thành, lẽ ra phải là một thiên đường thật. Tất cả những thảm kịch đưa đến sự hủy hoại cái thiên đường này chỉ phát sinh từ hai nguyên do. Trước hết, đó là cuộc cải cách ruộng đất, tượng trưng cho cuộc đấu tranh giai cấp hay tượng trưng cho chính chế độ. Tiếp theo, đó là sự trở về – không phải vì tình gia đình mà chỉ vì số tiền bán nhà – của ông cậu, đại biểu cho những cán bộ nòng cốt của chế độ. Và, cái nhìn của tác giả đối với chế độ hay người của chế độ rất rõ ràng và đơn giản. Như lời của *lãng tử* nói với Hằng:

Người ta nên hiểu hết mọi sự trên đời này cô bé ạ, dù cho là sự thực đau buồn. Ông cậu của cô giống như một loại người tôi đã từng gặp. Họ là những kẻ đã phao phí gần hết đời sống của mình vào việc vẽ nên một thiên đường dưới trần gian, nhưng trí khôn ngắn ngủi của họ lại không đủ để hiểu thiên đường ấy ra sao và con đường nào đưa tới nó... Họ là tấn thảm kịch cho chính họ, là tấn thảm kịch cho thế hệ chúng ta...

Không giống như nhiều tác phẩm phản kháng khác, Những Thiên Đường Mù cuối cùng không dành cho loại người này những oán hận và cũng không đưa ra những lý luận nhằm sửa chữa sai lầm. **Những Thiên Đường Mù chỉ dành cho họ sự khinh bỉ**. Khung cảnh cuối cùng dành cho ông Chính trong căn phòng của nghiên cứu sinh Khoa, cùng với những cái *dụng cụ tránh thai của đàn ông* bỏ lây lất, cùng với những lời giễu cợt của những người trẻ dành cho ông, cùng với sự chăm chú vô cùng nghiêm chỉnh của ông trong việc rửa chén và giặt giũ cho mấy ông sinh viên để được quăng cho một ít tiền, cùng với cái cảnh ông lường gạt chính cô cháu gái... rất sống động nhưng không hề để chọc cười. Nó biểu lộ đến tận cùng sự khinh bỉ đó.

Nếu cái phản kháng dành cho chế độ và những nhân sự nòng cốt của chế độ được biểu lộ bằng sự khinh bỉ thì cái phản kháng thật lại nhằm vào những nạn nhân của chế độ, hay đúng ra, nhằm vào cách xoay sở để tìm hạnh phúc của họ. Sự phản kháng này tuy được khởi đi bằng lòng thương yêu nhưng không khỏi chứa đựng nhiều trách móc.

Bà Quế là một người đàn bà hy sinh, chịu đựng, chấp nhận số kiếp. Nói khác đi, bà là một người "không có sự phản kháng". Cũng giống như rất nhiều người Việt nam khác. Cũng giống như rất nhiều người tốt khác trên

thế gian này. Nhưng, chính cái "không phản kháng" đó cũng đã tạo ra thảm kịch. Chính nó đã làm hủy hoại cái thiên đường thật của bà Quế, cái thiên đường bà xứng đáng được có, do tình yêu chân thật giữa bà với chồng, trước đó, và do tình yêu nồng thắm giữa bà và con gái, sau này. Chính cái "không phản kháng" đó đã khiến cho bà không chận được ông Chính ở ngoài ngưỡng cửa của cái thế giới nghèo nàn nhưng đầy tình nghĩa, để rồi sau đó, cố nhân danh cái tình máu mủ khỏa lấp sự yếu đuối, bà trở thành một người quờ quạng đi tìm một thiên đường mù. Ở đây, sự phản kháng của tác giả rõ ràng dành cho "những tâm hồn rất đẹp nhưng không biết phản kháng". *Cái chất lửa cuồng nhiệt của tình yêu, ngọn phong ba bão liệt của sự phản kháng, sức mạnh đẹp đẽ nhất, cần thiết nhất với con người... Giá chi mẹ tôi có được một chút còn con sự phản kháng ấy?... Giá chi trong trái tim mẹ có được ngọn lửa nhỏ của đám cháy khát vọng?*

Cô Tâm đại biểu cho một khuynh hướng được dành nhiều kính trọng. Tuy nhiên, khuynh hướng đó vẫn là đối tượng của phản kháng. Phản kháng nhằm vào sự hủy diệt đời sống của chính mình, cho dù nguyên nhân của sự hủy diệt phát sinh từ một căm thù chính đáng. Ở cô Tâm, sự hủy diệt đó đã tạo nên một âm khí xung quanh cô, ảnh hưởng cả tới người thân yêu.

Thuở ấu thơ, Hằng có những giờ phút đẹp với cô Tâm nhưng giữa hai người vẫn có một khoảng cách, khác hẳn với sự gần gũi đầy nồng nàn với mẹ. Và, nếu căm thù đưa đến độ hủy cái tuổi xanh của mình thì không khéo nó cũng sẽ hủy cái tuổi xanh của cái thế hệ nối tiếp đầy thân thương của mình. Tương lai của Hằng bị phá vỡ đâu phải chỉ vì ông Chính và bà Quế thôi đâu. Một phần nào do ở sự căm thù quá lớn đó của cô Tâm, dù là chỉ gián tiếp. Có phải tác giả muốn ngụ ý ở đây là người ta vẫn có thể nuôi căm thù mà không cần phải hủy hoại đời sống? Cái thiên đường của người chết là một thiên đường không có thật.

Tôi nhìn ngắm, lần nữa, rồi lần nữa, những bộ đồ cưới, những tấm áo dài rực rỡ, những phấn son đã được sắm sanh thầm lén và thầm lén nhốt trong bóng tối của chiếc hộp. Và tôi hiểu, khi tôi đưa chiếc quan tài chở xác cô ra bãi tha ma, thì tôi lại bật mở một chiếc quan tài khác, chiếc quan tài quàn xác chết tuổi xuân, xác chết của những giấc mơ son trẻ của cô...

... ...

Rải rác quanh vành trăng, vài ngôi sao lớn. Tôi đăm đăm nhìn chúng. Hơn bao giờ hết tôi thấy rõ đường đi của thời gian đang lướt qua khung trời. Như vết đuôi sao chổi. Chúng xóa đi từng thời khắc của cuộc đời. Chúng xóa đi... mà trí nhớ con người lại không xóa nổi. Nhưng dĩ vãng chỉ là dĩ vãng. Những đồng tiền âm phủ không tiêu được trong phiên chợ trần ai.

Tiếp nối những phản kháng là một thái độ tích cực. Một thái độ đề nghị. *Hãy dứt khoát với tất cả những lầm lạc. Không thể tiêu phí cuộc sống bởi những cánh hoa tàn héo, những tối tăm, lầm lạc của quá khứ, mà phải hướng tới ngày mai...* Rồi một đề nghị xây dựng. *Phút ấy, tôi mơ tới bóng mát của giảng đường. Tôi mơ tới phi trường xa xôi, mơ những chuyến bay cất cánh và hạ cánh.* Hình ảnh của cái giảng đường tượng trưng cho sự trở lại mái trường của cô gái để thực hiện một mơ ước cũ đã bỏ dở. Nhưng hình ảnh cái giảng đường cùng với hình ảnh một phi trường có máy bay lên xuống cũng là những hình ảnh ẩn dụ. Giảng đường là cái nơi mà người ta truyền cho nhau một cách thoải mái những kinh nghiệm, những mơ ước, những khám phá... để làm thăng hoa đời sống. Giảng đường cũng là nơi giúp người ta đi xa dần sự ngu dốt. Giảng đường cũng là nơi có nhiều người lắng nghe người khác nhất. "Lắng nghe"? Hai tiếng đó hình như thiếu vắng trong đời sống tinh thần của rất nhiều người trong xã hội chúng ta. Còn hình ảnh phi trường có những máy bay lên xuống ngụ ý gì ở đây? Phải chăng là sự tự do đi và đến. Đi đến bằng thân xác, đi đến với tình yêu, đi đến bằng thương nhớ... và dĩ nhiên, có cả đi đến với một nhận thức. Một nhận thức khoa học, một nhận thức triết học, hay một nhận thức chính trị.

Cuối cùng, điều cần phải nói về Những Thiên Đường Mù là cái không khí của tác phẩm. Đó không hoàn toàn là một không khí của hoài niệm như nhiều người nói. Đó là cái không khí của một đời sống có ký ức. Ký ức làm gắn liền cái nét quyến rũ của một giọng hát bên trời Tây với tiếng mưa gõ trên mái tôn ở quê nhà. Cũng là cái không khí của một đời sống đầy đam mê và cuồng nhiệt. Cũng là cái không khí đã bọc lấy đời sống của một con người với đời sống một dòng sông hay một cái ao bèo... Và, đồng thời cũng là một không khí hoang dã đã liên hệ được một người vùng xuôi với những người ở mạn ngược, im lặng và bất động.

Gấp sách lại, vẫn hình dung được cái không gian của truyện, cái thời gian của truyện, cái đau đớn hay vui buồn của người trong truyện. Tất cả như đang sống và tiếp tục sống. Nửa như ở cuộc đời thật và nửa như trong mơ. Văng vẳng bên tai, còn nghe được tiếng hát của anh con trai què: *Rời thu sang lá vàng rơi đầy...*

Không phải tác phẩm văn chương nào cũng tạo được một không khí đặc thù và sinh động đến như vậy.

Chú thích: Tác phẩm Những Thiên Đường Mù của Dương Thu Hương do nhà xuất bản Phụ Nữ, Hànội, xuất bản năm 1988. Sách dày 284 trang và được viết xong ngày 10 tháng Sáu năm 1988. Đây là truyện dài thứ ba đã được xuất bản của tác giả.

LƯU NGUYỄN

bóng ngựa

●

khi em vừa chúm miệng cười
ta nghe như cả đất trời đổi thay
trắng tay một sát na này
có không
thua được
tròn đầy
thực hư
kìa mây dừng bước phiêu du
kìa con sông nhỏ nghìn thu đợi đò
hữu duyên cũng thể hẹn hò
vô duyên ai nỡ bày trò trớ trêu
trăm năm bóng ngựa bay vèo

BÙI BÍCH HÀ

tôi đọc "ly thân" của trần mạnh hảo

●

Trong số khá nhiều các tiểu thuyết ngắn, dài được viết, được đăng tải trên báo chí, được in thành sách trong thời điểm *glasnost* tại Việt nam hai năm qua, cuốn Ly Thân của Trần Mạnh Hảo do nhà xuất bản Đồng Nai ấn hành cuối năm 1989 ở Sàigòn, có lẽ là cuốn truyện dài được đón nhận sôi nổi nhất trong văn giới hải ngoại.

Cơ sở ấn loát Viet Nam Publishing (thị xã Stanton, California) vội vã in lại nguyên si tập truyện này và đưa vào thị trường ngay khoảng đầu tháng Tư dương lịch vừa qua. Nghe nói nhà xuất bản Thời Văn cũng đã loan báo đang in lại Ly Thân, "không phải vì mục đích thương mại mà là nhắm tới việc khuếch đại những âm thanh cuồng nộ từ quê nhà đến độc giả ở hải ngoại, ngõ hầu giúp những kẻ lưu vong nơi xứ người có một cái nhìn đích thực về những thay đổi đang ồ ạt xảy ra nơi quê nhà" (trích Hoàng Khởi Phong, *Văn Học* số 50, tháng Tư, 1990, trang 26).

Ngoài ra, còn nghe nói nhà xuất bản Quê Mẹ bên Tây cũng dự tính in lại Ly Thân và phát hành. Tạp chí *Quê Mẹ* số 107, ấn bản Hoa kỳ, Gia nã đại, đăng tải một bài điểm dài chín trang của tác giả Thi Vũ, viết về Ly Thân, dưới tựa đề "Ly Thân hay Ly Đảng"?

Giữa không khí sôi động và ít nhiều có hân hoan trong làng văn, một dúm người tuy thể phách lưu đầy nhưng hồn vẫn gởi ở quê nhà, không lúc nào là không canh cánh cầu mong và ngóng đợi một vận hội mới cho đất nước và dân tộc, tôi cũng vội vàng lao ra phố kiếm một cuốn Ly Thân mang về đọc.

Nhìn bề ngoài, cách trình bày và kỹ thuật in cuốn sách rất thô sơ để nằm ná như các tiểu thuyết kỳ tên Dương Hà, Nghiêm Lệ Quân, hoặc bà Tùng Long do nhà xuất bản Sống Mới ở Sàigòn in những năm 50 hoặc 60.

Chân dung Trần Mạnh Hảo vẽ phác ở bìa sau giới thiệu với độc giả một khuôn mặt thông minh, một đôi mắt suy tư và một nét nhìn bâng khuâng, ngờ vực, nói tóm lại, là khuôn mặt một người trí thức nhạy cảm với ít nhiều u uẩn.

Trong truyện Ly Thân của ông, nhân vật chính có tên là Trần Hưng, tiểu danh Húng Chó, xưng tôi với độc giả từ đầu đến cuối truyện.

Tuy ngoài bìa cuốn sách có in hai chữ "tiểu thuyết" ngay dưới tựa đề Ly Thân, toàn bộ cuốn sách là một hành vi chánh trị hơn là một tác phẩm văn học. Văn phong và bút pháp Trần Mạnh Hảo trong cuốn này, nghiêng về thể phóng sự, buông thả, dung tục, lúc nhanh và thô, có lúc dài dòng, lẩn quẩn ngột ngạt dưới sức nặng những vấn đề mà qua đó người đọc thấy sự làm dáng của ông hơn là kiến thức sâu sắc và khả năng giải quyết thực sự. Cùng với không khí lãng đãng sự bơn cợt gắng gượng, ở một góc độ nào đó, ngòi bút Trần Mạnh Hảo thể hiện được cái mỉa mai, chua xót, cái đau đớn, ê chề, cái tồi tàn, nhục nhã của cả một thời đại xã hội nhìn qua đôi mắt bất lực của một người cầm bút không có trong tay vũ khí nào khác ngoài nụ cười. Chính cái nụ cười tiếu lâm không nhếch mép này của Trần Mạnh Hảo, đôi khi còn đẩy đến chỗ ngây ngô tận cùng, đã khiến cho người đọc truyện ông dù không đồng ý với ông ở nhiều điểm, cũng dễ dàng chấp nhận ông với lòng thương cảm. Ngoài ra, tôi nghĩ cũng chính bằng nụ cười tưởng chừng không hậu ý này của ông mà Trần Mạnh Hảo đã thành công trong việc thuyết phục được những cặp mắt cú vọ công an văn hóa để giành lấy tối đa tự do cho ngòi bút của ông (tôi không tin tiếng đồn cuốn Ly Thân bị tịch thu ở Sàigòn). Cái diễu cợt làm ra vẻ khờ khạo trong nụ cười Trần Mạnh Hảo có lẽ đã tạo được những suy nghĩ hời hợt kết luận rằng khẩu súng lên đạn của ông chỉ là một khẩu súng giả, có tác dụng làm đẹp thêm, làm tăng thêm uy tín của chế độ trước mắt người dân mà thôi, không làm hại nó.

Dẫu sao, là một người đã ở lại Việt nam hơn mười năm sau ngày 30 tháng Tư 75, đã có kinh nghiệm sống trong xã hội Cộng sản công an trị mà con người chỉ suy nghĩ lấy mình thôi cũng *"như thể có hằng trăm tên mật vụ đang nấp trong các khe hở của những suy tư trong đầu, rình rập ghi chép các ý nghĩ kia để đi báo cáo vậy"*, (Ly Thân, tr. 10) mà *"ngay cả những giấc mơ trong lúc ngủ cũng không được miên man dông dài, nhất nhất phải*

có tính tổ chức, tính kỷ luật", (Ly Thân, tr. 59), tôi rất nghi ngại và thường không hồ hởi lắm khi có cơ hội đọc một số văn liệu từ bên nhà gởi qua. Tôi cũng biết rằng dù chế độ chỉ còn một ngày thoi thóp thở thì cái thoi thóp ấy cũng không ngừng sự chỉ đạo trên mặt trận văn hóa, chính trị, luôn luôn được coi là cốt lõi sự sống còn của chủ nghĩa Cộng sản trong lòng dân và cán bộ hạ tầng.

Từ ký ức về hai vở kịch lớn của Lưu Quang Vũ mà tôi được xem trình diễn ở Sàigòn khoảng năm 82 – 83 (Đường Ra Phía Trước, Tôi Và Chúng Ta) mở đầu chương trình đả phá tiêu cực trong chính quyền mà tác dụng của chúng mãi mãi chỉ giới hạn ở chỗ vỗ về, trấn tĩnh lòng dân, rằng Đảng và Nhà Nước biết hết, sẽ làm tốt hơn... nhưng thực ra rồi thì đâu cũng vẫn đóng đấy, nếu không nói là ngày càng tệ hơn, tôi chỉ còn nhìn, nghe, ngắm cái hoạt cảnh người phía họ cấu chí nhau, sỉ vả nhau, với lòng lãnh đạm.

Tuy nhiên, bỏ ngoài các dụng ý chính trị của chính quyền Cộng sản bên nhà ẩn dấu phía sau sân khấu văn nghệ, tôi biết rằng một số kịch sĩ có tài năng của họ đã diễn xuất với tất cả tâm hồn, nhiệt tình và hoài bão dành cho một tương lai họ muốn thực sự tốt đẹp hơn cho dân tộc và quê hương. Đọc Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm thị Hoài, Nguyễn Minh Châu hay một Trần Mạnh Hảo, tôi cảm nhận được tình đồng loại nơi những cảm xúc chân thành họ diễn tả. Niềm vui, nỗi đau, nguồn hy vọng hay điều thất vọng, những tình cảm này đến, đi, ở lại, sống, chết trong những trái tim chỉ còn sự dày vò, quằn quại, những trái tim không còn nhớ đến các nhãn hiệu chính trị, không có chỗ cho chính kiến và âm mưu của nó.

Về mặt tích cực, những cảnh đời được các tác giả bên nhà mô tả trong tác phẩm của họ thời gian này sẽ là những sử liệu quí báu cho các sử gia mai sau viết về một thời đại đen tối của dân tộc mang tên Thời đại Xã hội Chủ nghĩa. Ngoài ra, lộng giả thành chân, dù muốn dù không, chính quyền Cộng sản cũng sẽ phải đương đầu với hai hậu quả trước mắt do phong trào "Trăm Hoa Đua Nở" mà thoạt tiên họ muốn sử dụng như cái nút thoát hơi trước sự phẫn nộ ngày càng cao của dân chúng đối với các sai lầm nghiêm trọng của chế độ:

(1) Hoặc là họ sửa sai thực sự bằng những đợt rèn quân chỉnh cán rộng

lớn, nghiêm túc và thành khẩn. Liệu sau đó còn đủ người làm việc nữa không? Liệu mất bao nhiêu thời gian và bằng cách nào xóa đi bầy lại nhiều trận đồ nhân sự sinh tử để cứu sống chế độ?

(2) Hoặc là họ sẽ phơi bày không còn chỗ che đậy, thực tế thối nát, bất lực, phi nhân, vô đạo, của một chính quyền tồi tệ hết thuốc chữa, nếu không lùi đi thì sẽ là một tội ác cực kỳ dã man trước lương tâm và lịch sử nhân loại, điều mà chính ông thầy của cách mạng vô sản ở điện Cẩm linh Gorbachev đã nhìn thấy và chạy trước.

Trở lại cuốn Ly Thân của Trần Mạnh Hảo, nhân vật chính trong truyện này tên là Trần Hưng, còn có tiểu danh Húng Chó, xuất thân từ một gia đình nho học thoái trào. Thân phụ Trần Hưng là một kẻ sĩ bất đắc chí, đi học thì không đậu đạt, làm ruộng không đủ thóc ăn, đi buôn cũng chẳng đắt. Cả cuộc đời ông là một sự gồng mình để che đậy và bảo vệ cái giá trị kẻ sĩ rất giả tạo *"bọn họ hay mời cha tôi tham gia những cuộc chè chén ngoài đình làng hay trong nhà quan nha hào phú, cốt để gài cho ông say mà lộ rõ cái chân tướng vẫn giấu trong vẻ ngoài dân dã"*. (Ly Thân, tr. 32). Ông còn là một *"con mèo mù vớ được cá rán"* vì ông bắt được một bà vợ *"vừa đẹp người, vừa đẹp nết"* (Ly Thân, tr. 33). Bà vợ này cực gấp trăm lần hơn bà vợ Tú Xương vì bà không chỉ buôn bán ở mom sông nuôi đàn con thơ dại như bà Tú mà bà còn phải lặn xuống giữa dòng nước để mò tôm, mò cá *"bàn tay mẹ đầy vết nứt nẻ, rỉ máu vì vết gai cá trê, cá úc, cá hau đâm nát"*. (Ly Thân, tr. 33). *"Có hôm trời mưa đông rét cắt thịt, bà bị chết cóng trong lúc đang mò cá, cấm khẩu, mất trọn trắng, được các bà các cô cùng mò cá khiêng về nhà hơ lửa cứu sống"*, *"vậy mà chỉ ít đêm sau, mẹ lại nai nịt vào người mấy cái mền rách, theo mấy bà xuống sông..."*. (Ly Thân, tr. 34).

Trước cảnh nhà túng đói, gieo neo như vậy, ông chồng và ông cha "kẻ sĩ" chỉ biết *"ngồi đối diện ánh trăng suông, nghe chó sủa ma, rít thuốc lào, rì rầm mắng mỏ cái bàn cái ghế..."*. (Ly Thân, tr. 33). *"Ai riếc móc thế nào, ông cũng chỉ nhấp hớp rượu cay và từ nhận, cho yên thân"*.

Thừa hưởng của nhân vật bố (mà tác giả mô tả như là một tiêu biểu cho giai cấp kẻ sĩ) thái độ cầu an, bạc nhược nói trên, sống thời thơ ấu trong cái không khí đè nén và giả dối của người sinh thành ra mình, Trần

Hưng lớn lên đã để mặc dòng đời đưa đẩy anh qua hết mọi bến bờ may rủi, tình cờ, lúc nào cũng chỉ nhắm tới sự an toàn trước mắt cho bản thân.

Chưa kịp thi tú tài khi cuộc toàn dân kháng chiến chống Pháp nổ ra mùa thu năm 45, Trần Hưng theo đoàn Vệ quốc lên chiến khu, chàng *"mặc quân phục lính Vệ quốc quân, áo trấn thủ, mũ ca lô, đi giày đinh lộp cộp, vai khoác súng trường, đến tìm Oanh* (người yêu bé nhỏ từ tuổi thơ) *chia tay trong tiếng đại bác bắn ầm trời".* (Ly Thân, tr. 54). Chàng thiếu niên xuất thân dòng dõi tiểu tư sản, tham gia kháng chiến với một cung cách trẻ con, vô tư như thế, trong một tâm trạng nhuốm chút lãng mạn cải lương, hệt như người chơi một trò vui. Chiến công của chàng trong đời binh nghiệp không bắt nguồn từ một động cơ cao cả nào mà chỉ vì một tin đồn thất thiệt về người yêu ở hậu phương, khiến chàng thất tình, đâm ra liều mạng *"tôi được biểu dương, được khen thưởng, được ca ngợi hết lời vì lòng dũng cảm vô song, một thứ liều mạng có tên là anh hùng".* (Ly Thân, tr. 67). Cơ hội vào đảng của chàng không phải là kết quả vinh dự một chuỗi những phấn đấu cam go như đối với những đảng viên khác, trái lại, chàng trở thành đảng viên một cách rất khôi hài *"... tôi chợt thấy chính trị viên đại đội mời tôi đến một góc đồn. Người ta xếp tôi đứng vào hàng, trước đảng kỳ rồi hô nghiêm và kết nạp tôi vào đảng Lao Động Việt nam một cách hết sức bất ngờ. Cho hay là cái anh thất tình đâm ra chán đời tuyệt vọng, muốn chết, không phải bao giờ cũng dở...".* (Ly Thân, tr. 67).

Hình như mọi nết xấu trên đời đều tập trung nơi Trần Hưng: lè phè, lười biếng *"Số phận ơi, thật là có công há miệng có ngày rụng sung...".* (Ly Thân, tr. 223), không kiên định lập trường *"anh lấy tôi mà lúc nào hồn vía cũng ở với nó...".* (Ly Thân, tr. 148) tiện đâu xâu đấy, ích kỷ, hèn nhát, kể cả yêu một người mà không dám tỏ tình *"tôi đâm ra nguyền rủa mình là đồ hèn. Bao năm đi học với nhau, yêu nhau muốn chết mà cắm dám mở miệng ra tỏ tình...".* (Ly Thân, tr.67). Khi đã tỏ tình được rồi (nhờ *"cô ấy cầm tay"*) khi đã có cơ hội hôn người yêu đến chảy máu đôi môi, khi đã rúc đầu vào ngực nàng để cảm thấy *"hai đầu vú nàng nóng bỏng"* (Ly Thân, tr. 74), Trần Hưng lại để nàng trôi dạt khỏi anh như cánh bèo mặt nước, lại vâng lời tổ chức bôi nhọ nàng bằng vờ vịt thú nhận đã cưỡng bức nàng bên bờ con suối nhỏ nước trong suốt như cuộc tình thực sự của họ *"vâng, thưa các đồng chí, vì bản chất tiểu tư sản yếu đuối, hèn kém, không đấu*

tranh nổi với bản thân mình... nên tôi đã đè cô ấy xuống bên bờ suối vắng mặc dù cô ấy phản đối...". (Ly Thân, tr. 87). Bôi nhọ xong rồi, để "qua truông" cuộc kiểm thảo truy bức của tập thể, Trần Hưng còn để cho sức ép của ngoại cảnh đẩy chàng đi một bước sai lạc tận cùng hơn nữa là bỏ luôn người yêu để đánh đổi lấy sự yên ổn không bị đảng khai trừ.

Suốt cuộc đời, Trần Hưng sống ngả nghiêng như cây phi lao trước gió. Từ hành động chấp nhận đấu tố cha đẻ ra mình vì những tội ông không bao giờ làm, từ việc phụ rẫy người tình mà lòng chàng tha thiết yêu đương, đến việc sau này lấy cô bần cố nông Lê thị Mộng Ruộng làm vợ và liên tục phản bội cô ta trong suốt ba mươi mốt năm chung sống, đến việc để cho con yêu tinh Ngọc Hương lừa cho mắc bẫy tới nỗi thân bại danh liệt, trước sau Trần Hưng chỉ có một câu nói để trả lời tập thể *"Dạ tôi xin nhận bất cứ việc gì dù là đi hốt rác".* (Ly Thân, tr. 114) chỉ có một thái độ là gật đầu và một kết luận thật dễ dàng *"tôi không còn con đường nào khác"* (Ly Thân, tr. 128).

Tôi thật tình không hiểu tác giả Trần Mạnh Hảo, trong khi dựng nhân vật Trần Hưng, có tự mô phỏng bản thân ông hay không? Tôi cũng không biết rõ nguồn gốc xuất xứ của ông nên không biết là do hồn nhiên hay cố ý mà ông đóng chết cái mác tiểu tư sản to tổ bố lên trán Trần Hưng và gán ghép cho nhân vật này đủ mọi thứ tính xấu trên đời? Hay là ông dụng ý ám chỉ rằng chính những đảng viên cơ hội, không có lập trường giai cấp này, đã đem cái xấu riêng tha hóa phẩm chất cao quí hằng được xưng tụng của đảng? Vấn đề căn bản nhất là đảng mạnh hay yếu hơn những cá nhân ươn hèn này? Khả năng và bàn tay cải tạo nhiệm mầu của đảng có lột xác được các thành phần dân tộc khác hay không, ngay cả những người, trong một sự may rủi nào đó, đã được đảng kết nạp dưới đảng kỳ? Hay hạt giống của đảng chỉ gieo có kết quả trên những thửa đất không lựa chọn được mùa màng và sự sống của chúng, kiểu cô Ruộng *"ngây thơ, ít học nên dễ sai bảo, dễ trở thành cuồng tín"?* (Ly Thân, tr. 131). Hay chính bản chất của một Trần Hưng tiểu tư sản có đủ tình yêu gia đình, yêu người và yêu tổ quốc lúc ban đầu đã bị quăng vào lò nung vô sản để trở thành một dúm tro than đen sì, bẩn thỉu? Trừ phi Trần Mạnh Hảo dùng cái mác tiểu tư sản này như tấm chắn để những điều ông cần nói đến được với đông đảo quần chúng, nếu không thế, tôi không thể nào không nghĩ rằng Ly Thân,

dù xem qua hung hăn đến đâu, chẳng qua cũng chỉ là sản phẩm một đơn đặt hàng của kỹ nghệ văn học xã hội chủ nghĩa mà thôi!

Bên cạnh hình ảnh ông chồng *tư sản trí thức thối tha, đồ đểu, đồ lừa dối, bẩn thỉu* (Ly Thân, tr. 148), *suốt đời như con chó leng keng chạy theo lương tri mình* (Ly Thân, tr. 366), Trần Mạnh Hảo dựng một hình ảnh rực rỡ của con người xã hội chủ nghĩa: Cô Lê thị Mộng Ruộng. Người đàn bà này xuất thân từ giai tầng thấp nhất trong xã hội cũ, nhờ cách mạng uốn nắn, chăm sóc, giáo dục, nên đã lột xác trở thành một phụ nữ có trình độ, có khả năng đảm đương nhiều trọng trách của thời đại chị. Lê thị Mộng Ruộng khỏe mạnh từ thể chất đến tinh thần. Khác với chồng chị sống chao đảo như lục bình trôi sông, chị có lập trường giai cấp vững vàng, chị biết ơn tổ chức đã giúp chị *"vươn lên từ một cô thôn nữ mù chữ trở thành một giáo sư, một phó Giám đốc trường đảng phụ trách môn lý luận Mác xít, như vậy, dù có mù lòa hay điếc lác đến đâu cũng phải công nhận là nhờ đảng, nhờ cách mạng tôi mới vươn lên được những đỉnh cao này từ một con bé nghèo khổ phải đi làm con ở cho địa chủ..."* (Ly Thân, tr. 261) Về mặt xã hội, chị là người hữu dụng. Chị có bằng đại học chánh trị, chị đi du học nước ngoài, chị đi các địa phương giảng dạy chính trị, chị là cán bộ đảng có chức vụ cao... (Ly Thân, tr. 208). Về mặt gia đình, dù đôi lúc ghen tuông chồng, chị vẫn là một người vợ đức hạnh *"Nửa đêm Ruộng ôm lấy tôi khóc. Tôi hiểu lắm chứ. Bốn mươi ba tuổi đầu, xa chồng đã chín năm nín nhịn... sự khao khát hạnh phúc bao năm như ngọn thác bị chặn lại. Dù buồn khổ, dù đêm nằm không ngủ, chị vẫn đủ lòng thương để an ủi chồng "thôi anh ạ, ta sẽ đi khám bác sĩ. Nhưng cần gì chuyện đó, miễn là ở bên nhau thôi anh ạ".* (Ly Thân, tr. 211) Chị chăm con, *"hãy quan tâm đến con gái anh một chút, con Vương Thi có bồ hai năm rồi đấy"*, chị chăm chồng *"ngồi ở nhà mà viết, cơm nước có con hầu này với Vương Thi lo..."*. (Ly Thân, tr. 262). Trong tư riêng, chị ngọt ngào, dịu dàng *"Anh hứa yêu thương mẹ con em mãi đi"* (Ly Thân, tr. 153). Trong nhà bếp, chị giỏi dắn đảm đang *"vợ tôi mua bao nhiêu trứng gà con so, cả huyết chim sẻ về pha rượu cho tôi uống"*. (Ly Thân, tr. 210).

Ôi! Lê thị Mộng Ruộng của Trần Mạnh Hảo không chỉ là hạt giống quí của xã hội xã hội chủ nghĩa, chị còn là thiên thần bên trong tổ ấm gia

đình nữa cơ đấy! Ở chỗ này, Trần Mạnh Hảo có cầm nhầm của bọn tư sản cái gì không?

Ngoài nhân vật Trần Hưng, xuất thân tiểu tư sản, một đảng viên bất ngờ, một nhà văn xu thời và cơ hội, một người yêu không thủy chung, một người chồng dối trá và phản trắc, còn một nhân vật khác cũng bị nhà cách mạng vô sản chân chính Lê thị Mộng Ruộng miệt thị bằng danh từ *"cái thằng con nhà buôn bán, con nhà rặt ngụy là ngụy"* (Ly Thân, tr. 295). Tác giả Trần Mạnh Hảo cho nhân vật này đậu bằng bác sĩ, làm việc ở bệnh viện tỉnh. Ông bác sĩ đi xe cúp, tán tỉnh và yêu con gái bà Mộng Ruộng trong hai năm, làm cho cô này mang bầu rồi bắt cô đi phá thai trước khi đánh bài tẩu mã. Sự góp mặt hiếm hoi của thành phần quần chúng trong cuốn Ly Thân thật là đẹp đẽ và oai hùng.

Ngoài sự phỉ báng không cần thiết này, ta còn thấy rõ hậu ý của Trần Mạnh Hảo ở một khía cạnh tâm lý khác nơi nhân vật Trần Hưng. Bên dưới cái vẻ ngây ngô, sự trì trệ và thái độ sống ươn hèn của một Trần Hưng bị đóng nhãn hiệu tiểu tư sản trên trán, khi cần lý luận, đấu tranh, thuyết phục, nhân vật ấy lập tức có giọng điệu sắc bén, có lập trường chuyên chính, có thái độ triệt để. Ở trang 233 và 234, Trần Hưng đã nhân danh một con người Mác xít tiến bộ đòi hỏi các nhà lãnh đạo chánh trị của chủ nghĩa xã hội học tập sâu hơn nữa, ứng dụng đúng hơn nữa học thuyết Cộng sản vốn chủ trương cần có chiều phủ định để làm nổi bật chiều khẳng định, vốn chủ trương sự đấu tranh giữa các mặt *đối lập thống nhất* là căn nguyên của tiến bộ. Nếu không chi li mà vội vàng bỏ bớt từ *thống nhất* đứng sau từ *đối lập,* nếu nhầm *đối kháng* với *phản kháng* là ta sẽ nhìn vấn đề ở một sai độ rất nghiêm trọng.

Phải đợi đến Ly Thân của Trần Mạnh Hảo thì tôi mới có lời giải đáp cho câu hỏi băn khoăn của tôi về hiện tượng thiếu vắng bạn bè cầm bút của Sàigòn cũ trong phong trào trăm hoa đua nở này. Không một ai trong số những người này lên tiếng vì rõ rệt không ai trong họ có thể cao giọng hỏi lớn một câu như Trần Mạnh Hảo đã hỏi ở trang 231 Ly Thân *"Quan niệm về thế giới như vậy, nhìn nhận sự vật như vậy mà dám vỗ ngực tự xưng là Mác xít được ư?"* Không ai trong họ đứng trên lập trường Mác xít để đòi hỏi những sự cải tiến hay thay đổi chỉ để làm đẹp chủ nghĩa hơn như Trần Mạnh Hảo *"chủ nghĩa Cộng sản muốn trở thành yếu tố giải phóng đẹp nhất*

của con người, nhất thiết phải tìm ra phương cách hữu hiệu nhất giúp con người thoát khỏi mọi ám ảnh sợ hãi...". (Ly Thân, tr. 289).

Ngay chính ở sự hô hoán ầm ỹ này, bỏ ra ngoài tác dụng phỉnh mị của chữ nghĩa, người đọc tinh ý sẽ nhận rõ sự thiếu lương thiện, thiếu ngay thẳng của tác giả Ly Thân khi ông làm ra vẻ chân thành kêu gào một điều ông biết là không bao giờ thực hiện được vì yếu tính của chủ nghĩa Cộng sản là chuyên chính vô sản, là trấn áp, bạo lực, sắt máu – Trừ phi người ta DẸP BỎ chủ nghĩa ấy, kỳ dư, người ta thừa biết nó luôn luôn hàm chứa trong nó bạo lực. Trần Khuất Nguyên trong Ly Thân là một bằng cớ.

Luận bàn về tính trường tồn của văn học so với các định chế xã hội bao gồm quyền lực và chính trị, Trần Mạnh Hảo bắt đầu bằng *"lý thuyết Mác xít dạy rằng tính tất yếu của loài người là phải tiến lên chủ nghĩa Cộng sản"* (Ly Thân, tr. 288). Sự xác tín này là biên giới rõ nhất, sâu xa nhất giữa những người đang viết và những người không viết ở quê nhà. *"Lý tưởng của chúng ta ai dám bảo là không tốt đẹp? Nhưng cái thực sự tốt đẹp là thấy lý tưởng kia được cụ thể hóa trong đời sống chứ không chỉ là những lời hứa suông, những chiếc bánh vẽ dụ khị kẻ ngây thơ".* (Ly Thân, tr. 191) Sự xác tín của những người ở bên này bức màn tre là lý tưởng ấy không bao giờ trở thành hiện thực được. Khoảng cách giữa hai điều xác tín vẫn còn nguyên là một đại dương bão tố đầy xác người chìm dưới đáy.

Cho dẫu hiện nay, trước viễn ảnh sự dẫy chết gần kề của chủ thuyết Cộng sản, người ta vận dụng cả Măng đen và Mooc gan với di truyền học, với lý thuyết sinh tồn qua biến dị để hô hào đổi thay sáng tạo, cái mới nhưng liệu người ta chấp nhận biến dị đến mức độ nào hay thực tâm trước sau người ta vẫn chỉ muốn *"cây đời mãi mãi xanh tươi"?* (Ly Thân, tr. 260 và 261).

Khuôn mặt sạch sẽ nhất trong cuốn Ly Thân là Hai Giỏn, một mô hình lý tưởng để mô tả người Cộng sản chân chính: có lòng yêu nước nồng nàn (thoát ly đi tập kết), có nhân sinh quan phóng khoáng (đem hết khả năng phục vụ đảng mà không tham quyền cố vị), có kiến thức (đi nghiên cứu học tập ở nước ngoài), có kỷ luật (đấu tranh ôn hòa ở cổng nghĩa trang liệt sĩ), có tình cảm lãng mạn, bao dung và đôn hậu (với hai cuộc tình thật đẹp trong đời). Ngay cả lúc đã về già, vẫn tiếp tục phát huy năng lực để

củng cố công tác xây dựng địa phương (tham gia câu lạc bộ những người kháng chiến cũ, khuyến dụ và chu cấp phương tiện cho nhà văn để viết lách, đả phá tệ nạn thối nát trong hàng ngũ cán bộ đảng viên...)

Con người này sẵn sàng có mặt ở những nơi đảng cần dùng nhưng lại có khả năng thích nghi và sáng tạo riêng để không bị lệ thuộc vào hoàn cảnh chung. Tiếc thay, ngoài sân khấu cuốn Ly Thân ra, những ông Hai Giớn chỉ hiện diện trên cõi đời này trong giấc mộng của các ông bôn sê vích lý thuyết.

Hai khuôn mặt đẹp cuối cùng của Ly Thân là Trần Khuất Nguyên và Vương Thi. Họ là những người trẻ có năng lực, có tri thức, yêu chuộng công bằng và lẽ phải, tranh đấu cho cái sạch, cái đúng, cái đẹp, với tất cả nhiệt tình và lòng dũng cảm, dù rằng đối tượng tranh đấu của họ cùng lắm cũng chỉ mới đến *"hàng ngũ cán bộ cao cấp của tỉnh ta"* mà thôi (Ly Thân, tr. 326).

Ấy là chỉ mới đến thế mà Trần Khuất Nguyên đã phải chết thảm rồi. Quả thật như nhiều người vẫn biết, trong xã hội Cộng sản, trước sau chỉ có hai loại người hùng, một là những xác chết và hai là những người hùng cò mồi được cấp môn bài.

Đọc xong 385 trang sách in của cuốn Ly Thân, tôi quên hết chỉ giữ lại hình ảnh một cái chết thảm của Trần Khuất Nguyên mà thôi.

Tôi vẫn biết những cái chết khuất tất như vậy hiện nay xảy ra hàng ngày trên đất nước tôi, trong bóng tối và sình lầy của những dòng Mịch La hung hãn. Giả dụ Trần Mạnh Hảo, qua cái chết ấy, muốn gởi giùm chính quyền một lời cảnh cáo hay đe dọa đến nhiều Trần Khuất Nguyên bằng xương bằng thịt khác đang sống bất khuất ở nhiều vùng đất quê hương tôi, cũng xin cám ơn ông đã viết giùm lịch sử, một cách can đảm và lương thiện những trang bạch thư ghi dấu tội ác gớm ghê của thời đại *"những con thú chỉ nghĩ đến bộ da của mình mà quay lưng lại đồng loại"*.

Sau cùng, một cách bất ngờ, lạc lõng, không đầu không đuôi, trước khi kết thúc Ly Thân, Trần Mạnh Hảo kết luận về Trần Khuất Nguyên và Vương Thi bằng những lời sau đây *"Tôi nghĩ rằng Trần Khuất Nguyên, Vương Thi và đứa con sắp ra đời chính là sản phẩm quí báu của cách mạng"*.

Tôi có nên lạc quan mong rằng Trần Mạnh Hảo đã làm cái công việc

của người đóng một con tem mạo hóa lên một sản phẩm phi pháp để dễ bề tiêu thụ rồi ông xoa tay mỉm cười? Dẫu sao, tôi biết rằng trong sâu thẳm đáy lòng ông, trước hay sau Ly Thân, mọi vấn nạn vẫn còn y nguyên.

HOÀNG XUÂN SƠN

hát lên đường

●

Sẽ hát lên đường trăng muôn thuở
đất và người chung một điệu ru
khóc đi em nhịp trùng cây cỏ
lệ hân hoan từ những ngục tù

Những biên giới
trường thành bung vỡ
đi thôi em từ nhân loại đó
không ai khác hơn ngoài chúng ta
vòng tay ôm lấy đời nhung nhớ

Viết những tờ thư không ngày tháng
tên người lặng lẽ với hương ngâu
gọi khẽ tên em thời con gái
đêm ơi tóc ngắn nụ hôn đầu

Hẹn nhớ câu thề trăng lưu xứ
biển đưa nhau vào tự tình quen
hỏi chòm rêu cũ trên vân đá
lòng xưa quanh mấy ngõ trúc hiền

Quê hương về cả trong bình khúc
hỡi sông xa mẹ nước xa nguồn
tội ác quay đầu xin cỗi phúc
nắng vỡ rung cười lúc biển sương

VŨ HUY QUANG

thông điệp của ly thân... và trần mạnh hảo

●

Ly Thân, tiểu thuyết của Trần Mạnh Hảo, cũng như bao tác phẩm ấn hành khác ở trong nước từ '87, '88, '89... mà người có dịp đọc cho đến nay, đều thấy một mẫu số chung là sự bất mãn với chế độ. Có thể nói không ngoa là những tác phẩm ấy, rầm rộ thành một phong trào, mà có người coi là một số phong trào Nhân văn Giai phẩm thứ hai. Sự thoát thai của hai phong trào này, có những trùng hợp lạ lùng.

1 – Nhìn lại lịch sử

Mãnh lực và phẩm chất của phong trào Nhân văn Giai phẩm, phong trào của các văn nghệ sĩ đánh phá chế độ cho đến nay, không ai chối cãi giá trị, dẫu rằng Nhân văn Giai phẩm chỉ xuất hiện trong một thời gian ngắn, quá ngắn, mùa xuân năm 56. Sự xuất hiện của Nhân văn Giai phẩm không phải bất chợt, vì bất cứ sự kiện nào thuộc chính trị, phong trào văn học nào... cũng không đứng độc lập được, không ngẫu nhiên, tự phát mà tùy thuộc vào nhiều thành tố hun đúc mà nên.

Nhân văn Giai phẩm xuất hiện trong giai đoạn sửa sai, chưa dứt Cải cách Ruộng đất, mà sự phẫn hận của dân chúng đến nỗi Hồ Chí Minh phải giả vờ "khóc mà nhận lỗi", rồi hạ tầng công tác Trường Chinh... (cùng lúc với những biến động nổi dậy đồng khắp trên thế giới. Ở Đông Âu, vụ Poznan ở Ba Lan, (6 – 56) rồi khởi nghĩa ở Hung gia lợi... (10 – 56) bên Nga thì triều đại Stalin lúc ấy cáo chung, Khrushchev đang đòi xét lại chủ nghĩa Stalin... (2 – 56) Mao Trạch Đông tìm cách giải quyết khó khăn vụ

đánh địa chủ ở Trung cộng bằng xì hơi qua chiến dịch Trăm hoa Đua nở.. (5 – 56). Lợi dụng dịp này Nhân văn Giai phẩm mới ra đời nổi.

Đòi hỏi đổi mới ở Việt nam đã âm ỷ, có trước những biến chuyển thành hình ở Nga (Glasnost với Gorbachev), ở Trung cộng (Thiên An Môn), biến chuyển ở Đông Âu... sự bất mãn của dân chúng trong nước... Nguyễn văn Linh đành ra lệnh cởi trói văn nghệ, "Đổi mới hay là chết" rõ rệt là những lập lại đậm nét của lịch sử. Rõ hơn, luồng sóng ngầm của bất mãn quá mạnh, **đành** cởi trói, chứ không vì Cởi trói mà có đòi hỏi Đổi mới từ các người văn nghệ thành phong trào.

Phong trào chống đối qua thơ văn trong nước, từ đó bỗng đồng loạt nổi lên rầm rộ.

Thời gian cách nhau đúng ba mươi năm.

2 – Sự đồng dị giữa hai phong trào

Phong trào văn chương đối kháng từ giữa năm 87 đến nay, lần này với một đội ngũ khác hẳn những Phan Khôi, Trần Dần, Phùng Quán... trước kia. Lần này với Nguyên Ngọc, Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo... một đội ngũ đông đảo, qua các tạp chí từ trung nam bắc, đông gấp bội. Xưa chỉ là một thiểu số văn nghệ sĩ cùng sinh hoạt kháng chiến, sớm thức tỉnh sự độc tôn của Đảng, mà thành phong trào. Nhưng hồi ấy, dân chưa đồng loạt tỉnh ngộ, chưa có cơ hội thấy rõ bộ mặt Đảng... vì sự bưng bít nên nét chuyên chính Đảng còn núp nổi dưới chiêu bài chiến tranh và chống ngoại bang... Nhân văn Giai phẩm chỉ bóng gió chống sự độc đoán, chưa tháo khoán tới độ đặt vấn đề với chủ nghĩa xã hội, xa gần tới công tội của Đảng... mà còn dùng nhiều ẩn dụ, hài hước chua cay để nói xa xôi. Nay, nhóm Văn Nghệ, (đã bị đổi Tổng biên tập) còn trực diện hơn, rành rẽ hơn, độc địa hơn qua thông điệp chống Đảng do các nhà văn đem ra dùng. Sau một thời gian là mười bốn, mười lăm năm kiểm soát được cả nước, Đảng hiện nguyên hình là sự thối nát, lạc hậu, độc đoán mà cứ tiếp tục xoay trở bằng đủ mọi thủ đoạn để giữ địa vị lãnh đạo... trước mắt nhân dân toàn quốc.

(Nhân văn Giai phẩm đã chết sau một thời gian rất ngắn – dĩ nhiên là bị Đảng đàn áp – nhưng chính vì sự thiếu phổ biến, sự thiếu nhận thức đúng đắn, đồng lòng nối tiếp của mọi tầng lớp nhân dân... nhất là văn nghệ

sĩ còn được tự do, đưa đến kết quả thương đau của cả dân tộc mãi về sau, vì bộ mặt thật cùng thủ đoạn của Đảng chưa được vạch mặt chỉ tên đúng mức. Nhân văn Giai phẩm không hề được hỗ trợ nào, đến chỉ khi vụ án hoàn toàn kết thúc, cụ Hoàng văn Chí mới thu góp lại được, thành tài liệu quý giá về vụ án của một thời. [Cuốn Trăm Hoa Đua Nở]. Thời bây giờ, phong trào đối kháng hiện còn tồn tại từ '86 đến nay mỗi ngày một lớn mạnh, được hầu hết mọi người trong và ngoài nước ủng hộ. Thời xưa, trong cách viết, lối phát biểu, Nhân văn Giai phẩm tuy muốn lật tẩy Đảng, vẫn phải hoan hô Đảng trước đã. Nhân văn Giai phẩm không vì thế mà bị hồ nghi sự chân thành trong việc đối kháng Đảng. Nhất là Nhân văn Giai phẩm không còn nữa. Thời nay, với Đổi mới với Cởi trói, Sửa sai... từ chính quyền, những nhà văn viết chống chế độ không phải không thật, vẫn còn tranh đấu chống chế độ, lại bị hồ nghi về sự chân thành của họ, bởi một thiểu số độc giả hải ngoại! Bài học Nhân văn Giai phẩm đã làm một số trước đây bàng quan phải suy nghĩ. Ba mươi năm năm sau, lịch sử lập lại, không lẽ ta vẫn mê mải không biết trời sáng trời tối, thời cơ qua đi, dịch lại có thì giờ củng cố, đâu lại hoàn đấy, rồi lại gục đầu nuốt hận...)

Nút xì hơi của Nguyễn văn Linh sẽ làm lỗ thoát hơi có cơ không đóng lại được nữa, *nếu phong trào đối kháng chế độ trong nước không bị chìm vào quên lãng chỉ vì bị thờ ơ.*

3 – Các quan điểm chính trong việc đón nhận.

Có hai cảm nhận đưa đến hai nhận định khác nhau.

a/ Một là đón nhận sự đối kháng chế độ, muốn tiếp tay với phong trào chống đối này.

b/ Hai là ngờ vực, dè chừng, thận trọng.

Những người ngờ vực đã phân tách mổ sẻ, xăm soi từng lời văn câu viết, xem tác giả này nọ có chống thật hay giả vờ, kẻo người Việt *lại bị lừa* lần nữa. Rõ nét, điển hình nhất, lập luận ít mâu thuẫn (1) và có trích dẫn cụ thể... nhất, là bài nhận định của tác giả Bùi Bích Hà, người đã ở với Cộng sản mười một năm, đã đọc cẩn thận cuốn Ly Thân...

Đổi mới, đối kháng từ dân, mà văn nghệ sĩ thể hiện... đã âm ỷ, tiềm tàng từ lâu nhưng Đảng cũng trà trộn, hô hoán sửa sai để nhập nhằng như bao thủ đoạn khác của Đảng (Yêu nước là yêu Xã hội Chủ nghĩa, Đảng và cách

mạng, đổi mới của văn nghệ sĩ và sửa sai của Đảng...) làm không ít những tia nhìn nghi ngờ ở hải ngoại, ở những người đã là nạn nhân của chế độ làm họ phải bỏ nước ra đi. Những nghi ngờ chính về đối kháng trong nước, thường là những nghi ngờ đặt ra về sự chống đối có thật hay không, hay "theo đơn đặt hàng", hay chỉ là một hình thức "kiểm thảo lẫn nhau"... do bởi lẫn lộn đòi hỏi Đổi mới của văn nghệ sĩ với sách lược Cởi trói của Đảng... đến nỗi có thắc mắc rằng phải chăng những bất mãn trong Ly Thân chỉ là "khẩu súng giả có tác dụng làm đẹp thêm, làm tăng thêm uy tín của chế độ trước mắt người dân mà thôi, *không làm hại nó* (2)". (Bùi Bích Hà, "Tôi đọc Ly Thân...")

4 – Những ngờ vực.

Thái độ ngờ vực, rất chân thành, từ những người đã là nạn nhân, bị Cộng sản đánh vào cân não, ghê khiếp Cộng sản đến nỗi nhìn đâu cũng thấy phục binh, không còn phân tích nổi đâu là người viết văn chống chế độ thật hay giả, đâu là "viết theo đơn đặt hàng". Nhất là không tách bạch nổi sự phẫn nộ của văn nghệ sĩ trong nước với chính sách của Đảng Cộng sản Việt nam cố tình nhập nhằng trộn lẫn những lời kêu than thống thiết ấy với chính sách Cởi Trói Văn Nghệ của bạo quyền.

Sự gờm nhớm, dè chừng trong việc nhận định về mọi hoạt động của Cộng sản thường bởi những kinh nghiệm nhận chịu hoàn cảnh cá nhân rất cay đắng, đã hoán chuyển thành ngờ vực, xen lẫn trong nhận định về nỗ lực chống đối trong nước, bởi dễ trộn với ác cảm chủ quan, nên tính khách quan giảm. Nhất là trước các nhận định thuộc phạm vi diễn tiến lịch sử. Để rồi không đẩy vấn đề đi xa hơn, sớm kết luận, sớm đóng vấn đề. Nhưng cũng còn những câu hỏi, cách nhìn khác, những tự vấn khác... Chả hạn, như trước các sản phẩm văn chương đối kháng, ta trông đợi hoặc phân tách thực tế tới mức nào. Ta nhìn các nhà văn trong nước ra sao...

5 – Ta đòi hỏi ở họ những gì (để biểu đồng tình với họ)?

Không, ta không thể đòi hỏi văn nghệ sĩ trong nước được điều gì cả. Họ không hề chống chế độ giùm ta, theo cảm quan, cách ta tưởng, hoặc phải viết đúng ý ta, ta mới hoan nghênh. (3) Chính ta, ta giống họ ở sự

ghét chuyên chính, nhưng khác ở cách diễn tả. Cách diễn tả có nhiều: Phan Khôi không giống Đoàn Giỏi, Dương Thu Hương không giống Thế Giang, Bùi Bích Hà không giống Trần Mạnh Hảo...

(Vì nếu ta phải sống trong hoàn cảnh, quy luật bao cấp trói buộc khắc khe như họ, hoặc sẽ chỉ còn im lặng, hoặc im lặng bắt buộc, vì không được vào biên chế, sách có viết ra không nhà xuất bản nào chịu trách nhiệm in cho. Không biết "nín thở qua sông" để lách, sách sẽ không có, cho ta có dịp đọc! Còn nếu một khi đã muốn nói lên điều gì đó, – chính các tác giả hồ nghi lòng can đảm, sự hết mình... nơi người khác ấy, – nếu chính họ không vượt biên được, muốn chuyên chở một thông điệp nào dưới chế độ công an hiện nay, – họ cũng chỉ viết được đến thế là cùng, những lời lẽ nước đôi, càng tinh vi cay chua, càng khen chê lẫn lộn – nếu họ còn quả có muốn gởi gấm những tâm sự bất mãn của họ về độc hại của Đảng, về chủ nghĩa, về chế độ)...

Nhân văn Giai phẩm đã chả từng phải viết hoan hô Đảng, rồi mới dám viết chỉ trích Đảng, ta nỡ nào trích dẫn những câu lộ liễu này, mà bỏ quên ẩn ý kia?

Những trào lưu văn hóa chống đối ấy, nếu không được tiếp tay, thì thế mới đúng là "đâu cũng vẫn đóng đấy", bởi chính thái độ chỉ thưởng ngoạn, làm kẻ bàng quan của mình mà thôi... "đâu cũng vẫn đóng đấy", là biện giải thụ động ở do mình..., chứ nào bởi Lưu Quang Vũ, một người viết kịch? (Ở trong nước,... tôi đã xem kịch Lưu Quang Vũ... *"đâu cũng vẫn đóng đấy"* Bùi Bích Hà).

Sự bi quan đến nỗi Bùi Bích Hà xác quyết một câu báo động thừa *"Tôi cũng biết rằng dù chế độ chỉ còn một ngày thoi thóp thở thì cái thoi thóp ấy cũng không ngừng sự chỉ đạo trên mặt trận văn hóa chính trị..."* (vẫn bài viết "Tôi Đọc Ly Thân..." của Bùi Bích Hà).

(Tại sao không lạc quan vì chế độ càng thoi thóp, chỉ đạo càng lỏng lẻo, càng mâu thuẫn hốt hoảng, càng nên chống đối mạnh mẽ, toàn diện, đồng khắp... để người trong nước sớm thoát ách Đảng chỉ đạo?)

Và, còn bởi qua nhân vật Trần Hưng, *"hình như mọi tật xấu trên đời đều tập trung nơi Trần Hưng..."*, *"chét cái mác tiểu tư sản to tổ bố lên trán Trần Hưng"* nên tác giả Bùi Bích Hà lập luận rằng tác giả Trần Mạnh Hảo,

đã bêu xấu tiểu tư sản, (tinh thần tiểu tư sản là tinh thần nào? Cộng sản gán cho hay ta tự nhận?), đã phụ họa cho con người lý tưởng của Xã hội Chủ nghĩa, qua nhân vật Hai Giỏn trong Ly Thân. Nhân vật này được mô tả rất trong sáng đã là một chú ý trong kính chiếu yêu của Bùi Bích Hà: ta có hẹp hòi khắt khe quá không? Nhân vật ấy phải – vì dính đến chế độ – luôn luôn xấu? và Ly Thân, nếu bỏ hết các đoạn ấy đi, mới được Bùi Bích Hà cám ơn trọn vẹn? (4)

Thế thì bất cứ khuôn mặt nào ở "phe quốc gia" sẽ phải mô tả đẹp đã?... Tại sao không thấy Hai Giỏn, một người chống quyết định của tập thể khi bị can thiệp trên cái tên của mình, không là một kẻ cuồng tín, giáo điều... tạo thành khuôn mặt trong sáng, bạn dễ thương nhất của Trần Hưng; trong khi Ruộng là một giáo sư... mác xít, vợ Trần Hưng, làm chồng chết khiếp, đến nỗi "co rúm lại" (tr 264), chỉ vì "... vợ tôi sinh ra không để là đàn bà mà là một nhà cách mạng" (tr 261). Khi trích dẫn câu "Quan niệm về thế giới như vậy mà vỗ ngực xưng là Mác xít được à?" (tr 231), Bùi Bích Hà đã không thấy tác giả đưa lời kết bằng cách mỉa mai về sự mâu thuẫn của Đảng, dẫn giải từ trước! (tr 230). Cũng như sự "*mỉa mai không cần thiết...*" Bùi Bích Hà gán cho tác giả, trích từ tr.295, "... con nhà rặt ngụy là ngụy", là câu thốt ra từ chiến đấu tính của... Ruộng. Ruộng không phải hoàn toàn xấu, vì đời tư trong sạch, không ngoại tình, yêu chồng yêu con, đảm đang giỏi dắn... là đức tính tự bản năng của đa số phụ nữ, không chỉ ở tiểu tư sản mới có. Đảng đâu có tạo ra. Có khi Đảng chưa xóa kịp thì có!

Và ở câu Trần Mạnh Hảo viết về mối tình Vương Thi – Trần Khuất Nguyên, trong phần cuối cuốn Ly Thân "Tôi nghĩ rằng Trần Khuất Nguyên, Vương Thi, và đứa con sắp ra đời chính là sản phẩm quý báu của cách mạng" ... càng làm tăng sự nghi hoặc nơi Bùi Bích Hà!

Thực ra câu này, vừa có thể hiểu là một câu "thòng" của Trần Mạnh Hảo, vừa thể hiện dụng tâm sâu sắc của tác giả: Nếu ta hiểu "cách mạng" là sự nổi dậy của toàn dân chống áp bức, "cách mạng" không có nghĩa là Đảng! Nếu *cách mạng là lật áp bức từ... Đảng*, thì cách mô tả cá tính nhân vật của Trần Mạnh Hảo để dẫn đến câu kết kể trên lại là một câu hay!

Chúng ta nên có nhiều ý kiến, không muốn có những suy nghĩ ốc đảo, nên tôn trọng ý kiến người khác, nhưng cứ nuôi dưỡng những suy nghĩ

tưởng toàn do cảm tính nhất thời, bi quan tiêu cực, thiếu sáng suốt thì sẽ bỏ lỡ một dịp *tiếp tay nhau đốt đuốc để dẹp bóng ma của Đảng Cộng sản Việt nam, không phải bất khả bại*... đè lên đồng bào đã và đang khốn khổ.

Phải, có người vô địch chống Cộng, hoặc chống Cộng 100%, hoặc 80%, hay chỉ đạt được chỉ tiêu 30%... (theo một tiêu chuẩn *nào đó*), ta cũng chẳng nên vì thế mà gạt bỏ. Ta thêm chiến sĩ đánh vào độc tài...: bất nhẫn biết bao nếu ta đòi hỏi quá cao, quên điều kiện sinh sống của họ. Một Nhân văn Giai phẩm thứ nhì sẽ lại tàn lụi nếu không được sự tiếp xúc từ hết mọi thành phần. Mà điều cụ thể hơn hết là hãy thôi dè bỉu, nghi ngờ, dùng võ lực, rạch mặt nhau, bắt nhặt bắt khoan về cách viết, về đường lối chống đối... để có tiến bộ trong việc cải thiện đất nước: Con đường tranh đấu, – nếu có ai muốn góp chút gì về cuộc tranh đấu này, – hãy nhìn mục đích xa chứ đừng tiêu cực, thiển cận... mãi *chỉ biết có đề cao cảnh giác trước những âm mưu thâm độc* của Cộng sản, câu châm ngôn ngớ ngẩn này chỉ đưa ta đến chỗ bất động, tự trói tay mình, trói tay người khác, – trước mọi biến chuyển mỗi ngày một phức tạp, chỉ có một vũ khí là chế diễu, phỉ nhổ, chụp mũ, gieo hoài nghi... đã từ bao lâu nay thành nếp ở hải ngoại, những người yên ấm vật chất – và kết quả là không bao giờ tiến thêm bước nào, để đưa đến mỗi kết luận là: Coi chừng mắc mưu Cộng sản...

*

Trong Lời tựa cuốn Ly Thân, của nhà xuất bản Đồng Nai, lời lẽ tuy không chỉ đích danh Đảng mà người đọc tinh ý chỉ thấy dùng chữ "tổ chức"... nhưng người đọc cũng thấy ngay thủ phạm chính là Đảng, đã gây ra "sự sợ hãi" "sự hèn nhát" "thỏa hiệp với dối trá" "giả vờ yêu, giả vờ sống, giả vờ viết" và "bi kịch thay là thân phận con người" của Trần Hưng, một con người bản chất là "chân thành, lòng tốt, đức hy sinh, niềm quả cảm". Oan nghiệt hơn nữa là cái chết của Oanh, của Trần Khuất Nguyên... Người đọc cũng dễ thấy cái ẩn dụ nơi hai nhân vật nữ, là Oanh và Ruộng. Oanh là tổ quốc Việt nam, Ruộng là nước Xã hội Chủ nghĩa. Giữa yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội là hai điều khác nhau. tác giả cũng muốn đưa ra lời khẳng định một lối sống mới, chân chính của người cầm bút, từ nay sẽ "hãy sống cuộc sống của chính mình, hãy yêu người yêu của chính mình, hãy nói hãy nghĩ bằng cái đầu cái miệng của chính mình... chứ đừng

sống, đừng yêu, đừng nói, đừng nghĩ bằng cuộc đời, bằng đầu kẻ khác" rõ ràng tác giả đang đấu tranh không chịu là công cụ của Đảng. Tác giả cũng "muốn gửi tới chúng ta lòng khao khát tự do và lẽ phải, sự căm thù thái độ sống hèn nhát đối trá" của một nhà văn còn có lương tri.

Trước thông điệp này chúng ta hãy tiếp tay, đừng ái ngại, đừng thành kiến, đố kỵ, đừng đòi hỏi quá cao mà hãy thông cảm... để làm sáng tỏ chính nghĩa chống độc tài, vì tuy hai môi trường sống khác nhau, nhưng mà con người bản chất là một. Vì "cái nghề ấy là nghề viết văn, một cái nghề không thể chấp nhận sự hèn nhát, càng không chấp nhận sự đối trá, lọc lừa...".

*

Thái độ dè dặt sẽ là một bất nhẫn cho những nạn nhân đang ở những điều kiện viết ngặt nghèo.

Trước bao nhiêu thất thoát đổ vỡ, người vượt biển, kẻ tang tóc, mất thanh xuân, nhầm lý tưởng... chúng ta hết thảy đều đã là nạn nhân, bằng cách này hay cách khác. Sáu mươi (?) triệu người trước sau sẽ phải là một. Chế độ ấy đang rung rinh, gom hết các căm thù sâu sắc lại sẽ thành một sức mạnh vũ bão để lật đổ chính quyền hiện tại. Sức mạnh ấy mới vô địch, chứ Đảng không vô địch. Tương lai Việt nam chắc chắn sẽ ở trong tay những người yêu dân chủ.

Và Ly Thân, với Trần Mạnh Hảo, các tác phẩm của Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, và bao người nữa,... đấy là những người cũng dàn trải tâm sự họ bằng cách viết chữ Việt... Thơ văn từ tim óc của họ, nếu ta cởi mở, bớt thành kiến... sẽ thấy họ can đảm, tài ba, đẹp đẽ biết bao!

Cước chú:

(1) *Ngay chính ở sự hồ hoán ầm ỹ này, bỏ ra ngoài tác dụng phỉnh nịnh của chữ nghĩa, người đọc sẽ nhận rõ sự thiếu lương thiện, thiếu ngay thẳng của tác giả Ly Thân...* (Tôi Đọc Ly Thân... Bùi Bích Hà)

(2) Chữ nghiêng của tôi, người viết bài này.

(3) Chỉ vì Trần Mạnh Hảo được Bùi Bích Hà xem là người nêu tật xấu của tiểu tư sản qua nhân vật Trần Hưng, và Lê thị Mộng Ruộng là hiện thân của "đạo đức cách mạng". Tự vạch quan niệm phân chia như thế, để đến nỗi Bùi Bích Hà hỏi Trần Mạnh Hảo, một cách không hoan nghênh gì lắm: nếu vậy *chị (Lê thị Mộng Ruộng) còn là thiên thần bên trong tổ ấm gia đình nữa đấy! Ở chỗ này, Trần Mạnh Hảo có* cầm nhầm *của bọn tiểu tư sản cái gì không?* (cùng bài trích dẫn)

(4)... *xin cám ơn ông đã viết giùm lịch sử, một cách can đảm...* (trích Bùi Bích Hà: Tôi đọc Ly Thân...)

MAI KIM NGỌC

cứu lấy trẻ con

trích từ **Thuyền Nhân**

●

Lời Tác Giả: Đây không phải là ký sự mà cũng không phải là một thiên phóng sự về vấn đề thuyền nhân, nên chi các nhân vật cũng như tình tiết đều có tính cách tổng hợp. Tên tuổi nghề nghiệp chức vụ đều hoàn toàn bịa đặt theo thể tiểu thuyết, và sự trùng hợp nếu có chỉ là tình cờ. Tác phẩm mong được coi như một ứng dụng văn học nghệ thuật để tả lại cảm xúc của tác giả trước thân phận người thuyền nhân Việt Nam. Tác giả cũng mong bầy tỏ nơi đây lòng ngưỡng mộ và cảm tình nồng nhiệt với anh chị em trong nhóm "Trại Mở Pui O", Hùng, Hương, Quyên, Nga, Dương, Duy, Duyên, Tuyết, Thái, Hòa, Thành, An Phương, Nhiệm và biết bao nhiêu người hảo tâm khác, đã hay chưa gặp, đang âm thầm hoạt động để số phận người thuyền nhân Việt Nam được phần nào nhẹ nhàng hơn.

I.

Lên khỏi phà Peng Châu, anh Bách bị thu hút tức thì vào biển người Hoa đang tấp nập trên bãi đất trống trước bến. Tiếng cười nói ồn ào của đám thực khách trong quán tỉm xắm bên đường vọng ra. Ngày còn sớm mới hơn bảy rưỡi, khách còn vắng, mới có hai bàn mà đã ồn như vậy. Anh nghĩ người Á châu mình sống mãnh liệt quá.

Thích quá. Con đường nhựa dọc theo dãy phố có chợ đã lở để lộ đá xanh gập ghềnh, mấy bãi phân bò, hàng quán xây cất khắp nơi, mặt tiền trồi ra thụt vào bừa bãi. Xe cộ qua lại tấp nập. Đủ thứ xe, xe đạp, xe kéo, xe bò, xe ba gác... Tiếng trẻ con gọi nhau... Tiếng người lớn cười nói, nhất là nói, ồn ào náo nhiệt, hai ba người cùng nói một lúc... Anh thích âm hưởng Quảng Đông, khi dứt lời lại lên giọng, câu chuyện nghe lúc nào cũng như còn lơ lửng chưa xong...

Âm thanh đã vậy, còn màu sắc nữa. Người Tàu thích màu đỏ, một màu đỏ thật, đỏ một cách rành mạch, đỏ như phẩm điều... "Hồng lâu" trong

"Hồng Lâu Mộng" của họ không phải là những biệt thự quét vôi hồng, mà là những lâu đài dinh thự cột kèo cửa ngõ sơn một màu đỏ ké như máu. Mấy căn phố tiểu hồng lâu xung quanh bến phà cũng vậy, cũng xài màu sắc một cách rất Tàu.

Còn không khí mới tuyệt diệu... Anh hít mạnh. Có mùi đồ ăn từ mấy tiệm bay ra. Tiệm ăn bình dân Tàu, bếp để đằng trước, họ nấu gì ngoài đường ngửi thấy hết... Xem nào, có mùi bánh bao, nhất là mỗi khi bác bếp nhấc chiếc vung lồng hấp to như cái nong nhỏ, thả hơi nước bay ra mù mịt... Lại có mùi mì xá xíu, mùi cháo gạo đánh nhừ, mùi thịt quay... Mùi ngũ vị hương ở mấy tiệm đồ khô, mùi thuốc bắc, mùi dưa cải muối chua, mùi nghệ, mùi gừng, mùi đường nấu cháy, mùi ai ải cay cay của đám rác mà phố xá Hồng Kông bao giờ cũng có sẵn ít nhiều...

*

Nhưng mười phút sau, anh Bách bắt đầu lo... Chị Băng vẫn chưa tới, hay tới rồi mà hai người đã lạc nhau. Anh hẹn với chị Băng 7 giờ 30 tại bến phà này để chị dẫn vào thăm trại cấm Hải Linh Châu... Mà bây giờ đã gần 8 giờ rồi.

Anh chưa gặp chị Băng bao giờ, tuy đã được nghe nhiều về chị. Chị Băng làm cho một cơ quan từ thiện quốc tế đang lo cho thuyền nhân ở Hồng Kông. Chị không phải là một cán sự xã hội chuyên nghiệp, không tốt nghiệp đại học về khoa xã hội, mà cũng không lấy sở xã hội làm kế mưu sinh. Chị du học bên Thụy Sĩ vào cuối thập niên 60. Tốt nghiệp ngành kinh tế, chị ra làm việc tại một ngân hàng ở Genève, mười mấy năm sau lên đến chức phó giám đốc.

Rồi bất thần độ hơn hai năm trước, nhân một chuyến đi Hồng kông nghỉ hè, chị được vào thăm trại cấm. Không biết chị đã gặp ai, đã thấy chuyện gì hôm đó. Bè bạn chỉ biết ở trại cấm ra, chị về khách sạn suy nghĩ một đêm trắng, và sáng hôm sau làm va li bay về Thụy Sĩ. Chị xin nghỉ dài hạn không lương, thu xếp nhà cửa rồi qua ở Hồng Kông từ đó.

Anh Bách được biết chị qua anh Khả một người bạn chung đã từng đi Hồng Kông, đã từng vào trại cấm Hải Linh Châu. Anh Khả rất chống việc đi chung với các phái đoàn chính thức đại diện cơ quan này nọ... Đi như thế chỉ nhìn thấy diện chính thức của vấn đề. Vì vậy anh đã sốt sắng thu

xếp cho anh Bách sang thăm trại Hải Linh Châu trong những điều kiện mà anh cho là lý tưởng. Tức là không qua phái đoàn, mà qua chị Băng.

Cơ quan của chị phục vụ các trẻ em thua thiệt trên thế giới. Chị sẽ phong anh Bách làm phụ tá không lương cho chị thời gian anh ở trại để dẫn trẻ ra ngoài chơi.

*

Nhưng làm sao tìm ra chị Băng đây. Hôm qua ở điện thoại, chị bảo dễ lắm. Anh ạ, tôi cỡ trung niên, ốm người... Tôi sẽ mặc quần "bò" mầu xanh bạc, và chiếc áo sơ mi dết trắng ngắn tay, hiệu con cá sấu... À mà tôi đeo kính cận nữa... và tôi sẽ cầm cái túi ny lông màu xanh nước biển.

Từ nãy đến giờ anh Bách đã gặp ít nhất bảy tám phụ nữ người Hoa giống chị Băng. Cũng trung niên, cũng đeo kính cận, cũng mặc quần bò xanh nhạt và áo sơ mi trắng ngà, cũng cầm túi xách bằng ny lông xanh...

Biết mình trở về Á châu, lẽ ra anh phải cẩn thận hơn, phải mượn mấy cô mấy cậu gặp đêm qua ở Pui O một tấm ảnh của chị, phải dặn nhau cầm một cái gì dễ nhận, như một cuốn sách đỏ cam, một cái dù vàng thổ, hay một trái banh tím như trong truyện trinh thám chẳng hạn...

Các chị Băng vẫn diễn qua trước mặt, phần nhiều nhìn thẳng, bước qua, rồi khuất phía sau... Có một chị Băng đang từ xa tiến tới. Chị Băng này nhìn anh như thoáng mỉm cười. Anh mạnh dạn:

– Chị Băng hả?

Người đàn bà dừng lại. Bà không cười nữa mà mở to mắt ngạc nhiên vì bị quấy rầy. Rõ ràng là bà ta không hiểu anh Bách nói gì, lại có vẻ khó chịu. Bà nói một tràng tiếng Quảng, và anh vội vã xin lỗi bằng tiếng Anh... Té ra lúc nãy bà cười một mình.

Sau cùng chị Băng thật xuất hiện. Anh Bách tìm được chị, hay đúng ra chị tìm được anh. Chị bảo nhận ra anh dễ quá. Không có chú Ba nào đứng giữa bến phà Peng Châu hôm đó mà bộ tịch lại ngơ ngác như anh.

*

Chị Băng tới chậm nửa giờ. Chị đã định đến sớm. Vậy mà lúc sắp ra khỏi nhà thì điện thoại reng. Một người quen bên Pháp có thân nhân trong trại cấm bỗng dưng ngã bệnh, gọi sang hỏi tin. Chị nói chị vừa trả lời điện

thoại vừa sốt ruột, lo anh bị lạc, lại không biết tiếng Tàu, chắc hoàn cảnh bối rối lắm...

Anh nôn nóng:

– Bây giờ mình vào trại hở chị?

Chị nói khoan. Để chị ghé lại tiệm tạp hóa lấy gói đồ cái đã. Tiệm ở góc dãy phố kia kìa. Chị cho hay đã vào tiệm này mua sắm từ tối hôm qua lúc đi làm về. Chị đã gói ghém mấy món hàng kỹ lưỡng, gửi lại tiệm để sáng nay chỉ việc đem đi.

Chị nhanh nhẩu bước vào tiệm, lát sau trở ra, tay phải xách một túi to, trong chứa đầy các gói lớn nhỏ. Vai trái chị đeo một chiếc sắc tay khổng lồ. Trông chị đồ đạc cồng kềnh, anh nói:

– Chị cho tôi xách cho.

Chị nhoẻn miệng cười, không một chút khách sáo đưa ngay gói đồ cho anh. Gói đồ khá nặng cỡ năm kí lô. Chị không khó chịu khi được phái nam nịnh đầm. Kể ra thì đàn bà, dù bênh quyền bình đẳng, nhưng mảnh đẻ ẻo lả một chút vẫn có cái duyên của nó.

Nhưng anh lầm to. Trút được gói đồ cho anh, chị Băng lại bảo khoan đã, anh cho tôi thêm một phút. Chị trở vào tiệm tạp hóa. Lát sau chị bước ra với một chiếc túi thứ hai, cùng một kích thước, cũng bằng ny lông xanh trắng, cũng đầy đồ. Chị nói:

– May quá có anh. Tôi một túi anh một túi, một chuyến hôm nay là xong hết... Mấy người trong trại gửi mua đồ ấy mà...

Anh nói:

– Họ thường gửi mua thứ gì hả chị?

– Thứ gì ấy à? Trăm thứ bà dằn anh ơi. Cuộn chỉ cái kim, đồ gia dụng lặt vặt, giấy bút phong bì... Có khi một ít đồ xa xỉ nữa, như kẹo bánh cho con nít...

Ngưng một giây, chị nói tiếp:

– Gói của tôi là mấy cái bình thủy, mấy gói trà, hai chục cuốn vở tập, mấy xấp giấy viết thơ, phong bì... Còn mấy hộp vuông vuông trong gói của anh là tàu ngầm đấy...

– Sao nhiều tầu ngầm thế. Đồ chơi hả?

Chị cười thành tiếng:

– Anh tưởng tầu ngầm cho con nít chơi hả? Anh này thật chẳng biết cái gì. Tầu ngầm là mấy cái điện trở bọc kín đ nấu nước sôi. Có giây điện dài để cắm vào đui đèn... Đầu kia là điện trở để thả vào bình nước. Chỉ việc tháo bóng đèn trần, cắm tàu ngầm vào là có nước sôi pha trà. Tiện lắm tuy hơi nguy hiểm một tí. Hồi mới, nghe nói bên một trại khác có người bị điện giật chết.

Anh buột miệng:

– Chị không sợ kiện à. Nhỡ mấy thuyền nhân nhà quê không biết dùng bị điện giật chết, thân nhân họ...

Nụ cười hiền lành của chị Băng làm anh ngưng giữa chừng. Câu nói của anh đã trật đích cả nửa vòng trái đất. Anh quá quen thuộc với lối sống ở Mỹ, cái gì cũng có thể bị kiện, lúc nào người ta cũng rình mò xem kẻ khác có sơ hở chỗ nào để kiện, để moi tiền.

Chị Băng như đoán được ý anh:

– Bên Thụy Sĩ nghe nói cũng vậy. Nhưng ở đây khác. Mình thực tâm với người ta, ai mà làm hại mình?

*

Sau cùng hai người lại lên phà để đi sang Hải Linh Châu, một hòn đảo nhỏ ngoài khơi Peng Châu. Chuyến đi độ mười lăm hai mươi phút. Vừa lên khỏi phà là đến trạm canh. Trạm không có ai, chỉ có một cuốn sổ mở sẵn với cây bút bi có cột dây đặt trên bàn giấy. Chị Băng nhanh nhẹn ghi tên chị, và tiện tay ghi giùm luôn tên anh.

Anh nói cho có chuyện:

– Kỷ luật tự giác hả chị.

Chị Băng cười:

– Ở đấy mà không tự giác. Sang đến đây rồi thì còn chạy đi đâu. Đảo này hoàn toàn là của Cục Cải Huấn. Cả chiếc phà họ chở mình đến đây là phà chính phủ. Anh tính bơi qua biển để đến đảo hả. Hay bơi về?

Anh nhìn quanh, thấy giống cảnh đảo Alcatraz ngoài khơi San Francisco. Anh hơi chột dạ, nghĩ đến chiếc máy *cassette* và chiếc máy ảnh trong bị.

Anh hỏi:

– Họ có khám bị mình không bà? Tôi có cái máy ảnh với cái *cassette.*

Chị Băng đảo mắt nhìn quanh:

– Sang đến đây phải coi chừng... Nhân viên Hồng Kông nhiều người biết tiếng Việt đấy nhé. Lại còn đám người Việt gốc Hoa đang làm với họ nữa. Chung chung họ không ngặt lắm, nhưng đừng lộ liễu quá.

Mắc cỡ vì đã đi thăm trại cấm mà còn vô ý vô tứ, anh đổi đề tài:

– Từ đây đến trại giam còn xa không? Có xe đi không nhỉ?

Chị chỉ cho anh một ngôi nhà sơn trắng cách bến phà chừng ba bốn trăm thước:

– Bến xe để đến trại đằng kia kìa, ngay trước văn phòng của họ đó. Ngôi nhà xây kiểu biệt thự, có vườn cỏ, có hoa leo. Trước thềm nhà là một chiếc xe cam nhông cỡ nhỏ, sơn màu xanh hải quân đậm. Nhìn xa biết là xe nhà nước, bạt che bít bùng, chỉ trừ phía sau để trống.

Anh nói:

– Chiếc xe kia phải không? Mình chưa trễ chị nhỉ.

Chị pha trò:

– *Limousine* của mình đó. Nhưng mà mau lên mới kịp. Hôm trước tôi chậm có một phút thôi, mà họ bỏ lại. Từ đây đến trại bốn năm cây số... đi bộ mất cả tiếng đồng hồ đấy...

Rồi chị ra lệnh:

– Mình chạy nghe anh.

*

Hai người vừa đi vừa chạy về phía ngôi nhà trắng. Đường hơi dốc, vai đeo bị tay xách đồ, thật là cồng kềnh.

Chị Băng giục:

– Gắng chạy nghe anh... Chậm là nó bỏ mình lại.

– Thật sao chị?

– Thật chứ lại không thật.

Hai người chỉ còn cách ngôi nhà trắng chừng năm chục thước. Và như để dẫn chứng cho lời chị Băng, chiếc xe cam nhông đang đậu bỗng nổ máy.

Xe chuyển bánh chạy vòng sân trước và từ từ ra cổng. Lúc xe tới đường nhựa anh thoáng thấy dáng người tài xế. Y nhìn về phía hai người độ nửa giây, rồi quay đi làm bộ nhìn thẳng đằng trước. Y giữ tốc độ không nhanh không chậm. Lát sau chiếc xe mất hút sau khúc quanh, để lại mùi xăng thoảng trong không khí trong lành của buổi sớm mai trên hải đảo.

Chị Băng bảo đây là chuyến chót cho sáng nay.

Lâu lắm anh không thấy người ta cư xử như vậy. Vẫn chưa quen với sinh hoạt trại giam, anh cảm thấy bực tức. Xếnh Xáng tài xế khoảnh thật, không thèm đợi một phút. Xếng Xáng đúng giờ như Ăng Lê chính cống ở Scotland Yard. Với y chắc chuyện đúng giờ quan trọng hơn hết mọi chuyện khác, và y quan tâm đến mặt đồng hồ hơn mặt đồng chủng.

– Bây giờ thì anh tin thật rồi chứ?

Anh quay lại, thấy chị Băng đang cười. Bà này thật tốt tính, lúc nào cũng cười được. Bất giác anh nói:

– Tôi sẵn sàng trả 100 đô la để thấy nét mặt Xếnh Xáng tài xế, lúc hắn thấy mình chạy từ bến phà lên mà vẫn vờ đi.

– Đô la Hồng Kông hay đô la Mỹ?

– Đô la Mỹ đàng hoàng.

Chị Băng nhìn anh quan sát. Chị hỏi:

– Bực mình đến thế kia à?

– Không, bực mình thì không. Nhưng tôi vẫn muốn thấy thật rõ nét mặt anh tài xế lúc ấy.

Chị suy nghĩ rồi lại cười. Lần này thì chị cười ranh mãnh:

– Tính viết tiểu thuyết về A Xòe hả? Mà cũng phải...

Chị cho hay chị có đọc mấy cuốn truyện anh viết do một nhà hảo tâm mua tặng trại tỵ nạn. Chị nói:

– Tính anh thích khai thác từng chi tiết nhỏ nhặt một thì phải vậy. Anh muốn thấy mặt A Xòe phải không... Thôi lát nữa tôi đền... Vào trại anh tha hồ mà ngắm A Xòe.

Chị Băng sử dụng ngôn ngữ thuyền nhân mà không thèm bị chú. Tối qua trên điện thoại, chị gọi quần Jean là quần "bò". Bây giờ thì danh từ "A Xòe" được khơi khơi đem ra dùng. Chắc chị biết anh đã được anh Khả

ở Mỹ tuần trước và các cô các cậu tối hôm qua gặp ở Pul O vỡ lòng ít nhiều về đời sống trại cấm rồi.

Quả thật, anh biết A Xòe là tên gọi những nhân viên cục Cải Huấn Hồng Kông. Gọi vậy không phải tại họ quần áo xùm xòe, hay họ hay đánh bài tứ sắc nên xòe bài rất thạo, mà vì tiếng *sir* họ xưng hô với nhau theo truyền thống Ăng Lê, phát âm trại đi theo lối Quảng Đông.

Chị nói đùa:

– Mặt A Xòe nó như mặt mình. Mũi tẹt da vàng với nhau cả mà. Không cần phải sang tận đây, anh cứ ở nhà lấy gương ra soi là thấy mặt A Xòe.

Anh tức cười. Nhưng chị đã nghiêm trang trở lại:

– Xòe với mình nhiều cái giống nhau lắm. Đợi đến 97, Trung Cộng tiếp thu Hồng Kông thì Xòe còn giống mình nữa. Thôi mình đi không trễ.

Anh nhìn chị Băng, thấy thoáng nét đanh. Nhưng chỉ thoáng thôi, rồi chị lại bình thản như cũ.

*

Anh nhìn con đường dốc thoai thoải trước mặt. Anh biết hải đảo này không có thường dân ở. Kết luận: đừng có mong kiếm taxi ở đây.

– Từ bến phà đến trại, đường dài không chị?

Rõ ràng là anh hỏi thừa. Chuyện này chị đã cắt nghĩa từ lúc nãy. Nhưng chị Băng nhanh nhẩu trả lời:

– Độ hai cây số. Cảnh cũng đẹp lắm. Nếu không vội thì cũng bỏ công đi bộ.

Anh nghĩ bà Băng này ăn gian quá lắm. Vừa lúc nãy bốn năm cây số, bây giờ thun lại chỉ còn có hai. Núi đá mà bà làm như núi cao su.

– Leo dốc chắc mệt dữ, bà Băng nhỉ.

Chị mỉm cười. Chị nói:

– Mệt thì không mệt, có điều tới chậm thì nhỡ công chuyện. Nhưng không sao. Tôi linh tính là mình tới chậm, nên đã cắt đặt mọi việc từ tối hôm qua, trước khi về nhà.

Rồi chị hăng hái:

– Nào ta lên đường. Rõ ràng đây không phải là lần đầu chị cuốc bộ quãng đường núi này.

II.

Buổi sáng mai trên hải đảo thật là đẹp. Bên trái, và phía trên là rừng cây xanh um, nghiêng nghiêng theo triền núi chạy tít lên cao. Đằng sau núi là nền trời xanh, thật xanh, làm phông cho núi. Đường viền của núi thật sắc và rõ nét, phân chia màu xanh dương của không trung bên trên, và màu lục của rừng cây phía dưới. Dưới chân, triền núi chạy thoai thoải xuống biển Trung Hoa, lướt tới một bãi cát với hai ba làn sóng trắng đang chầm chậm dạt vào bờ.

Thật ra con đường cũng không quá dốc hay quá gồ ghề. Hai người vừa đi vừa nói chuyện. Anh để ý thấy cây cỏ bên đường quen thuộc lắm. Mấy cây đào núi đã nở hoa mầu hồng phơn phớt, và bên mấy khe nước dương liễu đã ra lá xanh mướt. Đằng kia cây gì như cây mít, chỉ thiếu ngôi nhà ngói đỏ bên cạnh là có lại một cảnh miền Bắc quê cũ thời tiền chiến. Lại có mấy khóm trúc xa xa, nhưng anh chưa thỏa mãn vì chưa được thấy nứa, tre lồ ô, và luồng. Bù lại, trên mấy dải đất ven núi, bông gì tim tím nhắc lại những đồi sim vùng mạn ngược. Cả cỏ dại bên đường cũng quen thuộc nữa. Có cỏ gì như cỏ trinh nữ với ít bông tím nhạt giữa những chiếc lá hình lông chim. Tiếc quá cả hai tay đều mắc cả, lại mang nặng, không tiện vuốt nhẹ trinh nữ Hồng Kông một cái xem hoa có e lệ khép lại như trinh nữ quê nhà.

Hai người đi qua một biệt thự nhỏ, sang trọng với hàng rào sắt đen khang trang, tường trắng nổi bật giữa những bụi bông giấy. Chị Băng cắt nghĩa đấy là nhà ông giám đốc trại Cải Huấn.

Đi quá ngôi biệt thự, họ tới một khoảng rừng hoàn toàn hoang vắng. Con lộ tráng nhựa nghiêng nghiêng vòng theo núi nên lúc nào xa xa cuối đường cũng là bầu trời xuân đầy mây trắng. Anh có ảo tưởng như như leo hết dốc là có thể bước thẳng vào mây. Anh thoáng quên trại tỵ nạn. Cao hứng anh nói:

– Cảnh đẹp quá chị Băng nhỉ. Tôi nghĩ mây ở núi là đẹp nhất. Mây đồng bằng không có đẹp thế này. Mà tôi nghĩ mây núi Á châu đẹp hơn mây núi bên Mỹ hay bên Âu châu. Bên Mỹ thì khói xe hơi làm ố cả mây, mờ cả núi.

Chị nói:

– Anh nói đúng. Núi bên Thụy Sĩ cũng đẹp lắm, trời lại không bị ô nhiễm. Vậy mà cũng không đẹp bằng núi ở Á châu của mình. Tại núi Tây nó đẹp theo lối Tây. Nhưng anh nói đến mây đến núi làm tôi nghĩ đến anh Tâm.

– Tâm nào? Bạn du học với chị bên Thụy Sĩ phải không?

– Không. Anh Tâm ở trong trại kìa. Anh ấy hai cánh gà rồi...

Lại ngôn ngữ thuyền nhân. Chị không thèm cắt nghĩa *hai cánh gà* là tình trạng của những thuyền nhân sau hai lần thanh lọc đều bị phân loại là di dân kinh tế... Cánh gà là món ăn thông thường của trại, và ăn cánh gà là không được đi định cư ở nước thứ ba, bị giữ lại để chờ hồi hương, tương lai nằm trại cấm mút mùa.

Chị Băng nói thêm:

– Anh ấy là thi sĩ tài tử. Bài thơ nào cũng nói đến trời xanh mây trắng, đến đại dương bao la... Nhưng vừa nói xong đến trời đến biển, là anh nói đến tù đày, đến tự do, hay đúng hơn đến mất tự do...

– Thơ anh ấy hay không chị?

– Tôi không thạo thơ, nhưng tôi nghĩ thơ anh ấy tuy không chau chuốt, nhưng đọc thì cảm động. Tuần trước anh ấy đọc cho nghe một bài.

Câu chuyện thuyền nhân làm thơ làm anh chú ý. Anh hỏi:

– Chị có nhớ không?

– Nhớ chứ. Để tôi đọc cho anh. Bài thơ nhan đề là *Ngắm Mây*.

Và chị Băng vừa đi vừa khẽ đọc:
Bên kia gai kẽm bít bùng
Bao la mây trắng một vùng mênh mang
Biển xanh thăm thẳm thênh thang
Hải âu đón gió nhẹ nhàng lên khơi

Hồn quê lòng rối tơi bời
Giật mình nhớ lại quãng đời cố hương
Mẹ cha dãi nắng dầm sương
Ruột gan héo úa, thịt xương dãi dầu
Kiếp người trâu ngựa u sầu
Một đời chưa dám ngẩng đầu ngắm mây

Ra đi tôi ngỡ nơi đây
Tự do nhân phẩm tràn đầy đại dương
Ngờ đâu lưu lạc tha hương
Mỏi mòn cuộc sống, sầu thương khôn cùng
Hôm qua, cố quốc gông cùm
Hôm nay, trại cấm mịt mùng kẽm gai

Anh yên lặng bước bên chị. Bài thơ gợi cảm. Nhưng có gì không ổn. Chị Băng nói:

– Thơ hay không anh?

Anh quay lại nhìn chị. Chị hồi hộp như chính thơ của chị đang bị đưa ra bình phẩm. Anh chưa nắm được hết ý, lại chưa lập ngôn xong. Anh vừa nói vừa nghĩ:

– Có nhẹ quá với cảnh không chị? Nhẹ mà khuôn sáo cổ điển nữa. Tôi đọc về thuyền nhân, nghe những chuyện khổ tàn bạo... Vậy mà anh Tâm này lại chọn một tình cảm gần như mong manh... Không thấy quật cường phấn đấu... Tôi cũng không thấy...

Anh nghĩ đến những bất hạnh thuyền nhân trải qua trên đường vượt biên. Nhưng anh ngưng kịp thời. Chị nói:

– Đúng, không phải là *Ngậm một mối căm hờn trong cũi sắt*. Có phải anh muốn nói vậy không? Nhưng anh nói tiếp đi. Tôi muốn nghe anh nói. Tôi sống gần họ quá, biết rất nhiều về họ, vì vậy mà dù họ có khuôn sáo, có viết làm sao chăng nữa, tôi vẫn biết họ nói gì...

Anh nhìn chị ngần ngại. Anh không phải người sành thơ, mà chị lại bận tâm quá với ý kiến anh. Mà anh Tâm là ai? Quan hệ với chị Băng thế nào? Anh bình thơ một cách đường đột xô bồ e không phải. Nhưng chị lại giục:

– Anh nói tiếp đi.

Anh đánh bạo:

– Tôi nghĩ cái lạ nhất là bài thơ thiếu đoạn giữa. Có cái khổ ở nhà, có cái khổ ở trại cấm, nhưng không thấy cái khổ dọc đường... Anh Tâm đi vượt biên hoàn toàn thuận lợi sao? Nhưng dù thân phận anh tương đối may mắn đi nữa, tôi vẫn chờ bài thơ dành chút gì cho những bất hạnh dọc đường mà người khác cùng trại đã trải qua... Như hải tặc trên biển Đông, hay thảo lâm lục tặc trong rừng già biên giới...

Chị Băng nói:

– Kể cũng lạ anh ạ. Họ làm thơ nhiều lắm, họ viết cũng nhiều, nhưng ít khi thấy họ căm hờn hay tàn bạo trong văn chương. Hình như họ tránh nhắc đến những điều tàn bạo họ đã trải qua. Tất nhiên là phải có người thuyền nhân viết theo điệu khác, nhưng sao tôi chưa gặp.

Anh yên lặng bước bên chị, mắt nhìn mặt đường. Lát sau chị nói:

– Họ khổ không thể tả được anh ạ... Tất nhiên là anh Tâm khổ nhiều ở nhà, lúc nào cũng túng đói, lúc nào cũng nheo nhóc... Và cái khổ hiện tại ngồi trong trại với tương lai mờ mịt hai cánh gà cũng không kém phần thê thảm. Nhưng tôi nghĩ cái thèm được ngẩng đầu ngắm mây anh ấy nói trong thơ là thật.

Rõ ràng là chị nói lang bang cho có chuyện để nói. Chị tránh không đề cập đến đoạn giữa thiếu sót của bài thơ... Anh muốn đưa chị Băng về đề tài anh đang thắc mắc, nhưng anh đang còn ngần ngại, chị đã nói tiếp:

– Con người anh Tâm ấy...

Nhưng chị không trình bầy hết ý, bỏ lửng câu nói giữa chừng.

*

Hai người yên lặng đi. Mây trắng trên đỉnh dốc cuối đường bây giờ nhiều hơn. Không phải là những đám mây rời rạc, mà là một rừng mây, đám xa, đám gần, đám cao, đám thấp. Ánh nắng chỗ đậm chỗ nhạt, đem lại chiều sâu cho rừng mây lồng lộng. Đó đây những khoảng không gian còn trống len lỏi giữa mây dẫn đến những mảng trời xanh thăm thẳm.

Cảnh đẹp quá. Anh thấy mình vô lý. Tại sao lại cho chuyện ngắm mây là không thích hợp với hoàn cảnh ở đây. Chị Băng đã đi con đường núi này nhiều lần, đã thấy cảnh này nhiều lần, có thích mây, hay thích bài thơ của anh Tâm thì cũng là chuyện thường tình. Và cả đến thuyền nhân đi nữa, người ta cũng có lúc thư thả để thưởng lãm cảnh thiên nhiên... Lúc nào cũng vận những chuyện khổ sở vào người thì làm sao mà sống. Sự việc thật là giản dị, mà sao lúc nãy anh làm ra phiền toái khó khăn. Khổ mấy thì khổ, làm sao không thấy cái đẹp được...

Anh triết lý bâng quơ:

– Sức sống của người ta mạnh thật chị nhỉ...

Chị ngửng lên. Chị gật đầu như anh Bách vừa nói một câu gì thâm thúy lắm. Chị nói:

– Về cái bài thơ *Ngắm Mây* mà anh cho là thiếu một đoạn, nhiều người cũng thấy vậy. Nhiều thuyền nhân khi làm thơ, cái buồn nhẹ như thơ của một văn nhân xa nhà. Có những người phải chứng kiến cảnh vợ con bị hãm hiếp, tiền bạc bị cướp sạch, mà thơ họ cũng chỉ buồn như thơ anh Tâm mà thôi...

Bây giờ thì chị cả quyết:

– Nhưng có lẽ tôi hiểu lý do tại sao...

– Tại sao chị?

– Tại vì con người ta trời sinh như vậy... Tôi nghĩ nếu muốn, họ có thể làm được một bài thơ mạnh, nói hết được cái thê thảm của cảnh huống. Nhưng làm một bài thơ như vậy xong thì còn gì là người nữa. Làm sao mà tiếp tục sống...

– Tôi không hiểu...

– Tôi muốn nói một bài thơ một trăm phần trăm thật với hoàn cảnh này sẽ đầy độc tính, sẽ ứa ra độc tố, sẽ vận vào, sẽ... à tàn phá cả tâm hồn người làm thơ... như cái gì nhỉ... Để tôi tìm thí dụ... Nó như thể...

Anh Bách giục:

– Như thể cái gì?

Chị nuốt nước miếng, như khó khăn lắm mới nói được:

– Như thể người bị rắn độc cắn... Muốn sống, tạm thời phải cột chặt chỗ tay chân bị cắn để nọc độc khỏi lan ra... À... muốn làm như chỗ bị thương tổn không phải là cơ thể của mình, không liên hệ đến phần còn lành mạnh... Và họ chỉ than đau những chuyện trầy da sứt vẩy tầm thường, còn chuyện sinh tử thì vờ đi... Và cách sống sót hữu hiệu nhất là tiếp tục sinh hoạt bình thường, như thể mình không hề bị thương tổn. Trong trại cấm...

– Chị nói tiếp đi.

– À... Trong trại cấm, con nít vẫn đi học, đến giờ phần đông tới lớp đều đặn. Các bà các cô vẫn kim chỉ vá may, lo lắng nhà cửa, mặc dầu nhà cửa của họ không phải là nhà mà cũng không phải là cửa, không ăn nhằm gì

với cái nhà cửa mà anh với tôi thường nghĩ. Vậy mà vợ vẫn lo cho chồng, chồng vẫn lo cho vợ, vẫn gây gỗ, vẫn cãi nhau một cách... à...vợ chồng. Các cô các cậu vẫn phải lòng nhau, vẫn hẹn hò riêng tư, nhiều khi đến chỗ thành đôi thành lứa... Ngay trong trại giam. Tôi cầu mong là họ mãi mãi được như vậy.

Chị dừng chân, chuyển gói đồ sang tay trái và túi xách sang vai phải... Anh Bách yên lặng suy nghĩ. Anh hiểu nghĩa đen từng câu từng chữ những điều chị nói, và anh hiểu người thuyền nhân khổ lắm. Nhưng cho đến bây giờ xa lạ với cảnh huống thuyền nhân, anh không hình dung được một cách thấm thía họ khổ đến đâu... Hình tượng rắn độc cắn của chị để tả những bất hạnh không thể nói ra được của họ làm anh ngỡ ngàng. Anh chỉ thấy cái đam mê mãnh liệt, cái xót xa phát xuất tự tim, khi người đàn bà này nói về thuyền nhân...

Như đọc được ý anh, chị kết luận:

– Anh vào sống với họ rồi anh sẽ thấy.

III.

Hai người đi vòng quanh một ngã rẽ. Chị Băng nói:

– Mình tới rồi anh.

Anh ngẩng lên. Con đường vẫn dốc thoai thoải, cuối đường bây giờ là một trại giam vĩ đại kiên cố. Xung quanh trại có hàng rào sắt cao, bên trên lại lắp thêm mấy cuộn kẽm gai lồng bồng. Tới gần nữa, anh đọc được hàng chữ trên bảng treo cổng trại:

HEI LING CHAU DETENTION CENTER
Hong Kong Correctional Department

Hàng rào thép cao vời vợi, hai lớp song song, cách nhau khoảng năm thước tây. Bầu trời xuân còn đấy, nhưng không còn nguyên vẹn. Mấy cuộn thép gai xù xì in hình lên một đám mây trắng đang đùn cao ngang lưng trời.

Anh bỗng bắt được cái bầu trời của người thi sĩ thuyền nhân. Trời cao đất rộng lẽ ra phản ảnh cái tự do của con người, lại trở thành mỉa mai cho thân phận tù đầy. Nếu có cánh hải âu nương gió bay lên bây giờ thì hình tượng tự do ấy chỉ thêm nhem thèm kẻ đang lâm cảnh cá chậu chim lồng. Hai A Xòe đứng canh cửa trại, đồng phục chỉnh tề. Họ mặc áo vét màu

xanh hải quân, sơ mi vải bông trắng là phẳng phiu, hình như có hồ nữa, chiếc cà vạt thẫm, và chiếc quần xám nhạt. Quần áo họ cắt đẹp, đúng người, vai phẳng, vạt rơi tự nhiên, nếp quần sắc cạnh, và giày da đen đánh bóng. Họ ăn vận không khác nhân viên trung cấp của một ngân hàng trù phú... Và giống như nhân viên công lực Anh quốc, họ không mang vũ khí.

Anh nghĩ đến quan điểm của chính phủ họ. Di dân bất hợp pháp... Di dân vì lý do kinh tế... Họ định nghĩa làm sao nhỉ? Anh chưa được mục kích cội nguồn lý lẽ hai bên... Nhưng vì kinh tế mà đồng bào anh liều chết (cứ hai người đi thì một đến được bờ là may), bỏ nhà bỏ cửa, bỏ bà con hàng xóm ra đi như vậy sao?

Anh cùng chị Băng nhập bọn với đám năm sáu người đang xếp hàng vào trại, lần lượt xuất trình chứng minh thư. A Xòe đứng kiểm giấy, mặt rất lạnh, rất nghiêm túc, rất phớt Ăng Lê... một nền nếp sinh hoạt chắc đã được các chuyên viên cảnh sát hoàng gia Anh quốc gần trăm năm trước nhập cảng vào đất này khi họ sang thiết lập nền thống trị thuộc địa.

*

Nhưng anh nghĩ họ quá nghiêm túc. Mỗi lần tiếp xúc với ai, hình như họ chỉ thấy việc mà không thấy người.

Cổng sắt ngoài mở ra rồi đóng lại. Tiếng sắt đập vào sắt chát chúa như ai vừa lên cơ bẩm một khẩu súng khổng lồ.

Cổng sắt trong mở ra rồi đóng lại. Lại tiếng sắt đập vào sắt chát chúa. Lần này anh nghe như một chiếc bẫy lớn vừa xập. Thế là anh đã ở trong khuôn viên trại cấm. Anh thầm nhủ tất nhiên là sẽ trở ra ngoài được. Nhưng anh vẫn cảm thấy tù túng, và mơ hồ lo âu một cách vô lý là mình có thể mắc kẹt lại luôn. Chưa bao giờ anh tới gần một nhà giam như vậy. Mười mấy ngàn đồng bào ruột thịt của mình trong trại tù này, lời chị Băng văng vẳng bên tai. Và lần đầu tiên, ý niệm *ruột thịt* thấm đến tận phủ tạng.

Thật là mỉa mai. Cải huấn cái gì, mà cải huấn ai... Và anh nghĩ đến anh Tâm, người thuyền nhân đang mòn mỏi trong trại cấm này, người đồng bào ruột thịt chưa gặp mà đã thấy quen lắm qua câu chuyện với chị Băng và qua bài *Ngậm Mây* của anh... Anh tội gì mà cần cải huấn? Phải chăng là tội thèm tự do, tội mơ ước một cuộc sống mà thỉnh thoảng con người

được dừng tay, để ngẩng lên thấy trời, thấy mây, thấy quả đất này đẹp, thấy cuộc sống đáng sống...

Anh bỗng thấm ý bài thơ, và thấy được nỗi chân thành của anh Tâm qua lời than thở:

Một đời chưa dám ngẩng đầu ngắm mây.

Nhưng ai rồi hơi tìm hiểu lý lẽ của người thuyền nhân thi sĩ? Làm gì có khoản "khất gió thèm mây" trong bản phân loại thuyền nhân kinh tế hay thuyền nhân chính trị?

Các A Xòe vẫn đi lui đi tới trước mặt. Họ bận rộn lắm. Nhưng họ không nhìn thấy ai, hay đúng ra họ nhìn mà không thấy. Anh nhớ lại người tài xế chiếc xe cam nhông đã bỏ anh và chị Băng lại bến phà. Lúc đó anh ao ước được thấy mặt người tài xế. Bây giờ thì chuyện đó không còn quan trọng nữa. Anh đã thấy cả tá A Xòe từ nãy đến giờ, và A Xòe chỉ có một nét mặt. Người nào cũng giống người nào, những viên chức nghiêm túc, bao giờ cũng chỉ thấy việc mà không thấy người.

*

Nhưng rồi anh tự nhận là mình bỏ cuộc sớm quá.

Nhất định phải có gì đằng sau mặt nạ lạnh lùng của nhân viên quản trại. Phải có cái gì chứ. Anh biết phần đông những A Xòe ở đây làm nghề quản ngục chưa lâu. Họ là những thanh niên tốt nghiệp trung học hay đại học cấp một của Hồng Kông vừa mới được tuyển mộ cấp thời cho trại cấm mới thành lập. Họ không phải là cai ngục chai sạn, và những người tù họ canh giữ không phải là những phạm nhân giết người cướp của. Còn nữa...

Anh vẫn chưa quen với nếp sống của nhà tù... Kinh nghiệm trại cấm của anh chưa quá mười lăm phút, và các A Xòe là những người cai ngục đầu tiên anh gặp trên đời... Anh thấy phao phí quá khi con người phải cư xử như một chiếc máy thế này... Không phao phí sao được, khi người ta chỉ sinh hoạt với một nửa khả năng, một nửa nhân tính thượng đế ban cho...

Anh như người mất của muốn tìm hiểu tại sao mình mất, hay hy vọng là mình chưa mất hết... Như người cháy nhà thế nào cũng muốn trở lại nền nhà cũ để mong tìm những bảo vật may ra còn xót lại. Và anh hy vọng là chưa mất hết, và tin rằng nếu được nhìn kỹ nét mặt người tài xế sáng ngày,

nếu được gần gũi với các A Xòe nhiều hơn, anh sẽ tìm ra chút gì quen thuộc của một thế giới mơ ước trong đó người ta nương tay với nhau.

*

Hai người đi ngang tòa nhà hành chánh gần cổng trại. Thấy chị Băng, một sĩ quan A Xòe bước ra nói chuyện. A Xòe đeo ba miếng bạc nhỏ trên cầu vai. Y nói với chị Băng bằng tiếng Anh. Anh lắng nghe, thấy y không nói chuyện, mà y đang ra chỉ thị cho chị Băng. Y cho chị hay là hôm nay tất cả thuyền nhân bì cấm phòng, và chương trình dẫn trẻ em ra ngoài chơi bị hủy bỏ. A Xòe cỡ ba mươi lăm, ba mươi sáu tuổi. Vẫn nét mặt lạnh lùng nghiêm túc ấy. Y nói:

– Không. Không được, lệnh là như vậy. Mọi người phải ở nguyên trong phòng...

Y cho hay là tối qua, ban giám đốc được tin sẽ có bạo động. Chỉ trừ sư ông và một vài thuyền nhân có trách nhiệm phụ tá điều hành là được ra khỏi phòng. Đọc thẻ bài y đeo trên ngực, anh được biết A Xòe tên là William Lau. *Lầu xếng xáng*, anh phiên âm trong đầu theo lối Hán Việt.

Anh quan sát dung nhan A Xòe. Nước da rám nắng, khuôn mặt dài chứ không tròn như mặt người Tàu Quảng Đông, mũi thẳng hơi thô, mắt nhỏ xếch hơn mắt người Hán, y chắc gốc gác thiểu số từ miền Hoa bắc.

Y vừa nói vừa nhìn chị Băng với cái nhìn không điều tiết như thể y không thấy chị. Y nhìn xuyên qua chị như đằng sau chị có cái gì đáng thấy. Y thấy gì nhỉ? Công việc phải làm xong, hay là tờ công văn ghi lệnh cấp trên? Hay là y cũng như người tài xế buổi sáng, đã khám phá ra có những hoàn cảnh làm người ta khó nhìn thẳng mặt đồng chủng. Tuy nhiên, A Xòe sĩ quan rất cương quyết. Nghe chị điều đình, y chỉ lập lại là không, không thể được. Không thể cho học sinh ra khỏi trại hôm nay.

Chị Băng phân trần. Tội nghiệp tụi nhỏ mà, hai tuần mới được ra một lần. Trẻ con mà bạo động gì... Trẻ con mà đầu gấu gì, trẻ con mà giết ai...

Anh ngắm cuộc đối đầu chênh lệch giữa chị Băng và A Xòe. Chênh lệch quá... Chênh lệch nhân sự với chị Băng mảnh dẻ trong manh áo sơ mi dệt hiệu con cá sấu đã cũ phủ lên chiếc quần Jean xanh bạc, với A Xòe cao lớn uy quyền trong bộ đồng phục oai vệ... Chênh lệch quyền lực, với chánh phủ Hồng Kông và đế quốc Anh Cát Lợi đứng sau A Xòe một bên,

còn bên kia chị Băng đơn độc yếu đuối, không chút quyền hành, thậm chí không có cả quốc gia nữa...

Vậy mà kết quả lại bất ngờ. Chị Băng tranh đấu với những lời lẽ phát xuất tự đáy lòng, và tuy chị ôn tồn nhỏ nhẹ, nhưng từ tấm thân nhỏ bé tiết ra niềm tự tin và sức mạnh. Chị thoải mái như một người tự do, không làm công cụ cho ai, không lệ thuộc vào một hệ thống chính trị, không phải du di ý nghĩ hành động để giữ vững quyền hành hay tư lợi...

Khí giới của chị lấy ngay từ con tim ra, và chị dùng thẳng thừng. Mệnh lệnh của lương tri là mệnh lệnh độc nhất chị tuân theo. Chị phân trần, chị năn nỉ, vậy mà rõ ràng chị nắm thế chủ động.

Chỉ có A Xòe là luôn luôn bị động, luôn luôn phải ẩn núp sau những lệnh trên, những điều lệ, những thể chế... những lệnh, những lệ, những thể chế mà y không bênh vực được bằng ngôn ngữ của nhân ái hay của nhân quyền... Chị nhìn thẳng vào mắt y khi biện bạch, và y luôn luôn nhìn đi chỗ khác. Lần đầu tiên trên đời anh thấy người ta có thể năn nỉ từ thế thượng phong...

Và chị Băng lại năn nỉ:

– Đại úy. Cho các em ra chơi đi. A Xòe cũng có con, tôi thấy A Xòe bầy ảnh con ở bàn giấy... A Xòe biết đấy, giải trí cần cho trẻ em lắm... Ngoài kia có cây, có cối, có vườn chơi, có nắng, có gió... Lâu lâu cho chúng thở chút không khí tự do...

Hai chữ *Tự Do* làm A Xòe bực tức... Y gắt:

– Tự do... tự do với không tự do... Người mất tự do nhất là chính tôi đây.

Chị Băng vẫn năn nỉ. Mấy đứa trẻ con mà, chúng có làm gì đâu... Nhưng A Xòe vẫn lạnh lùng... Không, không được... Cảm phiền, lệnh trên mà...

*

Anh Bách bỗng nhớ đến lời chị Băng là vào đây anh sẽ tha hồ mà ngắm A Xòe. A Xòe đại úy đứng ngay trước mặt anh, rất gần, có thể lấy tay mà sờ vết dao cạo xước dưới cằm trái của y được... Vậy mà anh cũng không thấy gì rõ hơn, nếu đem so sánh với khuôn mặt của người tài xế thoáng

hiện qua cửa xe tại bến phà. Anh chỉ thấy rõ một điều là sáng nay A Xòe sĩ quan có cạo râu, và có đăng trí để xước cằm trái...

Nhưng anh tưởng tượng thêm... Dễ quá, anh quá quen thuộc với đời sống của những người trung lưu trung niên Á đông sống ở vùng đất này. Họ giống nhau như những giọt nước... Họ là thế hệ đầu tiên trưởng thành sau khi chế độ thực dân đế quốc vừa cáo chung hay đã nới lỏng. Và anh nghĩ mình biết nhiều lắm về A Xòe...

Anh biết cạo mặt xong, chắc A Xòe có bôi *eau de cologne*... Trước khi đi làm, có hôn vợ hôn con, ra đến cửa có vẫy tay chào hàng xóm... Và trên xe đến sở, chắc A Xòe có nghĩ đến Agnès Lầu, vợ A Xòe đang làm thư ký cho một ngân hàng khu Kow Loon... đến thằng Winston Lầu năm nay mới mười ba... đến con gái cưng Gloria Lầu năm nay mới mười một... đến chính bản thân William Lầu công chức Cục Cải Huấn Hồng Kông... Và A Xòe xót xa: Agnès mảnh dẻ quá, chân yếu tay mềm... Hai đứa bé còn măng sữa quá, nếu có chuyện gì xảy ra...

Chắc A Xòe cũng có nghĩ đến ông bà nội tụi nhỏ mà tuần trước A Xòe vừa cùng vợ con đến thăm... Và nghĩ đến quá khứ, đến thuở thiếu thời theo cha mẹ chạy loạn từ Hoa Bắc về Côn Minh, rồi lại chạy loạn lần nữa sang Hồng Kông, khi Hoa Lục rơi vào tay Hồng quân... Đến cuộc sống nheo nhóc lầm than của cha mẹ, của chính bản thân trong hai lần chạy loạn ấy. Đến tương lai... Không xa lắm, chỉ vài năm nữa thôi, đến 1997 khi miếng đất này sẽ trả lại cho Trung Cộng, khi số phận của tất cả gia đình họ Lầu sẽ bấp bênh đen tối... Và biết đâu, A Xòe sẽ không long đong như người đàn ông thuyền nhân một vợ hai con vừa cắt cổ tay lấy máu viết huyết thư gửi lên Cao ủy Liên Hiệp Quốc tháng trước. Không biết A Xòe có bận tâm, có cảm thấy chút tương thân tương ái với người thuyền nhân Việt không?

– Không, nhất định là không, tôi đã bảo mà.

A Xòe dứt khoát câu chuyện với chị Băng. A Xòe quay gót bỏ đi. Và thái độ A Xòe cũng dứt khoát trả lời câu hỏi trong đầu anh Bách. Không có gì chứng tỏ A Xòe muốn suy tư theo ngả đó. Hạn kỳ 1997 còn xa lắm, A Xòe chưa cần nghĩ đến vội.

A Xòe đã tự gắn mình với trại cấm Hải Linh Châu, với Cục Cải Huấn,

đã trở thành một công cụ của chính phủ Hồng Kông để chấm dứt làn sóng tỵ nạn. Và phương châm phục vụ của A Xòe là thấy việc mà không thấy người.

Chỉ xót xa cho đồng bào ruột thịt đã và đang hướng về Hồng Kông như một cái phao để tới bến bờ tự do.

IV.

Anh theo chị Băng trở về văn phòng của chị. Thế là hôm nay nhỡ tầu. Việc anh là đưa các em ra ngoài, mà tiết mục này đã bị A Xòe bãi bỏ.

– Đừng thất vọng nghe anh. Thế nào cũng có việc cho anh làm.

Chị lạc quan một cách vô lý. Làm gì đây? Thuyền nhân đã bị giam trong phòng, và A Xòe đã bảo là không được mà.

Anh theo chân chị Băng đi giữa những nhà giam xây thành hai hàng song song đối xứng hai bên sân trại. Mỗi căn rộng như một kho chứa hàng thường thấy ở thương cảng, tường xây bít bùng không trổ cửa sổ. Cửa độc nhất mở ra sân giữa, rộng vừa chiếc xe Jeep chạy qua. Ra vào cũng đấy, mà khí trời để thở hay ánh nắng để sưởi ấm lại cũng là đấy.

Nhưng sáng nay tất cả cửa sắt đã hạ xuống.

Anh gắng nhìn qua cửa sắt ngôi nhà bên mặt. Đằng sau song sắt, đồng bào đang nhìn ra. Không ai bảo ai mà điệu bộ họ giống nhau. Họ đứng san sát bên trong, tay nắm chấn song, mặt áp vào cửa, then sắt hằn lên má, lên trán, lệch lạc cả những nét nhân dạng bình thường. Chỉ có cặp mắt là không biến hình...

Và những cặp mắt ấy chăm chăm nhìn ra ngoài, khẩn trương, thăm dò, quan sát, chịu đựng. Những con mắt thăm thẳm như giếng khơi, chất chứa cả một trời gian truân bên dưới...

*

– Cô Băng ơi, cô Băng. Chúng em đây này.

Hai người dừng lại. Tiếng trẻ con láo nháo:

– Cô Băng ơi, em bị nhốt trong này từ tối hôm qua. Cô xin A Xòe cho em ra đi cô...

– Cô Băng à. Hôm nay đến phiên em được đi chơi mà lại bị cấm trại. Em đen quá cô Băng ơi.

Len lỏi giữa hàng chân người lớn mấy em nhỏ đang gắng chui tới sát gần cửa lưới... Chúng thò những bàn tay nhỏ bé ra ngoài vẫy chị Băng. Chị bước lại. Chị buông mấy gói đồ, rồi cúi xuống.

Tụi trẻ mừng lắm. Đứa nắm song cửa lắc mạnh, đứa cướp lời nhau để được nói với chị. Chị nắm những bàn tay nhỏ bé, chị xoa những mái đầu búp bê, chị vuốt những chiếc má phụng phịu... Chị cười, chị nói, chị hứa hẹn... Đừng có nhốn nháo các em... Về chỗ đi, chóng ngoan cô cho kẹo... Loan, Liên, lấy tập ra mà ôn bài... Chóng ngoan nào, rồi thế nào cũng được đi chơi mà...

Chị thăm hỏi, chị an ủi, chị dỗ dành... Các em mới tới được một tháng phải không? Bị cấm phòng lần đầu phải không... Không có sao đâu. Tâm, Nga, Tuyết... Coi phòng trước mặt kia kìa, có ai nhốn nháo đâu.

Một em nhỏ thò tay ra nắm lấy cổ tay chị Băng, mếu máo:

– Cô ơi em sợ quá... A Xòe có mở cửa cho ra nữa không cô? Cô ở đây với em. Cô đừng đi, nghe cô.

Chị để nó nắm tay một lúc, rồi chị gỡ tay nó ra. Chị lấy khăn chùi nước mắt con bé. Nó nhỏ quá, chị phải quỳ xuống đất mới tiện lau mặt cho nó.

– Thôi lát nữa em ra với cô... Nín đi nào... Xinh thế này mà khóc nhè, thành lọ lem mất rồi... Mà sao quần áo lem luốc thế này. Bộ này mặc mấy hôm rồi mà chưa thay? Về giường nói mẹ thay quần áo cho em...

– Người ta mang mẹ đi rồi.

– Ai mang mẹ đi đâu?

Em bé oà lên khóc. Em lại nhoài tay qua cửa lưới nắm lấy tay chị. Nức nở, em nói:

– Em sợ quá cô Băng... Cô ở đây với em... Tối hôm qua mẹ đau bụng... A Xòe đưa mẹ đi bệnh xá mất rồi... Mẹ có làm sao không cô? Đi nhà thương có chết không cô? Cô có cứu được mẹ Tiêu không cô?

– Thế bố đâu?

– Bố em chết rồi. Cô cứu mẹ Tiêu nghe cô.

Anh thấy chị lặng đi một giây. Rồi chị ngẩng lên nhìn trời, môi chị mím lại, và mắt chị ướt.

Hai A Xòe tay ôm cạc táp, bước qua. Họ bước song đôi, những bước

chững chạc nghiêm túc của chính quyền Hồng Kông. Họ nhìn về phía chị Băng đang quỳ bên con Tiêu. Họ nhìn đúng lúc chị vừa ngẩng lên. Họ nhìn mắt chị một giây, ngần ngại một giây nữa, rồi quay đầu nhìn thẳng. Họ bước đi, dáng điệu lại lạnh lùng chừng mực.

Chị cúi xuống nhìn con bé. Giọng quả quyết, chị nói:

– Cô không cứu được, nhưng Trời Phật cứu được. Mà Tiêu phải ngoan Trời Phật mới thương... Mẹ không sao đâu. Mẹ sẽ về mà. Cô quen với bác sĩ, cô sẽ dặn bác sĩ rán chữa cho mẹ Tiêu... Nhưng phải ngoan nào, phải nín đi mới được... Sáng nay ai cho em ăn? Ai đi lấy phần điểm tâm cho em?

– Em ngủ quên, hết phần... Nhưng em không đói cô Băng à... Dì Oanh ở giường bên cạnh cho em cây kẹo sốc cô la tối qua em hãy còn...

Sau cùng chị Băng nói:

– Ăn đi không đói. Trưa nay nhớ nhờ dì Oanh lãnh hộ phần cơm cho, nghe em...

Rồi chị nhẹ nhẹ gỡ tay nó. Chị nói:

– Thôi để cô đi, để cô đi gọi điện thoại cho bác sĩ nhờ ông ấy lo cho mẹ em...

Nói vậy mà chị vẫn chưa đi. Tay chị đã thoát khỏi bàn tay níu kéo của em bé, nhưng nó vẫn nhìn chị, không khóc thành tiếng, nhưng nước mắt vẫn trào ra... Chị vẫn quỳ dưới đất, như vẫn còn bị những ràng buộc vô hình trói chặt vào cửa phòng giam.

Thấy anh Bách bước tới chị Băng ngẩng lên. Chị đứng dậy. Chị nhặt chiếc sắc đeo lên vai trái, tay phải nhấc túi ny lông lên. Rán bình tĩnh chị nói:

– Để tôi đưa anh về văn phòng ngồi nghỉ rồi mình tính.

V.

Văn phòng của chị khoảng hai thước trên năm thước. Và tất cả công sự ở đây, phòng không có cửa sổ. Chị Băng bỏ anh ở đó rồi xin lỗi chạy đi để tìm hiểu chuyện gì xảy ra đêm qua. Còn lại một mình, anh Bách lấy thuốc lá ra hút. Rồi anh nhìn xung quanh. Chiếc bàn giấy nhỏ của chị chiếm mất một nửa bề ngang căn phòng. Cuối phòng kê một chiếc tủ thấp

đầy giấy tờ. Trên mặt tủ là phích nước sôi, một chiếc ly thủy tinh, hộp trà ô long, hộp Nestcafé, và hũ đường nhỏ xếp đặt ngăn nắp bên cạnh mấy chiếc muỗng nhựa... Trên tường la liệt tranh vẽ do đám họa sĩ thiếu nhi của chị sáng tác. Có tấm bích chương của cơ quan từ thiện *Save The Children* của Anh quốc. Một tấm bản đồ Hồng Kông bao gồm cả những đảo phụ cận như Lantau, Peng Chau, Hải Linh Châu và vùng Tân Thổ giáp với Hoa Lục. Và mười mấy vòng khuyên đỏ rải rác trên tấm bản đồ đánh dấu mười mấy trại cấm chính phủ Hồng Kông đã thiết lập cho thuyền nhân Việt Nam.

*

Anh ngắm tranh các em vẽ. Lướt nhìn qua anh đã thấy mát trong lòng. Bao giờ anh cũng mê tranh con nít vẽ. Thường thường tranh con nít ở đâu cũng giống nhau. Những nét vẽ ngây thơ không thèm bận tâm đến luật viễn cận, những mầu sắc chân phương, những nhân vật có cơ thể dị thường, cái đầu to tướng, mình mẩy ốm nhom, bàn tay bao giờ cũng xòe ra khoe đủ năm ngón... Và nhà cửa cây cối phố xá được ghi lại với cái nhìn thơ ngây, cái nhìn mà lớn lên ta đã đánh mất tự bao giờ. Các em vẽ một thế giới xinh đẹp hồn nhiên mà người lớn không còn nhớ lối vào.

Có nhiều bức chân dung. Có tranh "Mẹ em", có tranh "thầy Long", có tranh "cô Ngọc", "cô Vân", có tranh "thầy Hoàng", "thầy Mẫn"... Nhiều nhất là tranh "cô Băng". Cô Băng bán thân, cô Băng cả người, cô Băng dậy học, cô Băng đứng, cô Băng ngồi... Bao giờ bên cạnh cô cũng có một gói kẹo. Gói kẹo to lắm, có chữ "kẹo" ghi rõ ràng bên ngoài nữa.

Xem tranh con nít anh không bao giờ chán. Tranh con nít nhắc lại thời con nít. Trẻ em thế hệ anh lớn lên dưới thời Pháp thuộc. Thực dân Pháp tàn ác, đưa người lớn lên đoạn đầu đài, hay đày ải ra Côn Sơn, hay xa hơn nữa sang Tân Thế Giới... Nhưng anh nhớ chúng không đụng đến trẻ em. Bọn anh thời đó vẫn có đèn kéo quân, không của riêng mình thì của bạn hàng xóm... Vẫn có bánh trung thu, vẫn có mái trường làng... vẫn được cỡi trâu, vẫn được thả diều...

Trẻ em thời đó không có bút chì màu để vẽ, nhưng vẫn có một thuở ấu thơ êm đềm để nhớ lại. Kẻ thù cũng như người thân, như cam kết ngầm với nhau là không bao giờ đem tàn bạo vào thế giới của con nít... Mọi

chuyện đều có thể đợi, và thơ ngây vẫn được che chở bởi huyền thoại. Anh vẫn có một thiên đường trong đó cha mẹ, cô giáo, thày giáo, là những siêu nhân, chuyện gì cũng làm được. Cuộc sống còn trẻ lắm chưa từng biết những eo sèo hay tang thương của nhân thế...

Với anh, tranh nhi đồng là chìa khóa để trở về cái thiên đường đó. Ngắm tranh các em, anh như thấy lại cảnh cũ trong mơ, khi thỉnh thoảng may mắn được giấc ngủ đưa về thăm lại quãng đời xưa cũ...

Anh ngắm tác phẩm của đám họa sĩ tý hon một lần nữa. Lòng tràn đầy tình cảm lãng mạn, anh nghĩ tuổi thơ thật là mầu nhiệm. Nó che chở bảo vệ cho những em nhỏ, ngay cả những em nhỏ thiếu may mắn của Hải Linh Châu. Nó giữ phần cho các em cái khoảng đời thần tiên ngắn ngủi và đẹp nhất của kiếp người.

*

Nhưng mà không... anh lầm...

Trẻ em thuyền nhân không được diễm phúc bằng trẻ em thế hệ anh. Mặc dầu đất nước bấy giờ còn bị ngoại thuộc, phép lạ đã giữ cho trẻ em thời ấy một khoảng đời thơ ấu êm đềm.

Nhưng không có phép lạ nào, không có chuyện thần tiên cổ tích nào có thể hoàn toàn che chở cho em bé thuyền nhân... Một bức tranh bằng bút chì tím treo cuối bức tường văn phòng chị Băng đã mở mắt cho anh thấy được sự thật này.

Tranh vẽ trên trang giấy học trò có kẻ sẵn. Một nét ngang bạo chạy dài giữa trang, phân chia trời với nước. Chân trời bao la quá, mặt nước tất phải là mặt biển. Và ngay giữa bức tranh, một cánh tay từ dưới nước dơ lên, đơn độc, chơi vơi. Bàn tay đủ năm ngón xòe ra, với hai ba giọt nước đang rơi lại xuống biển...

Tất cả chỉ có vậy. Chân trời hoàn toàn trống trải, không một dải đất, không một cánh chim... Và trên cao là mấy đám mây nhỏ cũng màu tím, thật cao, thật xa, thật lãnh đạm. Góc trái nguệch ngoạc hai chữ ***chết đuối***. Góc phải có mấy chữ *Nguyễn Thăng ký*.

Anh sững sờ trước bức tranh. Em Thăng không biết mấy tuổi? Nét vẽ non dại như vậy, chắc em còn bé lắm. Không biết có cha mẹ đi theo không? Em vẽ chuyện gì, chuyện em mục kích hay nghe người lớn kể? Ai chết

đuối? Mà sao mặt bể em vẽ trống trơn quá. Không có thuyền bè trên biển... Không có bóng dáng bến bờ ở cuối chân trời... Không có cả hy vọng... Và nhất là không có ai với người sao?

VI.

Chị Băng vẫn chưa về. Anh tự pha một tách cà phê, rồi ngồi uống. Nhìn bức tường không cửa sổ dán đầy tranh vẽ của các em, anh suy nghĩ. Chưa bao giờ anh sống nhiều như vậy, trong một quãng thời gian ngắn như vậy.

Mới sáng nay anh còn ở bến phà Peng Châu đợi chị Băng, còn nô nức vì những cái vui không đâu của một chuyến về thăm lại Á Châu. Mới sáng nay anh không thể ngờ được là anh sẽ bắt được những kinh nghiệm sống đặc biệt để lại những dấu vết sâu đậm trong cách nhìn cuộc sống của anh.

*

Những hình tượng của mấy giờ vừa qua trở về trước mặt, quay cuồng, lao chao đòi anh chú ý. Anh nhớ lại bài thơ thuyền nhân, với cái khổ khất gió thèm mây của anh Tâm... Anh liên hệ được với cái khổ ấy... Nó còn nhẹ lắm, còn gần gụi với đời sống bình thường, dù có chút thương vay khóc mướn...

Anh thấy lại mấy cuộn thép gai lồng bồng trên đỉnh rào sắt cổng trại, đang cào rách bầu trời xuân đầy mây trắng... Cảnh buồn nhưng anh chịu được... Còn thích nữa... Anh ngả người tựa vào thành ghế, nhắm mắt lại như muốn giữ lấy những hình ảnh lãng mạn của một niềm đau thương trừu tượng...

Nhưng vô ích... Mây trắng trôi đi... Và mấy cuộn thép gai cũng mờ dần và biến mất...

Cửa sắt phòng giam hiện lên, với đồng bào anh chen chúc bên trong... Anh thấy lại những khuôn mặt tì sát vào song thép, sát đến nỗi méo mó cả nhân diện... Anh thấy những con mắt thuyền nhân đang nhìn anh, ráo hoảnh và thăm thẳm, sầu muộn thê lương...

Và anh thấy trẻ con len lỏi giữa chân người lớn, luồn những cánh tay nhỏ bé qua song sắt để cầu cứu chị Băng... Anh cũng thấy lại con Tiêu, con bé mồ côi bố, mẹ đau chở đi nhà thương từ tối trước, suốt đêm thức một mình trong hãi hùng, để gần sáng thiếp đi và quên mất phần ăn điểm

tâm... Nó đang níu chặt lấy cổ tay chị Băng, và khuôn mặt búp bê của nó chan hòa nước mắt...

*

Và anh bỗng nhớ lại em bé trai tên Nguyễn Thăng mà anh chưa biết mặt, tác giả của bức tranh nhan đề *Chết Đuối*...

Tội nghiệp em tôi... Tuổi thơ mà tâm hồn đã bị tổn thương như thế... tuổi thơ mà trăn trở đã ám ảnh với chừng ấy hãi hùng... Anh xót xa, em Thăng còn bé quá. Em chưa khôn lớn như anh Tâm, và bản năng tự tồn tự vệ của em chưa kịp trưởng thành để dậy em cách sống trong thời ly loạn... Em chưa biết dối người, em chưa biết giả vờ... Và em cũng chưa biết dối chính em là em không thấy ai chết đuối, không thấy người thân chết đuối, không thấy cha mẹ chết đuối, và mọi chuyện vẫn bình thường...

Hay như chị Băng nói, em chưa biết trị nọc rắn độc... Em chưa biết cô lập vùng linh hồn bị thương tổn, như người ta lấy dây ga–rô cột cánh tay bị rắn độc cắn, để nọc độc khỏi thấm rộng ra và phá hoại cả sự sống trong em...

Em vẽ bức tranh mà người lớn không dám vẽ. Và nếu em đủ ngôn ngữ để lắp chữ làm thơ, chắc em đã dại dột làm những bài thơ đầy độc tính mà chính anh Tâm đã không dám làm...

Và anh Bách nghĩ đến cả ngàn em nhỏ đang sống lay lắt trong những trại cấm, những nhà tù đã và đang mọc lên suốt vùng duyên hải Đông Nam Á để giam giữ thuyền nhân... Anh xót xa cho những tâm hồn non dại đã bị thương tổn trầm trọng, và mầm chết từ vết thương đang thấm dần ra đầu độc cả cuộc sống của các em.

*

Phải cứu lấy trẻ con...

Anh Bách moi lục trong trí nhớ, những sách vở, những bài tường trình, những tuyên bố, những kế hoạch của những hội nghị quốc gia quốc tế về tị nạn anh đã đọc... Anh không tìm được một điều khoản nào thực tâm lo lắng đến trẻ con...

Anh chỉ thấy một mớ bòng bong ngôn ngữ đang giăng màn ảo thuật để ngụy trang những ẩn ý, mưu đồ, tham vọng, chính trị hay kinh tế, với mục

đích né tránh bổn phận, hay khai thác những lợi lộc đen tối của thảm kịch nhân loại này.

Và anh thấy hy vọng cứu lấy các em như chìm trong đại dương của thờ ơ, ích kỷ, đạo đức giả, hay vụ lợi... Lồng ngực anh nặng như đá đè, ngột ngạt, tức tưởi, như chính anh đang chìm trong đại dương đó.

Và anh bỗng nhận ra chị Băng cũng đang chìm chung với anh. Chỉ có điều chị không chịu thua. Trong một bức tranh khác đang hiện ra trong trí tưởng tượng, anh thấy cánh tay chị dơ lên khỏi mặt biển, và năm ngón tay gầy của chị xòe ra, như vẫy gọi, như vẫn còn bám víu cái hy vọng quơ được chiếc phao để cứu lấy trẻ con.

Ubud, Indonesia. March 90.

NGÔ NGUYÊN DŨNG

đuổi gió

rộn ràng chim đón mùa trổ búp
về cùng tôi mở cửa giùm tôi
đê mê nắng nở trên vòm ngực
em và tôi đuổi gió bên đồi

khe khẽ nhé gió luồn tay nhỏ
đời thênh thang một cuộc rong chơi
nhè nhẹ nhốt gió vào tâm thất
thổi bùng lên đốm lửa tuyệt vời

đừng hứa hẹn, đừng mang bão tới
lắt lay rừng bóng tối lạnh căm
hãy đóng lại ngàn khung cửa đợi
bật diêm soi ngực thở âm thầm

tôi không biết nơi em nhốt gió
quẩn quanh tìm mưa nắng vẩn vơ
tàn ánh lửa tim em ở trọ
mới hay rằng gió lặng bao giờ

KIỆT TẤN

đọc

"Buồn Xưa, Bây Giờ" của Thụy Khanh

●

DÒNG MỰC ĐAM MÊ

"Sao tiếng nói bỗng thẹn thùng bỡ ngỡ
"Gọi tên người nghe cả nắng vàng phai
"Cành mai kia sao đã chất sầu đầy
"Mùa lá rụng vẫn buồn như kỷ niệm".

Thơ để nghe, nhạc để tấu. Thơ và nhạc không phải để hiểu. Tôi nói với Thụy Khanh cùng lắm công việc tôi có thể làm được là trích thơ Thụy Khanh cho mọi người cùng thưởng thức. Nếu như vậy thì nên cầm tập thơ của Thụy Khanh nguyên vẹn rồi hẵng từ từ mà đọc cho rốt ráo.

Đối với thơ, phê bình khen chê đều là dư thừa. Tôi cố luôn luôn đứng ngoài vị thế phê bình mà rồi

"Bán sinh phong cốt lăng tầng thậm
"Nhất phiến u hoài chỉ vị khanh".

"Trời hôm ấy mười lăm hay mười tám?
"Tuổi của nàng tôi nhớ chỉ mười ba"

(Nguyên Sa)

Hình như Thụy Khanh biết yêu đương và làm thơ rất sớm.

"Em áo trắng trong vườn chưa nắng dọi
"Tuổi mười lăm mộng ước thật hiền lành"

Tín hiệu đây thì lóe lên trong đêm khuya như những đom đóm lập lòe đánh lời gọi mời người đồng điệu.

"Xin gió đừng se buốt đóa môi xinh
"Mây hãy đến hôn bờ vai tóc xõa"

Trước lời mê hoặc đó tôi đã dạo bước vào dòng thơ trữ tình đằm thắm của Thụy Khanh. Và cánh cửa mướt xanh đã khép hờ lại sau lưng mình như một thỏi son hé mở

"Khép hoàng hôn một thuở dấu yêu nào
"Vùng lửa ấm là những lời tình tự"

(Một người)

"Bước khẽ cho mùa không trở giấc
"Nâng niu cánh mộng kẻo mù bay"

(Nâng niu cánh mộng)

Tôi bước từng bước nhẹ như lời nàng căn dặn. Tôi sờ soạng đi lạc vào cõi hư thực của Đinh Hùng hồi nào không hay biết.

"Hỡi ơi một thoáng dư hương cũ
"Bỗng chập chùng xô động tháng ngày"

(Nâng niu cánh mộng)

"Anh cúi đầu trong một phút giây im
"Trời tưởng nhớ đã dậy mùi hương phấn"

(Người em phi hành)

Rồi Thụy Khanh đã nắm tay tôi đưa về đoàn tụ với thế giới bi thương của nàng, thế giới tiêu điều của chúng ta, của đất nước ngậm ngùi, của quê hương tan nát, của thuở trời đất nổi cơn gió bụi:

"Sóng xô một buổi tan khuê các
"Khói dậy vài phen nát liễu bồ"

... ...
"Áo xiêm tẻ nhạt màu son phấn
"Nhung lụa mờ phai dấu ngựa xe"

(Hoài cổ)

"Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi
"Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi!"

"Vó câu đã ruổi ngoài muôn dặm
"Rượi tiễn còn say dưới nguyệt mờ"

(Ngâm thơ cổ nhớ người)

Và cái thét roi cầu vị đã đưa chúng tới cái rét mướt của rừng núi hiện thực ù lì:

"Chiều quân khu con nước lớn dâng đầy
"Ta soãi cánh cho dòng sông chảy xiết"

... ...

"Rồi cơn mưa khi chiều xuống khu vườn

"Từng hạt nhỏ rơi trên thềm đá cũ"

Và nỗi nhớ nhung ngậm ngùi của Thụy Khanh khi ngoảnh đầu ngó lại quê hương yêu dấu:

"Đứng nhìn sông nhớ về quê hương cũ
"Hỡi Mê Man hồn mộng tận phương nào

"Nắng vàng thu chờ tháng bảy mưa ngâu

"Mà bãi vắng người xa thuyền chẳng đợi"

Như một người sợ bỏ quên trí nhớ của mình về quê hương tan tác, Thụy Khanh nhắc nhở:

"Em bỏ đi cánh đồng chua nước mặn
"Lũ trâu buồn nhơi lớp cỏ vàng khô"

Và Thụy Khanh dàn trải tấm lòng lạc lõng bơ vơ của mình nơi đất khách:

"Đôi cánh ướt ta quay về đất lạ
"Biển còn xanh mây trắng vẫn bay hoài"

(Hồn thơ hóa bướm)

"Quê nhà xa lắc xa lơ đó
"Ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay"

(Nguyễn Bính)

Và khi ngoảnh nhìn, Thụy Khanh thấy lại ở mình những nét ngây ngô hiền lành và lãng mạn của thời mới lớn:

"Quãng đường dài đôi guốc gỗ băn khoăn
"Se sẽ gọi tình yêu nào chợt mất"

(Tuổi mười lăm)

"Hồn dã thảo thơm thơm mùi vở mới"

(Em bé Việt nam)

Thụy Khanh đưa tôi về những vùng hương thoảng ngậm ngùi, những nỗi buồn xưa cũ, những hiu hiu muộn phiền Huy Cận:

"Đồn xa quằn quại bóng cờ
"Phất phơ buồn tự thời xưa thổi về"

(Huy Cận)

Buồn Xưa, Bây Giờ, phải chăng đó là nỗi buồn chung của những người đam mê cầm bút, tự ngó lấy trái tim mình, khảy nên những dòng thơ dìu dặt thanh tao cho những người đồng điệu cùng san sớt:

"Đôi mắt đó bỗng chập chùng phủ xuống
"Những u buồn lời thú tội đê mê
"Ta đã nghe trong bóng nắng xuân về
"Bờ vai ấy một lần khơi nỗi nhớ
"Sao tiếng nói bỗng thẹn thùng bỡ ngỡ...".

(*) Chú thích: "Buồn Xưa Bây Giờ", tập thơ của Thụy Khanh kết hợp khoảng hai chục bài thơ viết theo nhiều thể khác nhau. Thể nào Thụy Khanh viết cũng đẹp, cũng hay mà nét dễ thương nhất vẫn là nét đa tình.

Tìm Đọc

CÓ YÊU EM KHÔNG?

tập truyện Khánh Trường

TÂN THƯ xuất bản 1990

THỤY KHANH

ngâm thơ cổ nhớ người

●

Chút gì len lén ở tâm tư
Vẫn nghe xao xác ý mong chờ
Vó câu đã nuối ngoài muôn dặm
Rượu tiễn còn say dưới nguyệt mờ

Ta gục đầu lên trang sách cũ
Khóc niềm tương biết đã bao lâu
Tình ái nào hay như muối xót
Tầm dương lạc bến khói mù tăm

So đàn tưởng khúc thiên thu hận
Cạn chén hoài âm vạn cổ sầu
Cổ thi từ buổi nghe ngâm vịnh
Đã trắng từng đêm tưởng nhớ nhau

Mười lăm năm cũ tình vương mãi
Gió bụi người nay tóc điểm sương
Sao mầu mắt vẫn trong như suối
Hồn ta sỏi đá xoáy từng cơn

Ai chỉ trăng thề vung kiếm thép
Ta sầu kinh sử ngọn đèn khuya
Hoa đào lại thắm bên vườn cũ
Hiên vắng chiều Xuân gió lạnh về.

Paris 19 – 12 – 89

KHÁNH TRƯỜNG

nào có gì đâu, tôi đang sống đấy mà

●

tôi viết văn tôi làm thơ tôi vẽ tôi làm tình
có khi thích có khi không
có khi tuyệt hay có khi quá tệ
dù thích dù không dù hay dù tệ
vẫn công việc phải làm

●

tôi vạch một ô vuông
tự giam mình trong đó
mỗi ngày tôi chạy
chạy
chạy
chạy
đôi lúc mất thăng bằng không chạy được
tôi đi
hoặc tệ hơn - tôi bò lổm ngổm
mông chổng lên trời trán sà mặt đất
thấy trời dưới chân
thấy đất trên đầu
thấy vỡ ra một điều rất lạ
đất với trời chưa chắc chỗ nào xa

•

tôi chẳng thể vượt trên những điều tầm thường nhất
ly cà phê buổi sáng
chén cơm nóng trưa chiều
chỗ chẻ trơn nhờn ẩm ướt vào ra
lại thấy rõ một điều rất lạ
khoái lạc xuất tinh khi lặp lại nhiều lần
cũng giảm dần cường độ
như mỗi ngày
nhai đi nhai lại
những công việc tưởng chừng ghê gớm
kẻ sáng tạo - hóa công, thượng đế
tôi tấn phong tôi - chiếc vương miện phường tuồng
lấp lánh hào quang nhưng rặt toàn của giả
nan tre giấy bồi xanh đỏ thủy tinh

•

mỗi ngày
mỗi ngày
nào có gì đâu
tôi đang sống đấy mà
sống chập chờn như một bóng ma

5.90

NGUYỄN MẠNH TRINH

vàng nắng

●

Lửa bốc lửa bốc ở cuối phố
Em dưng không thánh giá cầm tay
Bờ dốc lam ẩn trốn ngọn gió
Dài ngõ về thung lũng mù mây

Cánh chim dạt nắng hong hốc đá
Núi ôm vai mặt nhật trống hoang
Đời chậm chậm mỗi ngày vội vã
Hồn tới lui một nỗi muộn màng

Cọng rêu mọc phủ buồn mái ngói
Bờ tóc em hồng đỉnh ngọn cây
Chiếc lá phong giấc mơ còn đợi
Chú nhện đen tơ mốc họp bầy

Chiều gió hú những điệu luân vũ
Quay quay tròn bông nõn guốc đời
Góc môi hôn da thịt ẩn dụ
Nến đầu đời giọt sáp rụng rơi

Rao bán mảnh trái tim cuồng nộ
Mắt thủy tinh đôi mắt thủy tinh
Khóe đồng tử ước mơ nào rõ
Phiêu du xa bóng tối một mình

Khuất bóng ngày rạc rời nốt nhạc
Gõ bâng quơ phiếm đàn thói quen
Gai mọc lút tận cùng tội ác
Giết nhau đi hơi ủ ngoan hiền

Công viên vắng mình tôi ngọn cỏ
Ánh đèn khuya lệ em khóc vùi
Cổng đã đóng rạn hằn bia mộ
Nét chữ nào đổ giọt máu vui

Tình tự kín ngăn trong ngực thở
Mùi son em dạ hương vẫn còn
Cuối tháng hai mưa đành lầm lỡ
Gối lệch xô tóc thả ngùi thơm...

LÊ ANH TUẤN

nhớ trường sơn

●

Cuộc Trường sơn trên đỉnh đèo heo hút
Ngày anh đi nghe bóng trúc rì rào
Tiễn chân anh không rượu cúc hoa đào
Chỉ núi đá nếm Đông triều biển mặn

Những đỉnh Trường sơn những chiều vắng lặng
Nghe thầm thì lá vắng kết rừng hoang
Tay bút nghiên rảy mực nét giang san
Áo hàn sĩ tung giữa trời giáp rách

Mùa đông quê hương thân gầy lữ khách
Mẹ côi già lau lách chẳng khóc than
Những vì sao trơ mắt ngó điêu tàn
Trăng uất nghẹn treo màn đen ủ rũ

Anh đi mùa đông cơn ho sù sụ
Không làm tráng sĩ không mơ hùng anh
Chân đạp gai vì thương chỉ mái tranh
Vai đội đá vì yêu nghe chim hót

Ngày anh đi đỉnh trời vang sấm chớp
Khúc trà ca đành hẹn lại mai sau
Áo bạc nâu ra khỏi cửa không màu
Sắc vô sắc phủ xanh rêu diện bích

Giọt nước Tào khê mây chiều xa tít
Mưa Lô sơn trên áo nạp Trường sơn
Mù mịt trời Nam lầm lũi cô đơn
Đem cát bụi so gan cùng cát bụi

Ôi mộng Trường sơn song tù thui thủi
Lỡ cuộc cờ tóc bạc đuổi mây bay
Rũ tứ ân cười nhẹ cõi đắng cay
Xua Đường Tống bày vui chơi bốn vách

Ôi nhớ Trường sơn nhớ người xa cách
Nghe tiếng chim kêu rợn tuyết đông hàn
Một chữ tình thơ một trời đất khách
Một chén tâm trà một hạt mang mang

MỊCH LA PHONG

nhân nghĩa phù vân

●

Từ thuở trời cao chẻ đá bia
Về Nam gõ cửa suốt canh khuya
Nếu không chim biển lùa mây tới
Tiếng sóng thiên thu dỗ lối về

Bụi với tháng ngày tráo trác nhau
Sóng cuồng xô lấp nẻo xưa sau
Thần tiên chưa đắc chân nhân ấy
Đừng cột thế gian kẻ bạc đầu

Lần trở về Nam chuyện có không
Uyên ương lửa lọc tiếng tơ đồng
Bên này nhiệt đới trăng lê gót
Mơ thuở vàng son nước mấy sông

Bút đã không ngòi mực vẫn tươi
Ta về đau lạnh giữa đôi mươi
Đầu năm ngồi mỏi buồn râu tóc
Xin tạ cao xanh một nụ cười

Cái buổi thuyền qua bến nghĩa nhân
Có người cao mắt ngắm phù vân
Biết đâu chút lửa thanh bình ấy
Luân lý tàn theo nộ khí Tần

Còn giữa tro tàn mấy ngón tay
Về cho râu tóc trở qua ngày
Thời gian nhân nghĩa phù vân đó
Huyên náo bên cồn khói sóng bay

BẮC PHONG

nỗi mâu thuẫn hồng kông

gửi Gordon Fisher

●

Trại tỵ nạn người, bị giam tôi
Roi quất ai, lưng tôi rát bỏng
Họ thiếu ăn, tôi đói cồn cào
Trẻ nằm sốt, người tôi ran nóng

Họ trọi trên biển, tôi ngoi ngóp
Họ bơ vơ, tôi đứng bần thần
Tóc họ úa, đầu tôi cát lấm
Họ lạc loài, tôi phận thuyền nhân

Họ bị đuổi, tôi không chịu đi
Họ phản kháng, tôi ngồi tuyệt thực
Tôi đang nói, những lời họ khai
Đất nước họ quê hương địa ngục

Nhưng họ da vàng, da tôi trắng
Tôi tự do, họ quẫn bách tù
Ôi nhân quyền, ai thiếu ai cho
Địa cầu có chật gì đất sống

Trái tim tôi, gay go ổ khóa
Gân thịt tôi, chằng chịt kẽm gai
Tôi cạy mở và tôi giang kéo
Mời họ vào cứu vớt tôi đây

GIANG HỮU TUYÊN

vườn mía

●

Buổi chiều gió thổi qua vườn mía
Mẹ đứng sau nhà mắt đỏ hoe
Gió đuổi chạy dài trên sóng lá
Dòng đời nặng nghiến cuối hàng tre

●

Đã biết bao người không trở lại
Nên vườn mía ấy lắm bi thương
Đêm đêm trăng giãi trên hàng mía
Nhạc dế ru buồn lạt tiếng sương

●

Ở phương ca nhớ về vườn mía
Lóng mía mật vàng ngọt sắt son
Ơi nhớ quá hương trời cố xứ
Mía vườn nuôi ngọt cả hồn con

●

Vườn mía quê hương ngày trở lại
Hàng tre đứng ngóng đợi tin vui
Có ai trong vạn ngả đường sông núi
Về quỳ dưới chân mẹ, mẹ ơi!

Tìm Đọc:

SỢI CHỈ TRONG HỒN

truyện dài Nguyễn Ý Thuần

Thời Văn xuất bản 1990

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

bài thơ cho ngôi nhà thờ đá

●

Mẹ tôi đã mất tôi không biết mẹ có thành tiên không?
Cha tôi cũng mất người có được thành cọng cỏ?
Thầy Thạch tự tử khi họ vừa mới vào giải phóng.
Hương nghe nói lấy vợ cán bộ giàu
giờ đang ở một tòa nhà lầu đồ sộ.
Minh Châu thì đứa con gái van tim phải mổ.
Chị em Bắc Phương bố chết rồi nó cũng trôi dạt phương mô?

Tan học rồi tôi đạp xe thả chậm theo con lộ nhỏ về nhà. Con bạn đi cùng đường cứ léo nhéo lảm nhảm bên tai:

– Thì mày nói tiếp mấy chuyện uống thuốc tây đi.

– Má tao nói: đau đầu thì uống Aspirine, đau bụng thì Ganidan, sổ mũi thì Thiazomide, Alchol de menthe là thứ nước trắng đựng trong cái chai cũng màu trắng tròn tròn xức vô da thịt mình thì nó nóng rần lên. Nhưng má tao nói tuy nó thơm vậy nhưng chỉ để dùng cho mấy người đàn bà đẻ, mình cạo gió thì mua dầu cù là MacPsu hoặc cù là Ba con cọp thì hay hơn nhiều.

Phương tròn mắt thán phục. Ba chị em nhà nó đều tên Phương hết thảy: Tây Phương, Đông Phương, Bắc Phương, chỉ còn thiếu Nam Phương, không hiểu tại sao má nó chưa kịp đẻ thêm đứa nữa thì đã chết.

Nó đi học về thì hay sắc thuốc bắc cho ông già nó uống bịnh ho lao nên nó rành mấy vị phục linh, cam thảo, hoài sơn, bạch quả, cam từ... mà tôi nghe chẳng hiểu ất giáp gì mà cũng không buồn nhớ.

Tôi quành xe vô nhà nó, nó đã biến mất sau cánh cửa nhỏ mặc kệ tôi tự ý đưa xe sau xó bếp, tự ý khóa xe rồi bỏ đi. Khu nhà thờ cao kiến trúc

toàn bằng đá dựng đứng trên một cái núi đá sừng sững lộ thiên ở giữa thành phố. Lên trên cao rồi tôi hoàn toàn không dính líu ăn nhập gì với thành phố lăng xăng nắng gió bụi bặm xe cộ dưới kia. Cửa nhà thờ im ỉm đóng kín, vách tường đá cao sừng sững, tôi men theo tường nghe hơi lạnh toát ra từ đá, dưới bước chân đi cũng đá, bao quanh ngọn núi cũng là những bức tường đá. Đám dây leo có hoa màu hồng, không hiểu sao dân địa phương ở đây gọi mớ dây lòng thòng đó là bông nho, tôi cố tìm trong tiểu thuyết hay sách học vạn vật cũng không thấy có thứ bông nào gọi là bông nho. Lá xanh lợt hình trái tim, hoa tùy hứng khi thì ngả màu đỏ đậm khi thì hồng lợt, mà mấy "*con ngựa*" học lớp lớn hơn mỗi khi hè tới thường hay ép mấy cành lá và hoa của bông nho trong sách lưu bút. Có đứa đua đòi còn vẽ vời uốn éo dưới đó mấy dòng như *Cành hoa tim vỡ* hoặc *Màu máu hoa tim.*

Kệ lũ con gái chúng nó, tôi chẳng bao giờ làm mấy trò con khỉ đó. Tôi cũng chẳng mất công mất của vào tiệm chụp hình uốn qua éo lại, đầu chít khăn mỏ quạ, tay cầm cành bông nhựa hay có khi còn nằm soãi cả trên mấy phím đàn ghi ta, có bạn lại ôm cả đàn gảy bằng tay trái. Chắc tay phải ô uế để cầm đũa hay chùi đít, tôi bảo vậy, tụi nó chửi, bảo mày là đứa con gái xấu xí mất dậy suốt đời rồi sẽ chỉ *Cấp cô độc* (đó là tên của một tông phái dịch âm từ tiếng Phạn, tụi con gái nhỏ dốt nát chúng tôi hồi đó không biết nên hiểu thiếu đi chữ cấp mà chơi).

Minh Châu học một lớp với tôi. Má nó ngoài Bắc mới di cư vô mà thuê ngay một cái villa khá lớn ở đầu con đường rẽ vào trường và mở tiệm bán gạo. Tôi không biết tại sao lúc đó gạo rất quý, phải mua *gạo cạc*, mỗi gia đình phải có một cái thẻ trong đó chi chít những ô đầy những chữ từ A đến Y rồi những số 0 đến 10 v.v... Mỗi lần đến mua gạo phải ghi tên người chủ gia đình vào sổ, cắt các ô chữ, ô số dán vào sổ. Người đứng mua xếp hàng chờ chủ mở rộng bao chờ đợi như chờ lòng khoan dung bố thí của bà chủ tiệm. Hột *gạo gia đình* quý lắm vì má tôi nói nếu không có *gạo gia đình* thì nhà mình chắc là phải chết đói từ lâu vì tiền đâu mà mua gạo ngon ở chợ. Gạo gia đình thường vàng khè, ẩm mốc, nát và cám nhiều như trộn bột, nhà Minh Châu chỉ bán chứ không bao giờ ăn. Tôi đến chơi chờ nó đi học thấy em nó xúc cơm ăn sáng, hột cơm trắng muốt thơm ngát từng hạt gạo dẻo quyến chặt vào nhau, miếng chả thịt chiên vàng dính mỡ làm

bóng thêm hạt gạo. Tính tôi hay tò mò cái gì cũng lắng nghe, cái gì cũng muốn biết nên hay rình nghe má nó nói chuyện với bạn bè người quen chung quanh:

– Cái ông nhà tôi với mấy đứa bé con xem thế mà kén ăn lắm các bác ạ. Thức ăn thì lúi xùi thế nào cũng được nhưng gạo thì phải gạo nanh chồn hay gạo nàng hương hạt nào suông sẻ đếm được hạt ấy thì mới chịu ăn. Ấy, thành ra nhà tôi lúc nào cũng phải nấu hai nồi cơm, chị bếp với mấy đứa người làm thì gạo gia đình sẵn đó chúng nó muốn nấu ăn mấy thì ăn.

Tôi ngạc nhiên vì cái giọng Bắc lên bổng xuống trầm một cách quá đáng của mẹ Châu và nghĩ tới cái giọng Huế âm thầm nhỏ nhẹ và dường như xuống thấp quá trở thành thì thào khó nghe của mẹ mình. Mà mẹ mình thì ăn cơm gạo nàng hương hay gạo gia đình? Và ăn cơm những lúc nào nhỉ, sao mình chẳng bao giờ thấy mẹ ngồi ăn?

Dưới chân tôi là đá, trên cao vời vợi tôi ngước mắt lên là tháp chuông cũng xây bằng đá, những bóng cây to vươn từ chân núi phủ trên những vòm đá đục mát mẻ lạ thường, tôi tựa vào một phiến đá dễ chịu thoải mái nhìn xuống phố. Chiều rồi, gió nổi lên cuốn bụi đường lăn tròn theo những bánh xe, nắng một vệt đổ dài soi nghiêng bóng người qua lại. Con lộ nhỏ, xe người chen chúc, những sinh vật loanh quanh đi lại không ngớt, giống như những buổi trưa cắm trại lúc thầy cô và các bạn đến giờ nghỉ trưa đều phải ngủ yên trong trại, tôi luồn ngõ sau một mình ra bờ sông lượm que khô bắc cầu cho kiến. Những con kiến thông minh tháo vát chạy lui chạy tới hai càng quặp lại ôm chặt có khi là một mẩu thức ăn, một hạt gạo hay xác một con vật khác, có khi lại chính là xác của một con kiến đồng loại (là người tình, người bạn hoặc kẻ thù vừa bỏ xác đâu trong bệnh viện, trên chiến trường hay trên tình trường? Mấy lúc đó tôi vẫn thường hỏi chúng: này kiến kia, chúng mày có nước mắt không?)

Những đám người dưới kia cũng vậy, họ là đàn ông đàn bà, con trai con gái, vừa lớn lên hay trung niên trầm tĩnh, vẻ mặt ưu tư và trĩu nặng âu lo, là anh chàng thất nghiệp hận tình đen bạc râu tóc bơ phờ hay cô gái mỹ miều thân hình thon đẹp ôm sát trong cái áo dài màu tím lợt vừa đạp xe thong thả vừa ngước mắt nhìn lên, mắt vui tươi da mặt trắng kính dâm đen

càng làm nổi bật... Họ đi đâu, về đâu lũ lượt như đàn kiến, như quân đèn mải miết ngược xuôi?

Những chiếc lá khô lăn tròn trên bờ đá, tôi giơ một bàn chân đang mang giày ra chận lại. Lá dụm lại vào chân tôi, tôi hất tung bàn chân lên, lá lại tung bay lả tả. Những chiếc lá khô dòn, nếu tao mà dẫm một cái thì chúng mày lập tức sẽ nát như tương sẽ tan thành cám và chẳng mấy chốc sẽ là đám bụi nát bên đường. Có cám ơn tao không, khi tao vẫn muốn cho chúng mày giữ nguyên hình hài như cũ, như hình cánh hoa tim, cho tới khi chúng mày tự tan rữa thành hòn bụi mủn. Nhưng mà ai ai chắc rồi cũng sẽ tan thành bụi mủn, tôi đắc ý rồi bỗng hăng hái thống khoái lên vì cái ý nghĩ tuy đã cũ rích và đã được bao nhiêu thế hệ con người nhắc đi nhắc lại này.

Con tàu ở xa huýt lên một tiếng, chuyến tàu chợ lọc cọc xốc xếch đã trở về và tôi cũng đến giờ phải trở về. Tôi nói dối mẹ: chiều nay phải ở lại trường tập kịch sau giờ tan học, con về trễ một tiếng, mẹ tôi cười không nhìn tôi vì đang mải chăm chú lục soạn tìm kiếm cái gì đó trong cái tủ gỗ tróc sơn màu vàng. Mẹ hỏi bỏ lửng nhưng tôi hiểu là mẹ đã cho phép tôi về trễ:

– Tập kịch? Mày mà dám đóng kịch à?

Hương là một thằng con trai xấu xí, da đen mặt quằm quặm mũi hơi gãy, mặt nó không có nét gì là bảnh bao đáng chú ý. Những ngày mùa hè đi học nó mặc quần sọt ngắn, hai ống chân gầy khẳng khiu đen rám trông nó càng thảm hại. Vậy mà nó là thằng học giỏi nhất trong lớp tôi. Môn gì cũng giỏi từ toán, lý hóa, Anh, Pháp cả những môn phải gạo bài như sử ký, vạn vật nó đều nhất lớp. Việt văn thì nó có ngán tôi chút xíu nhưng ngán thì ngán vậy, lâu lâu tổ trác điểm luận văn nó giải nhất hơn tôi một hai điểm là thường. Mấy lúc đó thầy Thạch cười cười nhìn tôi vừa chế giễu vừa thương hại khiến tôi căm tức bất kể lớn nhỏ nhìn đăm đăm trả đũa lại thầy. Hình như thầy biết con ranh đang giận dữ, thầy càng đùa dai:

– Thường thường thì chỉ đọc một bài luận đầu lớp cho cả lớp nghe thôi. Bữa nay đặc biệt thầy chọn hai bài một bài nhất một bài nhì để tụi bay thấy hơn thua hay dở ở những chỗ nào.

Cả lớp vỗ tay ầm ầm tán thưởng. Tôi lạnh mặt với thầy và cả tuần lễ sau

đó trong mấy giờ giảng văn khi thầy đặt câu hỏi, cả lớp im lặng không ai trả lời được, tôi cũng lầm lì vờ cúi mặt không biết. Cả giờ giảng văn tẻ ngắt vì thiếu mấy câu trả lời liến láu và đôi khi kèm theo vài câu hỏi động trời của tôi.

Thầy Thạch của tôi vốn là một nhà nghiên cứu rất uyên bác về Phật pháp vì theo lời má tôi nói lại mấy bài viết của thầy đăng ở báo Từ Quang là những bài nghiên cứu công phu nổi tiếng. Năm tôi mới lên đệ ngũ, thầy cao hứng thế nào giảng đến Nguyễn Bỉnh Khiêm thì lại nói tuốt luốt về Tam giáo: Phật, Nho, Lão. Thầy thao thao nói tới vòng loanh quanh lẩn quẩn của con người trong kiếp luân hồi thì tôi giơ tay phang ngang một câu:

– Thưa thầy, thí dụ như có một lúc nào đó, tất cả chúng sinh con người loài vật, cành cây ngọn cỏ thảy thảy đều đạt đạo giải thoát và không còn bất cứ một mầm luân hồi sinh tử nào trên trái đất này thì lúc ấy trái đất này sẽ đi về đâu?

Những lần đó là tôi hỏi thành thật vì lo lắng thành thật. Ba tôi đã mất, có lẽ ông đã thành cát bụi hay nếu ông nghiệp chướng nặng nề như lời thầy dạy thì giờ này chắc ông đang làm một con ngựa thở hồng hộc kéo cái xe nặng trĩu chạy dưới đường mà cái thằng cha đánh xe thì không ngớt ra roi quất vun vút. Má tôi, chị em tôi, thầy Thạch, rồi ông hiệu trưởng to béo thường ngậm ống vố và cả thằng Hương đáng ghét nữa cũng sẽ lần lượt tiêu đời, xô dạt mỗi người đi một bến, đứa làm trâu bò, đứa làm ngọn cỏ, mẹ tôi chỉ thấy suốt ngày mẹ ra vô lo lắng lăng xăng mà chẳng khi nào thấy ăn với ngủ, nghe nói tiên không cần ăn cũng sống vậy có chắc là mẹ tôi sẽ được thành tiên? Nhà con Minh Châu kiếp này ăn thì toàn lựa gạo nanh chồn với nàng hương kiếp sau chắc dám biến thành một lũ chuột? Con Bắc Phương ưa giữ xe đạp giùm tôi, nó ham học thuốc bắc thuốc nam lớn lên chắc sẽ thành bác sĩ, mà nếu nó làm bác sĩ chém tiền bệnh nhân để làm giàu chỉ chữa bệnh qua loa, thì kiếp sau chắc biến thành thằng ăn mày bị sâu cam ăn khoét cụt mất cái mũi, giữa mặt có cái lỗ sâu hoắm đen thăm thẳm ngồi lê la trước cửa chợ mà mỗi lần đi ngang nhìn vào tôi phát rùng mình.

Tôi định hỏi tiếp thầy:

– Nhưng liệu tội trạng của mình khi đi đầu thai kiếp khác có được thưởng phạt công minh không, có khi bị giám khảo gian lận vì dốt mà chấm rớt, như truyện ông cha hay chữ mà vì ông con giám khảo dốt quá không hiểu nổi cách chấm câu của cha mà đánh rớt cha không?

Nhưng coi bộ thầy đã giận vì mấy câu hỏi lạc đề lãng nhách của tôi rồi nên tôi ngồi im không dám nhắc thêm chuyện danh sĩ Tô Đông Pha còn sửa ẩu thơ Vương An Thạch vì không có kiến thức về tên một loài sâu như hôm Tết tôi đến thăm, thầy kể chuyện làm quà. Vờ ngồi nghe thầy giảng tiếp, nhưng đợi thầy quay lưng lên bảng hay xuống cuối lớp thì tôi lấy tay che nghiêng mặt, mắt với ngó ra cửa sổ lớp đuổi theo mấy con chuồn chuồn đáp lên đáp xuống không ngớt trên những vũng nước đọng bên sân trường. *Tháng tám heo may, chuồn chuồn bay có bão*, mùa đông nào xứ tôi lại chẳng khỏi không bão thì lụt!

Sau tôi là Hương nó là *vua hỏi* của lớp. Thầy vừa giảng xong một bài thơ vịnh cảnh thái bình thịnh trị nhân dân ấm no hạnh phúc dưới thời Hồng Đức của vua Lê Thánh Tông, Hương giơ tay xin hỏi:

– Chắc gì cảnh thái bình thịnh trị thuyền chài đậu san sát, bên sông dân chúng buôn bán tấp nập như thế là có thật? Thưa thầy, em nghi ngờ là các quan lại sở tại muốn lấy lòng vua, nên đã cho dân chúng tập dượt dàn cảnh trước khi đón nhà vua đến để lấy điểm mà thăng quan tiến chức.

Thầy Thạch cười một tràng ha hả khen Hương một câu và nhân thể mắng tôi một câu:

– Thằng này lớn lên thủ đoạn chính trị thành công phải biết! Còn con bé Đào một đời rồi cũng khổ vì cái tính lêu bêu!

Sự học hành của tôi câu giờ như vậy mà cuối năm trong học bạ của tôi, lời phê của thầy Thạch là đáng giá nhất: "Rất thông minh, có năng khiếu" làm má tôi cao hứng dắt đi phố hỏi tôi thích mua gì, tôi chỉ thấy đèn màu ở phố Đ.L hôm ấy sao mà rực rỡ quá và lòng tôi rưng rưng quá. Má mặc áo dài trắng, tóc mịn đen dày búi gọn ra phía sau, má đưa tôi vào một tiệm sách rồi hỏi:

– Mua truyện hả?

Tôi gật đầu, không hiểu sao má tôi lại chọn một tập truyện ngắn của Lỗ Tấn cho tôi.

Về sau má hỏi:

_ Đào thích truyện gì nhất trong tập truyện đó?

Tôi ngập ngừng vì thấy má sao tò mò quá nhưng là sách của má tặng nên tôi buộc phải trả lời:

– Truyện Cố Hương thì con thích nhất, còn truyện Nhật Ký Người Điên thì đọc xong con sợ lắm!

Má tôi bỗng nhiên buồn bã.

Hóa ra là ba tôi không chết như tôi đã tưởng mà ba đang ở trong một dưỡng trí viện, bịnh viện của người điên. Đó là lý do vì sao khi tôi nói tới truyện Cuồng Nhân Nhật Ký của Lỗ Tấn thì vẻ mặt má tôi lại buồn bã và trầm hẳn xuống như nắng chiếu đột ngột biến đi mất bóng tối ùa tới thay thế rất nhanh trên khuôn mặt mẹ.

Má tôi kể, hồi trước tôi còn nhỏ còn ở chung nhà, ba tôi điên đến nỗi, một buổi sáng má và mấy chị em tôi vừa thức dậy trên gác bước xuống, dạo đó nhà tôi còn đang ở trên một tỉnh cao, ba tôi dậy sớm ra sân nhặt sẵn một đống đá chất trong góc nhà, ba ngồi thu lu trong góc tối, đợi mẹ con chúng tôi vừa bước xuống ba liền ném tới tấp miệng thì la:

– Việt nam độc lập muôn năm! Việt nam độc lập muôn năm!

Má tôi đã hoảng hốt dắt con tháo chạy trở lên và sau đó phải khóa kín cửa nhốt tụi tôi trong phòng.

Dãy bịnh viện ba ở cũng rộng rãi thoáng mát, nhưng những chấn song sắt dài nơi cửa ra vào, ngắn nơi cửa sổ vòi vọi khiến nó giống như một nhà tù hơn là một bịnh viện. Ba tôi gầy khuôn mặt dài, hai mắt tinh anh, ngồi trầm tĩnh nơi bàn đọc sách. Nghe nói bệnh ông đã bớt nhiều nên chân tay không bị trói vào giường như những bệnh nhân khác, tuy vậy, ông vẫn thờ ơ xa vắng không nhìn và cũng không nhận ra chúng tôi. Má tôi đến gần da mặt nhợt nhạt xanh tái, hỏi mấy câu ông cũng chẳng trả lời. Tôi thì trống ngực đánh thùm thụp, điếng hồn vì nhớ tới lão điên trong truyện Cuồng Nhân, cứ hờm sẵn đợi nghe ba tôi hô: "Việt nam muôn năm" là bỏ chạy.

Sao chẳng có vị quan tòa công bình nào phán xét hoặc trả lại cho ba tôi trí nhớ hoặc cho ba đầu thai thành ngọn cỏ cành cây? Này ngọn cỏ

đang rung động dưới chân tao, kiếp trước mày là ai, là gì, sao bây giờ lại là một cọng cỏ mạch xanh đời căng nhựa, cứ mùa hè cháy khô tàn lụi thì mùa xuân lại nhựa trẻ hồi sinh, một củ cỏ khô dấu sâu trong lòng đất, bảo đảm cho mày một kiếp sống muôn thu ư? Đời người sao còn thua một cọng cỏ, có sống có chết nhưng hoàn toàn mù tịt có biết mảy may gì về lẽ sinh tử của chính mình đâu?

Có đêm đang nằm ngủ, tôi mơ thấy mẹ bỗng chắp cánh thành tiên nhẹ nhàng bay lượn, ba thì ở dưới đất linh hồn nhập vào cọng cỏ lung lay.

Ngôi nhà thờ bằng đá, vách tường đá, sàn lát đá, bờ thành bao quanh cũng vẫn là đá, những dây nho xanh có bông hồng leo quanh quấn quít quanh tường, nổi vượt lên sừng sững trên thành phố tôi ở. Dưới chân nó, bao cuộc đời loanh quanh thay đổi, lớp người mới đến mọc lên thay thế cho lớp người cũ thất thế đã già nua phiêu bạc. Thành phố kêu lên những tiếng bi thương khi đói lạnh bão lụt tràn về, tiếng gió rít đuổi theo bánh xe hất bùn tung ra từ vũng nước, nhớp nháp ướt lạnh thê lương. Qua mùa đông, rồi cũng có những ngày nắng mới, *nắng mới trông ngon lạ*, nắng lấm tấm múa tròn cho mọi người hể hả nhìn nhau tay bắt mặt mừng.

Nếu có một ngày từ xa được trở về, tôi sẽ leo lên thăm lại ngôi nhà thờ đá, đứng vào một chỗ nào đó không bắt buộc phải đúng y là chỗ cũ vì đã mươi năm xa cách rồi tôi cũng không làm sao nhớ chính xác cái chỗ ấy là chỗ nào.

Mẹ tôi đã mất tôi không biết mẹ có thành tiên không?
Cha tôi cũng mất người có được thành cọng cỏ?
Thầy Thạch tự tử khi họ vừa mới vào giải phóng.
Hương nghe nói lấy vợ cán bộ giàu
giờ đang ở một tòa nhà lầu đồ sộ.
Minh Châu thì đứa con gái vạn tim phải mổ.
Chị em Bắc Phương bố chết rồi nó cũng trôi dạt phương mô?

Đó là bài thơ thứ nhất không vần không điệu xiêu vẹo lộn xộn mà kể từ khi có ý định làm thơ tặng ngôi nhà thờ đá tôi đã làm được.

HƯƠNG NHỎ

tiếng nói

●

Lúc đó gần nửa đêm. Khuya lắm rồi. Căn phòng này cô gái mướn trên lầu bốn, nhìn ra phía sau nhà xuống một con hẻm nhỏ hẹp. Phòng của cô cao hơn căn nhà đối diện, nên ban ngày thì sáng sủa, mát mẻ với cánh cửa sổ rộng. Nhưng khi mặt trời đã lặn, cửa kéo đã kín, thì không còn thấy gì nữa. Con hẻm không có đèn đường, lâu lắm mới có một chiếc xe đi qua, lăn lên nắp thùng rác, kêu lẻng xẻng. Trong phòng, hoàn toàn tối đen, không chút ánh sáng. Khe cửa kẻ một đường sáng? Không có. Ngọn đèn đêm trong góc? Không có. Bốn con số sáng đỏ trên mặt đồng hồ báo thức điện tử? Cũng không có. Tối đen. Chiếc đồng hồ duy nhất, mạ đồng, treo trên tường, có quả lắc, khá dài, đong đưa. Tóc, tóc, tóc.

Có tiếng kẽo kẹt. Dường như người đàn ông vừa ngồi dậy. Cô gái cất tiếng hỏi:

"Anh đi sớm vậy anh?"

"Ừa, anh phải về. Tới giờ rồi. Đâu có ai làm *overtime* tới quá giờ này đâu. Anh phải về".

Rồi có tiếng sột soạt. Người đàn ông mặc quần áo. Cô gái theo dõi những tiếng động đó. Cô chợt lên tiếng:

"Anh..."

"Sao?"

"Anh kiếm luật sư chưa?"

"Chưa".

"Anh này..."

"Thôi mà em, anh đã nói rồi. Làm sao anh làm liền được."

"Không lẽ anh cứ kéo dài như này hoài sao? Đâu có ra gì?"

"Thì biết vậy, nhưng thành vợ thành chồng rồi thì đâu phải chuyện chơi, thành thử anh không thể một sớm một chiều tự dưng khơi khơi đòi ly dị được".

"Vậy không lẽ anh để em làm nhân ngãi suốt đời sao?"

"Không phải vậy, nhưng mà bả trông cậy vào anh, anh đi làm anh nuôi gia đình, chớ bả đâu có *job*. Rồi không lẽ anh tự dưng bỏ rơi một cách vô lý như vậy. Bả đâu có làm thiệt hại gì anh đâu". Cô gái trả lời.

Người đàn ông nói tiếp.

"Giả sử như bả ngoại tình, hay gì đó, thì anh còn có cớ. Mà ví dầu như bả có noại tình thiệt, anh cũng đâu hơn gì bả."

"Rồi anh nói vậy, anh cứ mang cái tội lội mặc cảm hoài hoài, thì chừng nào anh mới làm được cái gì?"

"Thì cũng phải từ từ, để anh suy nghĩ. Anh có bổn phận, có trách nhiệm với vợ anh. Vợ chồng đâu phải chuyện chơi, mà em làm như anh có thể sáng dậy, kêu vợ anh ra, tuyên bố ly dị, rồi thôi sao? Khi anh lấy vợ, đương nhiên anh chấp nhận một số trách nhiệm và bổn phận. Người ta có nói trách nhiệm và bổn phận này theo anh suốt đời, thì em đủ biết nó đâu phải chuyện chơi. Muốn bỏ nhau, thì phải để cho anh suy tính cho kỹ".

"Lại nữa rồi. Lúc nào anh cũng nói, vợ chồng đâu phải chuyện chơi. Đâu phải chuyện chơi mà anh lén bả tới nhà em. Anh có gan phản bội bả rồi, mà anh ly dị không được. Trách nhiệm với bổn phận! Bộ anh tưởng anh tới nhà em như vầy là anh giữ trách nhiệm với bổn phận sao? Bộ anh tưởng, có chồng ngoại tình, bả sướng lắm à?"

"Nhưng bả đâu biết anh ngoại tình".

"Bộ bả không biết thì anh không có lỗi? Bộ giả dối với bả thì là anh giữ tròn bổn phận sao với trách nhiệm?"

Người đàn ông gằn giọng:

"Em đừng có xài mấy cái chữ đó".

Tạch. Gã bật lửa, đưa lên môi châm điếu thuốc. Bóng bàn tay gã in đen

lên vách tường, lên trần nhà, lung lay chập chờn. Ngọn lửa tắt đi, gã rút điếu thuốc ra khỏi miệng. Đốm sáng đỏ quơ qua quơ lại. Gã ngồi xuống bên cạnh giường, nói tiếp, giọng nhẹ nhàng hơn:

"Nếu mà nói chuyện phải trái, thì anh có giả dối với vợ anh. Anh phản bội vợ anh, anh ngoại tình với người khác. Nhưng anh không muốn em xài mấy chữ như vậy. Em nói vậy, làm rẻ mối tình hai đứa mình".

Im lặng. Một lát.

"Anh..."

"Sao?"

"Anh có yêu em không?"

"Anh yêu em chớ. Em biết anh yêu em lắm mà".

"Anh yêu em thiệt không?"

"Anh yêu em thiệt."

"Anh yêu em thiệt, sao anh không cưới em làm vợ?"

"Bộ em muốn anh một mình có hai vợ? Ê, luật pháp cấm ba cái chuyện này đó nghen".

Cô gái không cười. Cô không thấy câu đó diễu chút nào hết. Người đàn ông chưng hửng, nói tiếp.

"Xin lỗi em, anh nói chơi vậy thôi. Anh hứa với em, chừng nào anh kiếm được cách ly dị, thì mình lấy nhau".

"Anh..."

"Sao?"

"Anh có yêu vợ anh không?"

"Em hỏi để làm chi?"

"Thì anh trả lời đi!"

"Cái đó không thành vấn đề. Anh yêu em, cái đó quan trọng. Em đừng bắt chẹt anh vô góc tường, buộc anh trả lời câu hỏi của em. Em đừng nghi anh sẽ bỏ em vì vợ anh. Anh hứa với em rồi, thì anh sẽ làm. Anh sẽ lo chuyện ly dị. Nhưng chưa lo được, thì em để anh từ từm, cho anh chút thời gian. Em đừng hỏi anh mấy câu nghi kỵ như vậy".

Cô gái im, không biết nói gì thêm. Đốm sáng của điếu thuốc lá đứng yên trên đầu ngón tay người đàn ông, không còn quơ qua quơ lại

"Anh..."

"Sao?"

"Sớm mai thứ bảy, anh đưa em đi chơi đi".

"Mai anh phải chở mấy đứa nhỏ lên nhà ông ngoại, tối chúa nhựt mới về lận".

"Tuần trước anh cũng không tới, rồi tuần này anh cũng không tới. Anh có biết em cô đơn lắm không? Anh không biết, anh không hiểu gì hết. Anh không đưa em đi chơi, anh còn có gia đình, anh về với vợ, với mấy đứa nhỏ. Anh không đưa em đi, em làm cái gì. Đâu còn ai nữa. Hồi em chơi với người khác, bận bịu cách mấy, thứ bảy chúa nhựt người ta cũng đưa em đi chơi. Anh, chiều anh tới, rồi khuya anh đi. Anh đè em xuống, rồi anh đứng dậy ra về. Vậy là anh coi em ra cái gì?"

"Trời ơi, anh yêu em mà. Mình yêu nhau, mình làm tình, vậy mà em cũng đem ra để nói được, em kỳ thật. Anh yêu em anh mới ngủ với em, em làm như anh là thằng ăn cướp xông vô hiếp em rồi chạy".

Người đàn ông hôn cô gái, dỗ dành. Không nghe tiếng cô hôn lại, mà cô nói tiếp:

"Nếu anh yêu em thiệt, sao anh không ly dị đi. Anh yêu em, vậy anh có bao giờ nghĩ tới chuyện em cần anh ngày thứ bảy chúa nhựt không? Anh sợ không có anh, vợ anh không đủ tiền bạc, vật chất thiếu thốn. Anh có bao giờ nghĩ tới chuyện không có anh, tinh thần em thiếu thốn cỡ nào không?"

"Anh có nghĩ chớ. Anh cũng muốn đưa em đi chơi, đi công viên, đi rạp hát. Nhưng rồi sao nữa? Em so sánh chuyện ly dị vợ, với chuyện đi chơi cuối tuần, không công bằng chút nào hết. Chuyện lớn chuyện nhỏ phải khác nhau. Chuyện ly dị là chuyện lớn, chưa lo được, thì phải chịu thiệt chuyện nhỏ".

"Anh không công bằng thì có. Chuyện vật chất của bả, anh coi là chuyện lớn, chuyện tình cảm của em, anh coi là chuyện nhỏ".

"Đâu phải chuyện vợ chồng anh chỉ là chuyện vật chất. Nó là chuyện trách nhiệm của người làm chồng, vậy đó. Mà anh đâu có coi tình cảm của em là nhỏ. Anh trọng tình yêu hai đứa mình, nhưng đâu phải đưa em đi chơi cuối tuần là cách duy nhứt để anh biểu lộ tình cảm với em".

"Anh không thấy vậy, nhưng em thấy vậy. Em thấy em cần anh ngày cuối tuần để tình cảm em được hoàn toàn. Đối với em, nó quan trọng, sao chiều em chút xíu anh cũng không chịu. Anh thử đồng ý với em coi, sao anh vẫn coi nó như chuyện đi chơi hóng gió tầm thường".

"Không phải anh không chiều em, nhưng bây giờ, cuối tuần này, anh không thể làm được. Có muốn cũng không làm được, đâu phải anh không muốn".

Rồi người đàn ông dịu giọng, "Trong khi chờ đợi thôi mà em. Nè, em biết anh yêu em, thì em rán chút đi. Nhe".

Người đàn ông đứng dậy, đi về phía phòng tắm. Sàn nhà kẽo kẹt theo bước chân gã. Mở cửa phòng tắm, gã đứng dựa vô tường, hút thuốc. Hai người đều im. Căn phòng yên hẳn. Có tiếng người đàn ông hít mạnh điếu thuốc, thở khói ra. Đều đặn đong đưa có tiếng quả lắc đồng hồ qua lại điểm từng giây, từng giây.

Một chiếc xe cũ chạy chậm qua con hẻm nhỏ, máy nổ xạch xạch ồn ào. Có tiếng nước bùn bắn lên. Cô gái chợt nói:

"Anh...".

"Sao?"

"Chiều thứ hai, anh tới nhe?"

"Ừa. Anh tới. Anh hứa".

Từ cửa buồng tắm, mẩu thuốc sáng đỏ bắn một đường vòng cung, bay lên, rớt xuống. Một tiếng xèo. Căn phòng tối chỉ còn một màu đen.

TÌM ĐỌC

NGẪN CỔ KHÓ KÊU

chuyện dài Nguyễn Đức Lập

Hoa Gấm xuất bản 1990

PHAN TẤN HẢI

đọc

"mẹ, quê hương và nước mắt" của vĩnh hảo

●

"Mẹ, Quê Hương Và Nước Mắt" là tập gồm sáu truyện ngắn và hồi ký của nhà văn Vĩnh Hảo, xuất bản cuối năm 1989, phát hành bởi nhà xuất bản Hoa Cau.

Chúng ta có thể mượn một phần lời giới thiệu nơi đầu sách của nhà văn Phạm Công Thiện, để có cái nhìn tổng quát trước khi vào chuyện của anh: "Vĩnh Hảo không cần phải phân tích tâm lý chi li và không cần sử dụng kỹ thuật rườm rà của lối viết văn nặng nề lý thuyết trường phái; tác giả chỉ viết lên những cái bình thường, nói lại vài ba chân lý ngàn đời mà chúng ta đã quên mất từ khi đêm tối nặng nề đã vồ chụp những đêm trắng, từ khi chuột và người phải làm bạn với nhau và từ khi mỗi bà mẹ Việt Nam đều trở thành một Quán Thế Âm Bồ Tát... Như thế thì đã quá đủ và xin cám ơn Vĩnh Hảo".

Lời giới thiệu ân cần và trang trọng quá, và Vĩnh Hảo xứng đáng với những lời đó vậy. Trong văn anh không có nhiều kỹ thuật trường phái, viết đơn giản, cổ điển, nhưng ngôn ngữ quý phái và đầy chất thơ trong truyện. Văn anh có khi vụng về, cái vụng về của một kẻ nhiều năm không viết hoặc nói, nay phải dùng lời để nói lên điều mà mình yêu thương. Chủ đề bàng bạc, khi hiện rõ khi ẩn tàng, trong khắp các truyện (chúng ta gọi hồi ký là chuyện cho tiện) là người mẹ, dù khi anh đang nói chuyện với một

cậu bé về một con chuột, nói về một bạn tù bị đánh tới chết, nói về chính mình những ngày tu học làm sư tại Việt Nam, vân vân.

Nói anh không dùng tới kỹ thuật khi viết văn thì không đúng. Anh có quan tâm tới kỹ thuật, có cố gắng sử dụng và thay đổi kỹ thuật. Nhưng độc giả có lẽ sẽ ít chú ý tới vấn đề kỹ thuật của anh, nó sẽ trở nên mờ nhạt đi, vì trên từng trang giấy, từng dòng văn, tấm lòng anh đối với mẹ, với quê hương hiển hiện, nồng cháy, yêu thương. Và đứng trước tình yêu này thì mọi chuyện, kể cả kỹ thuật – đều là thứ yếu.

Lấy thí dụ, về kỹ thuật bỏ dấu cho các câu đối thoại. Chúng ta học từ Việt Nam, ảnh hưởng bởi văn học Pháp, lối bỏ dấu cho các câu đối thoại bằng dấu gạch ngang (–) đầu câu. Truyện "Màu Máu Màu Cờ", "Vẫn Bàn Tay Ấy", "Ai Cũng Có Mẹ", "Tôi Đã Hôn Mẹ" đặt dấu gạch ngang đầu các câu đối thoại. Hai truyện còn lại, "Quê Hương Và Tình Mẹ" và "Gã Điên" dùng lối bỏ dấu ngoặc kép ("...") cho đầu và cuối các câu đối thoại.

Hai cách bỏ dấu khác nhau là hai cách biểu hiện khác nhau về thế giới. Cách đặt dấu gạch ngang đầu câu đối thoại có tính cổ điển hơn, ghi lại cách nhìn có tính gián đoạn, có tính chụp ảnh (photographic) về thế giới, nhiều tính khách quan hơn, lạnh lùng hơn. Cách dùng dấu ngoặc kép cho các câu đối thoại thì mới hơn, ghi lại cách nhìn có tính liên tục, như một thế giới chuyển động (cinema), nhiều tính chủ quan hơn, có tính kể chuyện hơn, nồng ấm hơn. Vĩnh Hảo đã dùng cả hai kỹ thuật một cách thống nhất, có dụng ý, trong các truyện. Cả hai đều có ưu thắng riêng của nó. Nhưng trong các truyện của anh, chủ đề (người mẹ, quê hương và con người) hiện rõ quá, cá tính anh mạnh quá, tình cảm anh nồng cháy quá, làm mờ nhạt đi các kỹ thuật anh dùng, dù có khi khéo léo có khi vụng về.

Ngôn phong của anh đơn sơ, giản dị, dễ hiểu, không phức tạp, không văn hoa, ngôn ngữ của người muốn kể chuyện để bày tỏ hết tấm lòng của mình. Ngôn ngữ của ngoài đời, nói sao ghi lại như vậy.

Thí dụ như truyện "Ai Cũng Có Mẹ", là một chuỗi đối thoại qua lại giữa một nhân vật xưng tôi, là một nhà sư (ngoài đời Vĩnh Hảo đi tu từ nhỏ), với một cậu bé đang nghịch một con chuột con. Truyện này viết để tặng các em thiếu nhi. Nhà sư nói theo kiểu nhà sư, cậu bé nói theo kiểu cậu bé. Nhà sư muốn cậu bé thả con chuột con về với chuột mẹ. Cậu bé

muốn có con chuột để chơi để nghịch. Dưới chế độ Cộng sản đâu có gì để cho trẻ em chơi đâu, ngay tới một mẩu giấy, một ly vỡ cũng phải góp cho nhà nước làm kế hoạch nhỏ. Ngôn ngữ thì rất mực đơn giản như vậy, nhưng chất thơ lại bàng bạc chất truyện. Còn gì thơ hơn nữa, khi giữa thế giới đầy bạo lực này, một cậu bé ngồi đùa giỡn với con chuột con, một thầy chùa trẻ rất mực từ bi sợ chết chuột con, phải xin cậu bé thả chuột con; thầy chùa này cũng hết người nói chuyện rồi, bạn thầy lo cứu nước bị nằm tù chưa ra. Hai nhân vật là hai thế hệ khác nhau của Việt Nam. Một nhà sư trẻ, từng tham dự một phong trào phục quốc lo chuyện cứu đạo cứu đời, được thả tù để chữa bệnh, nói chuyện với một cậu bé, một thế hệ tương lai, về một sinh vật nhỏ, về lòng chuột mẹ với chuột con, nhưng cũng là đang nói chuyện với một thế giới mới mà anh đang xây dựng. Tâm hồn anh rất mực từ bi và thơ mộng, mặc cho lời anh đơn giản, bình thường. Có sao đâu, chúng ta không cần phải mặc thêm một chiếc áo cho ngôn ngữ, cuộc đời vẫn đã tự nó đầy chất thơ rồi.

Truyện hay nhất trong tập là truyện "Tôi Đã Hôn Mẹ". Hôn mẹ, hôn ba là chuyện tự nhiên như mây trời, là niềm vui của người con dù có đang là một cậu bé hay đã già đi trăm tuổi. Trước khi anh vào chùa tu, năm 12 tuổi, Vĩnh Hảo đã ôm hôn ba mẹ mà không băn khoăn gì cả. Từ khi anh cạo đầu vào chùa, thì anh không còn ôm hôn mẹ một cách tự nhiên được, như có gì ngăn trở, như dường đã học làm Phật thì không còn được hôn mẹ nữa. Chỉ còn ba chàng là ôm hôn chàng thôi, dù chàng cũng không tự động ôm hôn ba được. Không có giới luật nào ngăn cấm điều này hết, nhưng vậy đó ai biết ai hiểu được. Tám năm sau, năm anh 20 tuổi, lo chuyện vượt biên với một bạn đồng tu, và là con nuôi của mẹ anh. Giây phút từ giã, mẹ nhìn anh khóc, anh băn khoăn không biết có nên ôm hôn mẹ không, cuối cùng rồi thôi. Chỉ có người bạn anh là tới ôm bà hôn, vừa như một người con nuôi, vừa hôn giùm cho bạn. Và tự nhiên, anh hơi ganh tị. Vượt biên thất bại, anh về lại chùa, và mọi chuyện vẫn tiếp tục ngăn cách như vậy. 27 tuổi, lo chuyện cứu nước, anh bị bắt vào tù, mới thấy rằng không hôn mẹ là mất mát lớn bao nhiêu. Hai năm sau, được tạm tha để chữa bệnh, thì ba vừa mất trước hai ngày, anh mới tự nhiên hôn lên trán mẹ trước khi lên đường vượt biên. Suốt mười bảy năm, anh đã không được hôn mẹ không vì nguyên cớ rõ rệt nào cả. Truyện này mà để cho nhà văn

Nhật Yukio Mishima viết hẳn là "dữ dội" lắm, có thể liên kết đủ thứ chuyện về *libido*, phân tích tâm lý lung tung về mặc cảm *Oedipus* kiểu Freud, vân vân. Tuy nhiên anh viết rất mực kiểu thầy chùa Việt Nam, ngôn ngữ từ tốn, bình đạm về tình yêu thương mẹ và sự ngăn cấm vô hình đã không cho anh hôn mẹ. Thế giới anh đầy chất thơ vậy đó.

Truyện được sắp đầu tiên trong tập là "Quê Hương Và Tình Mẹ", kể về cái chết vì bị đánh để làm gương của người bạn tù chính trị của anh. Truyện kể lại theo kỹ thuật biến đổi vị trí người kể. Có khi dùng ngôi thứ nhất, xưng tôi (tức nhà văn Vĩnh Hảo); rồi lại biến đổi sang ngôi thứ ba, để kể về quá khứ người bạn tên Nam. Anh dùng kỹ thuật biến đổi vị trí kể chưa được khéo lắm, có khi hơi đột ngột, bất ngờ. Kỹ thuật này nếu dùng được tự nhiên thì sẽ có nhiều ưu điểm, sẽ rọi ánh sáng từ nhiều góc cạnh vào thế giới truyện. Anh bị lầm lẫn ở một chỗ, khi dùng kỹ thuật ngôi thứ ba, đã cho nhân vật Nam mang ba cách xưng hô khác nhau, lúc gọi là "Nam", lúc gọi là "ta" (như trang2, 23...) lúc gọi là "chàng" (như trang 24, 25...). Hai vị trí "ta" và "chàng" không thể đứng chung được dù là có từ bi thế nào đi nữa. Cái này phải loại trừ cái kia. Lý do thứ nhì là, "ta" là số nhiều của "tôi", ngôi thứ nhất; khi dùng "ta" cho số ít thường để chỉ sự ngang tàng hào sảng nhiều chất thơ, tuy nhiên ở đây lại là ngôi thứ ba, để làm bối rối độc giả.

Ta có thể đoán được lý do tại sao anh sử dụng kỹ thuật biến đổi các ngôi như vậy, nhiều phần là để làm mất tính đơn điệu của văn kể, nhưng chủ yếu là có thể nói hết những suy nghĩ phức tạp, tình cảm sâu kín của các nhân vật; của Nam, nhà cách mạng trẻ đang bị đánh tới chết, và của tác giả, nhà sư đi làm cách mạng, phải đứng chứng kiến cái chết của bạn tù. Nếu trường hợp suy nghĩ và tình cảm của các nhân vật phức tạp quá, thì nên dùng kỹ thuật giòng ý thức (Stream of consciousness) thì tiện hơn và cũng có thể biến đổi các ngôi vị như vậy, nhưng phải dùng cho chuyên nhất. Tuy nhiên được ưu điểm này sẽ mất điểm khác, điều đó sẽ làm cho văn nhiều tính chủ quan, mặc dù bộc lộ hết được lòng yêu nước nồng nàn, tình yêu mẹ không rời, và sự xúc động trước nghĩa lớn.

Anh có thể kể lại chuyện này mà không cần biến hóa phức tạp như vậy, để làm cho mọi người thật đơn giản, giữ một ngôi duy nhất khi kể. Mặc dù sẽ không nói hết được những suy nghĩ và tình cảm phức tạp, nhưng văn

sẽ khách quan hơn, lạnh lùng hơn, cổ điển hơn; điều này sẽ làm mất đi những phân tích chi li và nhiều chi tiết truyện, nhưng sẽ nổi bật được sự tàn bạo, lạnh lùng, sát nhân của bọn Cộng sản đánh tù.

Điều nổi bật qua truyện này, ghi nhận được là, dù anh đang nói về sự chết, sự tàn bạo giữa người với người, văn anh vẫn hoàn toàn không có sự căm thù. Anh và Nam là những đứa con ưu tú của đa số đồng bào bị áp bức, biết nổi giận trước bất công, đói khổ và bạo lực Cộng sản, cùng gọi nhau đứng dậy chiến đấu cho một ngày mới của dân tộc, hy sinh thân mệnh mình cho đại nghĩa, cho đạo, cho đời, nhưng lòng vẫn rất mực từ bi, yêu thương, lân mẫn thế giới và con người. Thật sự, còn gì nhiều chất thơ hơn nữa trước những tấm lòng như vậy. Còn kẻ thù kia chỉ là những kẻ đáng thương, đáng tội nghiệp, những đứa con của Vô Minh vậy.

Có thể trích ở đây từ một lời phê bình riêng, từ nhà văn Võ văn Ái, tức nhà thơ Thi Vũ, về tập truyện của anh: "Chỉ những người có con mắt của Đại Sĩ mới thấy cái hay của Vĩnh Hảo. Cho nên tác phẩm của Vĩnh Hảo chỉ làm đẹp lòng một số ít người thôi. Cũng vì vậy, đưa Phạm Công Thiện giới thiệu là hợp lý".

Trong ý người điểm sách, thì không cần phải có con mắt của Đại Sĩ (Bồ Tát) mới thấy được cái hay của anh. Chỉ cần một trái tim bình thường, biết yêu thương mẹ, biết xúc động trước quê hương đau khổ, biết chiến đấu cho đồng bào áp bức là đủ, là quá đủ để thấy cái hay của Vĩnh Hảo.

Như truyện "Màu Máu Màu Cờ" kể lại cái chết của một đứa trẻ, vì đói khổ phải ăn cắp giữa chợ, bị Việt cộng quyết định xử bắn công khai trước cổng chùa, người mẹ nhào tới trước mũi súng xin tha cho con.

Hay truyện "Gã Điên" kể lại một chuyến vượt biên đầy bất trắc, máy hư, tàu lênh đênh nhiều ngày, mọi người phải ăn thịt người chết để còn được chút hơi sức, dĩ nhiên là trừ ông thầy chùa trẻ dùng tất cả lòng từ bi và sức thiền định để chịu đựng. Cũng nên ghi lại ở đây lời đại nguyện của sư trước sự đe dọa của tử sinh và vô minh:

"Nguyện thay mọi người gánh chịu tất cả thảm họa này; dù chết không toàn thây cũng không nuối tiếc, chỉ mong sao mọi người trên ghe đều bình an và đến được nơi chốn mong cầu của họ."

Một nhà văn rời nước từ 1975 sẽ tránh những cốt truyện như vậy, cho

dù đó là chuyện xảy ra hàng ngày trên quê hương mình, vì sẽ bị phê bình là văn nhiều tính hư cấu, không thật. Huống gì nói tới những cốt truyện gọi nhau lật đổ chính quyền Cộng sản. Chưa bao giờ mà sự thật lại bị trốn chạy như vậy, những kẻ sống chưa qua một ngày của đại nghĩa.

Mặc dù văn phong anh viết khá cổ điển, nhưng cách phô diễn thế giới của anh lại mang nhiều tính biểu hiện. Chúng ta có thể nhìn đâu cũng thấy tình cảm, chân dung anh hiện ra, trong tất cả các nhân vật, những người mẹ, người bạn tù bị đánh chết, cô gái nhà quê lấy chồng thành phố gặp bất trắc lại quay về với mẹ, cậu bé nghịch với chuột, vân vân; kể cả trong chính hình ảnh chuột con, chuột mẹ; kể cả những đứa con tội nghiệp của vô minh, bọn cai tù Cộng sản. Anh với thế giới là một thể bất phân. Nhìn đâu, đọc tới đâu cũng thấy anh; và ngược lại, đọc anh thì thấy toàn thế giới. Cách trình bày giới của anh chịu ảnh hưởng bởi cái nhìn của Phật giáo, biên giới của chủ thể khách thể khá mờ nhạt. Đây là điểm tối kỵ của văn hiện thực hiện đại, bởi vì các nhân vật phải có sự rõ nét khác nhau; cô gái là cô gái, cậu bé là cậu bé, mẹ là mẹ, vân vân. Chỉ có thể nói được rằng, lòng anh từ bi quá.

Có thể tóm tắt một lời, bằng cách mượn một câu của nhà văn Phạm Công Thiện: "Như thế thì đã quá đủ và xin cảm ơn Vĩnh Hảo" về sách của anh.

Dưới đây là đôi dòng về tiểu sử của anh, do điều tra riêng, không được phổ biến trong "M,QH & MN":

– Xuất gia 1970 tại Nha Trang.

– Nghiên cứu sinh Phật học 1980 – 84, lớp trách nhiệm bởi Tuệ Sỹ & và Trí Siêu.

– Hoạt động cứu nước từ 1982, ở tù 1985 – 87, được tạm tha để chữa bệnh.

– Tới Thái Lan 1987, ở Việt Nam mở phiên tòa xử khiếm diện 20 năm khổ sai.

– Biên tập viên báo Chân Nguyên, tạp chí của thanh niên tăng ni hải ngoại.

phong vũ tiêu tiêu lôi vũ động

NGUYỄN ĐỨC LẬP **Chương Sáu**

Để Hai Quờn ngồi ở ngoài, ông chủ Thạnh, một mình, vào phòng làm việc của ông chủ quận.

Hai tay ông chủ Thạnh có bưng một cái khay. Trên mặt khay là một hộp bánh Tây. Lễ vật ra mắt ông chủ quận có vẻ đơn bạc. Mỗi khi có người mời dự tiệc tùng, ông chủ Thạnh thường cho soạn những lễ vật thật là hậu hĩ, rượu trà, mứt bánh đầy mâm. Vậy mà,lần đầu tiên đi thăm ông chủ Quận, ông chủ Thạnh chỉ mang có một hộp bánh.

Ông chủ Thạnh để cái khay lên mặt bàn, chắp tay xá dài:

– Bẩm quan chủ quận, tôi là Trần Công Thạnh ở Thạnh Hòa, xin ra mắt quan chủ quận.

Ông ngập ngừng nói thêm:

– Quan đáo nhậm quận đường hổm rày... Bữa nay, tôi mới ra mắt, thiệt là thất lễ... Đúng ra, tôi định tới đã lâu, nhưng, tôi nghĩ trong bụng rằng, mới đổi về đây, quan cần phải có nhiều thì giờ mà sắp xếp công việc. Bởi vậy, tôi không dám đường đột mà làm phiền.

Quận Nhiều đưa hai tay nâng hộp bánh. Hộp bánh nặng trịch, không giống như những hộp thông thường. Y mỉm cười có vẻ hài lòng. Y cẩn thận để hộp bánh trở lại cái khay. Y niềm nở đưa tay mời ông chủ Thạnh :

– Ông là ông chủ Thạnh. Mời ông ngồi chơi tự nhiên. Nghe tiếng ông đã lâu, bữa nay mới được "kiến kỳ hình".

Ông chủ Thạnh đưa đẩy:

– Tôi chỉ là một dân lân, dân ấp quê mùa.

Quận Nhiều lớn tiếng kêu lính hầu rót nước. Trong khi chờ đợi nước bưng ra, y quan sát ông chủ Thạnh. Y khẽ cúi, làm bộ nhìn xuống đất. Cặp mắt nhìn lén của y lấp lánh dưới đôi lông mày rậm rì. Y bối rối khi bắt gặp ông chủ Thạnh cũng đang nhìn y đăm đăm. Hai người đối nhãn với nhau như để đánh giá nhau.

Trước mặt quận Nhiều, ông chủ Thạnh là một ông già tuy bề cao có hơn người bình thường, nhưng ốm yếu, hom hem, tầm thường, không có vẻ gì là một điền chủ khét tiếng, đứng đầu danh sách những kẻ giàu có nhứt trong làng. Chiếc áo dài gấm đen, nổi bông chữ thọ, tuy đắt tiền, nhưng đã quá cũ. Cái kiếng lão, gọng đồi mồi, cũng đã quá cũ. Quận Nhiều đánh giá liền, con người nầy giàu mà tằn tiện. Y chợt bối rối, nhưng cớ sao ông ta lại bỏ ra không biết bao nhiêu là tiền để giúp đỡ mọi người?

Trước mắt ông chủ Thạnh, quận Nhiều, với gương mặt hồng hào mập mạp, thịt ngang nổi lên có vồng, đôi mắt hơi sụp vì mí mắt đọng mỡ, bụng đã nhô cao khỏi ngực, chứng tỏ là một người đã có thời gian ở trong quan trường khá lâu. Cặp mắt y láo liên, tròng mắt xoay đảo vô chừng, những gân máu đỏ nổi đầy tròng trắng, đôi tai vảnh lên, nhọn ở đầu. Con người nầy, tai dơi mắt chuột, tâm địa giảo hoạt bất lương, giết người không gớm tay...

Người lính hầu bưng trà lên mời. Chính tay quận Nhiều cầm tách trà để trước mặt ông chủ Thạnh.

Ông chủ Thạnh chắp tay lễ phép:

– Xin cảm ơn quan chủ quận.

Quận Nhiều vui vẻ:

– Mới đổi về đây, tôi đã nghe tiếng ông. Ông đã làm được nhiều việc ích nước lợi dân, đỡ một gánh lo cho nhà nước. Người như ông, sao tới giờ nầy vẫn chưa được ban thưởng? Tôi sẽ chạy tờ lên trên để xin gắn "mề đay" cho ông.

Ông chủ Thạnh lại chắp tay:

– Xin đội ơn quan chủ quận. Bổn phận tôi là dân, thấy cô bác trong làng cần cái gì, thì giúp cái nấy. Tôi không dám nghĩ lớn lao là đã giúp ích cho nhà nước. Tôi đâu dám kể công lao...

Quận Nhiều gật gù:

– Nói như ông cũng phải. Nhưng chỉ phải về phần ông. Còn về phần nhà nước, phải ban thưởng cho những người như ông, để khuyến khích người ta làm việc thiện...

Quận Nhiều bỗng xoay qua đề tài khác:

– Ông vốn là người cố cựu ở quận nầy. Vậy, tình hình ở đây chắc ông biết hết. Theo ông, tình trạng an ninh ở đây có thể bảo đảm được mấy phần?

Ông chủ Thạnh nghiêm trang, từ tốn:

– Tôi đã có tuổi rồi, ít khi bước chưn ra ngoài. Tình hình chung quanh, tôi biết ít lắm. Nhưng theo sự nhận xét của tôi, quận mình yên ổn hồi trước tới giờ. Các quan chủ quận trước, cứ việc ngồi không mà yên hưởng thái bình. Nếu có lộn xộn chăng, chỉ là những vụ tranh cãi về điền đất lẻ tẻ, không đáng cho quan chủ quận phải bận tâm. Dân ở vùng nầy, gặp ngày mùa thì dốc toàn lực ra mà canh tác. Còn mấy tháng rảnh, họ thường tụ tập cờ bạc, hay đá gà. Thỉnh thoảng vì cờ bạc mà phải động thủ tay chưn, sinh ra đâm chém, lưu huyết. Nếu cấm được cờ bạc, nạn đâm chém chắc không có xảy ra...

Quận Nhiều cười tinh quái:

– Người ta nói với tôi, ông ghét cờ bạc, thiệt quả không sai.

Ông chủ Thạnh nghĩ thầm. Quận Nhiều quả là tay lợi hại. Trước khi thuận tiếp ông, y đã cho điều tra kỹ càng về ông. Nhận định nầy, làm cho ông chủ Thạnh trở nên e dè cẩn thận hơn.

Quận Nhiều có vẻ đăm chiêu:

– Tôi muốn hỏi về những chuyện khác...

Y làm bộ ngập ngừng:

– Tỉ như... tỉ như những hoạt động khuấy rối trị an nhà nước của những tay làm quốc sự...

Ông chủ Thạnh lắc đầu quyết liệt:

– Cái này thì tôi chưa từng nghe qua. Dân làng tôi củi lụt mần ăn hồi nào tới giờ. Thuế thân họ đóng đầy đủ, không hề có chống đối.

Ông đặt một câu hỏi có hơi ngược:

– Đang yên ổn mần ăn đặng lo cho vợ cho con, ai hơi đâu mà nghĩ tới chuyện quốc sự?

Quận Nhiều nói theo miệng lưỡi quan quyền:

– Dân tâm khó biết. Tốt nhứt là phải đề phòng.

Ông chủ Thạnh nhắc lại câu nói của sư Tâm Đức, mà ông đã nghe vợ thuật lại:

– Nếu coi là có thì sự gì cũng có. Còn nếu coi là không thì vạn vật giai không.

Quận Nhiều nhếch mép:

– Nghe tiếng ông là người chữ nghĩa.

Ông chủ Thạnh lộ vẻ nhún nhường:

– Sự học không thành, đem thân làm ruộng, tôi đâu dám nói tới chữ nghĩa nữa. Vả lại, chữ nho của tôi chỉ còn dùng trong những dịp cúng đình hay thảo đơn thuốc bắc.

Quận Nhiều hơi trầm ngâm một chút. Y thấy đối phó với ông chủ Thạnh không phải là dễ. Lão già nầy khen cũng không mừng, mỉa mai cũng không giận. Rõ ràng là lão có tiếng cũng không phải là vô cớ.

Quận Nhiều nói với một giọng hết sức là thành khẩn:

– Tôi về đây, tiếng là cầm đầu một quận, ai cũng tưởng thảnh thơi sung sướng vì quyền thế đều ở trọn trong tay. Thật ra, trong bụng tôi có nhiều nỗi lo. Tôi đứng trên hết thấy dân trong quận là để lo cho đời sống của dân chúng được no ấm yên lành. Nếu tôi không lo được như vậy, trách nhiệm của tôi không tròn. Bởi vậy mà tôi nóng lòng muốn biết tình hình, an nguy ở địa phương. Tôi cũng cần sự giúp lời, giúp sức của chư vị thân hào ở địa phương. Nếu ông nhín chút thì giờ, thỉnh thoảng ghé qua thiếm quận, bảo ban cho tôi ít lời, tôi thiệt là cảm ơn lắm.

Ông chủ Thạnh vội chắp tay. Giọng ông vẫn từ tốn khoan thai:

– Sao quan chủ quận lại nói làm vậy? Quan chủ quận dốc lòng dốc chí lo cho dân, nghĩ tới sự yên nguy, còn mất của dân, dân giả chúng tôi thiệt đội ơn rất lớn. Tôi là người gì mà dám nói tới chuyện bảo ban cho quan chủ quận? Quan chủ quận cần gì, chỉ cần ứng tiếng một cái, chúng tôi sẽ có mặt liền...

Nét mặt ông chủ Thạnh như mỉm cười mà không phải cười. Ông đã nhìn thấy tận tim đen của quận Nhiều. Y quá tham lam. Một hộp vàng làm lễ ra mắt, coi bộ chưa vừa ý, còn muốn đòi thêm.

Ông thấy phải dằn mặt tên chủ quận tham lam vô độ nầy. Ông bình thản tiếp theo:

– Cũng như quan Tham biện, khi hữu sự, chỉ cần nói một tiếng, chúng tôi ứng hầu liền.

Ông muốn cho quận Nhiều biết rằng ông cũng có qua lại mật thiết với quan Tham biện đầu tỉnh. Cái chức chủ quận của y còn thua chức Tham biện xa lắc xa lơ.

Quả nhiên, quận Nhiều bộp chộp:

– Ông cũng có quen biết với quan lớn Tham biện.

Ông chủ Thạnh làm như muốn trả lời qua loa:

– Chính quan lớn đã đứng ra ký giấy bảo lãnh cho hai đứa con tôi qua Pháp du học. Nếu không có quan lớn đỡ đầu, hai đứa con của tôi không dễ, một sớm một chiều, bước xuống tàu mà đi dễ dàng như vậy.

Quận Nhiều mặt mũi bỗng trở nên ngượng ngùng. Y e dè liếc chừng ông chủ Thạnh. Đừng có thấy cái bộ dạng già cả, quê mùa như vầy mà tưởng dễ ăn hiếp. Hổng chừng, lão già này cũng thuộc vào cái loại bán trời không văn tự.

Đã từng ngồi chức vụ quận trưởng nhiều năm, nhiều nơi, quận Nhiều không lạ gì cách thức xử sự của mấy đám hương lý ở làng, ở xã. Khi nói chuyện với họ, họ bẩm bẩm thưa thưa, nghe thiệt mát lòng mát ruột. Nhưng "dạ ngoài mặt, trổ cặc sau lưng", đâu có ai biết được. Đối với họ, một vừa hai phải, họ còn chịu làm thinh, áp bức họ quá, họ âm mưu liên kết với nhau, khó mà đối phó. Nhứt là đối với những hương chức kiêm điền chủ, ruộng nương tiền của ê hề, thế lực rất lớn. Con cái của họ có nhiều người học ở Mẫu quốc, về làm việc cho nhà nước, rất khó mà đụng vô...

Quận Nhiều trở nên mềm mỏng:

– Như vậy thì hào con, hào của của ông chủ đây đều hơn người.

Ông chủ Thạnh buồn buồn:

– Tôi hiếm hoi, chỉ có hai đứa con. Tụi nó đi xa hết thảy.

Ông chủ Thạnh nhìn sâu vô mắt quận Nhiều:

– Bữa nay, tôi tới đây, trước là để ra mắt quan chủ quận cho phải đạo người dân. Sau là có ít quà mọn để quan chủ quận xây xài trong những ngày mới tới. Xin quan chủ quận nhận cho tấm lòng thành của tôi.

Quận Nhiều có vẻ bẽn lẽn. Y đẩy đưa:

– Ông chủ bày đặt bày điều thì thôi. Ông quá bước tới thăm là quý rồi. Lễ lạc làm chi.

Ông chủ Thạnh đứng dậy. Mặt ông đầy hớn hở. Ông cười rất tươi:

– Quan chủ quận sốt sắng lo việc cho dân. Chúng tôi yên lòng yên chí mà làm ăn. Ơn nầy, chúng tôi nguyện khắc cốt ghi tâm. Chúng tôi phải biết phải quấy với quan chủ quận chớ. Mong rằng sự qua lại của chúng ta bền vững lâu dài...

Lời lẽ của ông chủ Thạnh uy hiếp ngó thấy. Ý ông đã tỏ rõ: "Mầy muốn ăn, tao cho mầy ăn. Nhưng, nếu biết điều, mầy cứ ngậm miệng mà ăn, đừng gây xáo trộn cho chúng tao...".

Ông chủ Thạnh đã ra khỏi cửa phòng, mà quận Nhiều còn đứng trân trân, nhìn theo sững sờ...

Ông chủ Thạnh đi ra tới cổng quận đường mà vẫn không thấy bóng dáng Hai Quờn ở đâu. Ông hơi ngạc nhiên. Mọi lần, đi đâu cũng vậy, ông dặn đứng đâu, Hai Quờn đứng đó, ông dặn chờ ở đâu, Hai Quờn chờ ở đó. Chớ đâu có khi nào, y lại bỏ đi chơi mà không chịu đứng đợi.

Ông chủ Thạnh đứng chờ độ mười lăm phút, mới thấy Hai Quờn xấp xải từ xa chạy lại. Mặt mũi y có vẻ dớn dác.

Ông chủ Thạnh đi trước, Hai Quờn lẽo đẽo theo sau. Vừa đi, y vừa giải thích lý do mà y vắng mặt:

– Hồi nãy, con đang đợi chủ ở trước dinh quận. Kế thấy người ta chạy ùn ùn về phía nhà thương. Con hỏi, thì mới hay rằng có người bị chết, vừa khiêng vô nhà thương quận, xác còn để trước sân.

Ông chủ Thạnh rầy:

– Bay chừng đó tuổi rồi. Chuyện chết chóc, chuyện nhà thương bộ bay còn lạ lắm sao mà phải chạy đôn chạy đáo đi coi?

Hai Quờn biện giải bằng một vẻ háo hức:

– Không phải bị chết thường, mà là bị giết. Đương sự là lính mã tà trong dinh quận. Bị người ta đánh nát cổ họng mà chết.

Y nhổ một bãi nước miếng xuống đất, càu nhàu:

– Thấy mà ghê. Chết rồi mà cái lưỡi còn le ra dài nhằng, cặp mắt còn trợn trừng trợn trạc.

Ông chủ Thạnh hỏi lại cho chắc:

– Bay nói người chết là lính mã tà?

Hai Quờn gật đầu xác nhận, y nói thêm:

– Con nghe nói y cờ bạc gian lận sao đó, gây gỗ lung tung, chắc tại vậy mà bị người ta đánh chết.

Ông chủ Thạnh lại hỏi:

– Bay nói người đó bị đánh gãy cổ chết?

Hai Quờn lắc đầu:

– Bẩm chủ, không phải. Bị bóp nát cổ họng mà chết.

Hình như bỗng nổi máu hiếu kỳ, ông chủ Thạnh rủ Hai Quờn đi tới nhà thương. Nhưng tới nơi, ông không vô. Ông kéo Hai Quờn vô ngồi trong một quán nước, nằm ở phía bên kia đường, xéo xéo với cổng nhà thương...

Ông chủ Thạnh ngồi vô một cái bàn ở góc quán. Ông nói nhỏ vô tai Hai Quờn:

– Bay vô trong đó, coi lại một lần nữa. Nhớ coi thiệt kỹ. Coi vết thương ở cổ của người chết ra sao.

Hai Quờn lõ mắt lên nhìn chủ, nhưng y không hỏi đi hỏi lại. Y đi một mạch ra khỏi quán.

Ông chủ Thạnh kêu một bình trà ngon và mấy cái bánh bía nhưn khoai môn. Ông vừa ăn bánh, vừa đảo mắt, vểnh tai nghe ngóng.

Khách trong quán đông nghẹt. Bàn nào bàn nấy đều kín người. Dường như tất cả mọi người đều xôn xao bàn tán về cái xác chết đang nằm trước sân nhà thương.

Một người đờn ông, ngồi ở cạnh bàn của ông chủ Thạnh, nói oang oang:

– Người chết nầy, tui biết. Y mới về đây theo quan chủ quận mà. Đêm

nào, y lại không ra chợ uống rượu với lại đánh bạc. Y về đây đâu có bao lâu mà cái ngón bạc lận của y, ai nấy thảy đều chạy mặt.

Một ông già, ngồi cùng bàn với người vừa nói, lên tiếng:

– Nghe nói, tối hôm qua, y có tới sòng của Mười Sển. Đánh một hồi, y có gây lộn gây lạo gì ở đó. Nếu Mười Sển không can thiệp, chắc là có đánh lộn lớn. Không lẽ cái đám gây lộn đó lại chận đường mà giết y?

Người đờn ông đã gợi chuyện khi nãy không đồng ý:

– Hồi tối, ở sòng Mười Sển cũng có tui. Khi y hầm hừ bỏ ra, đâu có ai đi theo. Đâu có ai muốn sanh sự với mã tà làm gì?

Một người đờn bà, ngồi im lặng từ đầu, bỗng nói lớn:

– Đủ rồi nghen, chú Sáu. Chú nói một hồi, tai vách mạch rừng. Không khéo mà chú bị kêu ra cò bót lôi thôi...

Mặc dù có lời cảnh cáo của người đờn bà, đám khách trong quán vẫn không ngớt bàn tán. Người nào cũng muốn nói lớn cho mọi người khác nghe về sự hiểu biết của mình.

Ngồi một hồi lâu, ăn hết mấy cái bánh, uống hết hai tách nước trà, ông chủ Thạnh thâu thập được nhiều tin tức khá hay.

Hai Quờn trở lại quán. Mặt mũi y mồ hôi, mồ kê nhễ nhại. Y ngồi xuống bên cạnh ông chủ Thạnh.

Ông chủ Thạnh nói trước:

– Có chuyện gì, chút nữa sẽ nói. Bay coi muốn ăn cái gì thì kêu phổ ky mang lại.

Hai Quờn kêu một cái bánh bao. Y ngồi cặm cụi ăn...

Một thanh niên, dáng điệu ngang tàng, bước chưn vô quán. Chưa ngồi xuống ghế, y đã nói lớn, cốt cho mọi người đều nghe:

– Phen nầy, Mười Sển khổ rồi. Y mới bị còng tay dắt vô đồn mã tà hồi nãy.

Một người vọt miệng hỏi:

– Y có làm cái gì đâu nà? Sòng bạc của y có giấy phép và y cũng có "đút sáp" cho làng lính đầy đủ.

Người thanh niên cười lạt:

– Đây là một dịp để nã tiền của y mà. Phen nầy, y cũng phải mất bạc vạn mà chớ.

Ông chủ Thạnh kêu phổ ky tính tiền. Ông ra hiệu cho Hai Quờn đi ra. Ngồi trên ghe, dọc đường về nhà, ông chủ Thạnh hỏi:

– Bay thấy cái gì?

Hai Quờn nói luôn một hơi:

– Bẩm chủ, lúc con qua bển, cái xác đã được khiêng vô trong. Con không thể coi được nữa. Con đứng xớ rớ ở phía trước để ngóng tin. Thiên hạ cũng chộn rộn ở phía trước nhà thương nhiều lắm. Sau, con nghe một thầy "phạm nhe" nói lại là thằng cha mã tà đó bị bóp nát cổ họng mà chết. Thiệt y như con đã bẩm với chủ hồi nãy.

Ông chủ Thạnh càm ràm:

– Y tá thì bay nói là y tá. Bày đặt bày điều tiếng Tây tiếng u "phạm nhe, phạm nhiếc" làm chi.

Hai Quờn "dạ" một tiếng nhỏ rồi im lặng...

Ông chủ Thạnh bâng khuâng:

– Bàn tay nào mà bóp nát họng của người ta được...?

●

Trong một căn phòng nhỏ, ở bên một cái chái, nhìn ra vườn, ông cả Bường và ông chủ Thạnh đang ngồi bàn bạc.

Ông chủ Thạnh vuốt râu, giọng điệu có vẻ tự tin:

– Quận Nhiều là tay không phải khó đối phó. Y tham lam lộ ra mặt. Chưa nói chuyện với tôi, y đã cầm hộp bánh lên để cân nhắc nặng nhẹ. Loại người đó, vàng dễ làm cho tối mắt.

Cả Bường nói như than:

– Nội cái tánh tham của y, đối phó đã muốn hụt hơi rồi, hà huống gì mà y có thêm những tánh khác. Nay, y nẻ một đồng, mai, y nẻ một đồng, có là núi, tiền mình cũng phải hết.

Ông chủ Thạnh không lạ gì cái tánh keo kiệt, hà tiện của ông cả Bường. Ông cười cười:

– Cả đừng có lo gì hết. Mọi sự đã có tôi bao biện.

Ông cả Bường có hơi bất nhẫn:

– Chuyện của cả một làng, một mình anh gánh vác, tôi nghĩ kỹ, cũng thấy khó chịu trong lòng...

Ông chủ Thạnh hỏi sấn sổ:

– Nè, anh cả, anh nghĩ sao nếu tôi đứng ra tranh chức Hương cả với anh kỳ nầy?

Ông cả Bường ngạc nhiên. Đôi mắt của ông trợn tròn quay, lấp lánh dưới đôi tròng kiếng, làm như ông vừa nghe một điều kinh khiếp, chưa từng có trong đời. Ông lắp bắp:

– Anh... anh...

Bỗng nhiên, giọng của ông bỗng trở nên xuôi xị:

– Nếu anh quyết chí muốn ngồi vô chức Hương cả, tôi sẽ tuyên bố rút lui. Làm như vậy, đẹp mặt cho anh lẫn cho tôi, mà khỏi mất công phải vận động, tranh giành.

Ông cả Bường có thái độ của một người, chưa vào cuộc hơn thua, biết rõ sức mình, muốn xếp giáp quy hàng. Ông cất giọng buồn buồn:

– Anh ngồi vô chức Hương cả là phải thế quá rồi...

Ông chủ Thạnh không nói gì hết, chỉ nhìn ông cả Bường mà mỉm cười. Ông cả Bường cũng nín thinh. Làm như ông bị chấn động mạnh trong đầu. Cặp mắt của ông nháy nháy liên hồi.

Để cho ông cả Bường suy nghĩ một hồi lâu. Ông chủ Thạnh mới thủng thẳng:

– Tôi sẽ đứng ra tranh chức hương cả với anh. Nhưng, anh vẫn là... hương cả, không có gì thay đổi hết.

Ông cả Bường lại ngạc nhiên một lần nữa. Ông lắp bắp:

– Anh nói cái gì? Tôi không đặng hiểu... Hay là, anh muốn chánh thức, chánh danh mà đối phó với quận Nhiều? Nếu quả như vậy, thì anh phải làm hương cả mới đặng chớ.

Ông chủ Thạnh lắc đầu:

– Xưa nay, không có ông hương cả nào mà ra mặt đứng đầu để chống đối lại chủ quận. Nếu có, họ sẽ đứng đàng sau một cách khéo léo.

Ông giải thích cho ông cả Bường:

– Tôi sẽ ứng tiếng cho quận Nhiều biết là tôi muốn tranh chức hương cả, để coi thái độ của y ra sao. Nhưng cuối cùng, tôi sẽ không ra.

Ông cả Bường có vẻ hiểu ra. Ông thở dài:

– Anh phải lao tâm, khổ trí nhiều quá. Nhưng, coi chừng, anh chủ, coi chừng không khéo mà "vẽ rắn thêm chưn".

Ông chủ Thạnh nhìn ông cả Bường bằng đôi mắt chan chứa cảm tình. Ông cả Bường chỉ có khuyết điểm là coi đồng tiền quá trọng và ông đối phó với quận Nhiều cũng chỉ vì không muốn mất tiền mất bạc một cách vô cớ.

Ông chủ Thạnh không thể nói rõ cái ý định của ông. Mất cho quận Nhiều bao nhiêu, ông cũng không từ nan. Ông nhất quyết làm sao phải cho quận Nhiều thân bại danh liệt, phải gục đầu xuống đất đen mà sống hết chuỗi ngày tàn như một con chó. Có như vậy, ông mới hả dạ.

Ông tha thiết với ông cả Bường:

– Anh lo cho tôi, lòng tôi thiệt cám cảnh. Nói thiệt với anh, nếu chỉ vì một làng mình thôi, đối phó với quận Nhiều chỉ là chuyện đồ bỏ. Tuy nhiên, nó muốn vơ vét là vơ vét hết thảy các làng trong quận. Ở đây, mình tránh được cái cảnh "dùi đánh đục, đục đánh săng". Nhưng ở những làng khác, mấy tay điền chủ đâu có ngại cảnh nầy. Các tá điền sẽ khổ sở dài dài.

Ông cả Bường ái ngại:

– Lòng dạ của anh thiệt là rộng lớn. Lo cho mình chưa xong, anh đã nghĩ tới người khác.

Ông chủ Thạnh nói một câu mà ông biết chắc là ông cả Bường sẽ không hiểu:

– Quận Nhiều đắc tội là đắc tội với hết thảy thiên hạ.

Ông cả Bường cầm tay ông chủ Thạnh, ân cần:

– Anh tính làm sao, anh làm cái gì, anh cứ việc tấn tới. Tôi tin tưởng anh hồi nào tới giờ. Tuy nhiên, tôi mong anh phải tiểu tâm mà phòng cho lắm.

Ông đọc một câu ca dao:

Tin tin dạ hãy phòng phòng

Gà kia một trứng hai tròng biết đâu?

Ông chủ Thạnh đứng dậy, từ giã:

– Tôi đã có lời nói trước. Có chuyện gì xảy ra, anh đừng ngạc nhiên.

Từ nhà ông cả Bường ra, ông chủ Thạnh đi thẳng một mạch lại nhà ông hương giáo Kiểm.

Đang lúi húi trong vườn, nhác thấy ông chủ Thạnh, mắt ông hương giáo Kiểm sáng lên. Ông hấp tấp chạy ra. Ông không mời ông chủ Thạnh vô nhà mà kéo ông này đi thẳng ra sau vườn.

Mặc dầu trong vườn không có một ai khác, ông giáo Kiểm vẫn dáo dác ngó quanh một vòng. Ông kề miệng vô tai ông chủ Thạnh nói nhỏ:

– Anh em ở bên Xiêm đã về nhiều lắm. Cục diện đang có mòi thay đổi. Tụi Tây đang bị người Nhựt lấn áp khắp nơi. Nếu bắt được cơ hội nầy, dân mình có thể độc lập.

Ông hương giáo Kiểm nói bằng một điệu bộ háo hức. Nhưng, ông chủ Thạnh lại trù trừ:

– Tụi Tây yếu thế, nhưng người Nhựt cũng là người ngoại quốc. Làm sao mà độc lập?

Ông hương giáo Kiểm vẫn hăng hái:

– Người Nhựt sẽ đưa Kỳ Ngoại Hầu Cường Để về. Ngày trước, ông Nguyễn Quang Diêu, ông Nguyễn Thần Hiến một lòng một dạ với Kỳ Ngoại Hầu. Mình cũng đã góp tay vào giúp. Kỳ Ngoại Hầu thuộc dòng dõi Đông Cung Cảnh, vốn gắn bó với lục tỉnh Nam kỳ của mình. Nay, ổng về để nắm quyền trị nước, mình còn mong cái gì nữa?

Ông chủ Thạnh vẫn còn bâng khuâng:

– Nhưng, còn người Nhựt?

Làm như ông không muốn tranh luận với ông hương giáo Kiểm, ông hỏi sang một vấn đề khác:

– Anh em ở bên Xiêm về, công chuyện lo liệu, sắp đặt ra sao?

Ông hương giáo Kiểm thì thầm:

– Họ chỉ đi ngang Rạch giá, rồi phân tán, phần lớn về Sàigòn. Một đám khác về Cần thơ.

Ông còn bí mật:

– Mình sẽ liên lạc với đám ở Cần thơ.

Ông chủ Thạnh sốt sắng:

– Anh nhắn với anh hương sư mau tới nhà tôi. Anh em mới về, phải có nhiều tiền để hoạt động.

Ông hương giáo Kiểm có vẻ buồn buồn:

– Bao nhiêu phen cũng chỉ có một mình anh gánh vác. Tôi thiệt là bất lực. Nghĩ lại thiệt hổ thẹn.

Ông chủ Thạnh vỗ vai ông hương giáo Kiểm:

– Anh nói làm chi tiếng đó, anh Giáo? Việc là việc chung, kẻ gánh phần nầy, người vác phần kia. Anh đã để ra cả một đời mà anh chưa cho là đủ sao? Rồi ba đứa con của anh nữa. Cả hai đời lo việc nước, cúc cung tận tụy như vậy thôi, anh còn áy náy gì nữa? So với anh, tôi chưa đặng một phần.

Ông hương giáo Kiểm cảm động, ứa nước mắt. Ông nói nho nhỏ:

– Nhà tôi, từ ngày quan Lãnh Binh Nguyễn Trung Trực phất cờ tựu nghĩa, đời nào, cũng có người chết vì nước...

Giọng ông chùng xuống:

– Anh về đi. Chiều nay chắc anh hương sư qua tới...

Muốn an tâm khi đi mua máy Computer, không gì bằng đến

ACS ADVANCED COMPUTERS

1714 E. Mc. FADDEN Ave. SUITE 0
SANTA ANA, CA. 92705
Tel. (714) 648-0325 Fax. (714) 648-0326
STORE HOURS MON – SAT: 9AM – 7PM.
• Bán sỉ và lẻ computer giá hạ
Nhận VISA & MASTER CARD & Trả Góp
Nhận gửi đi xa qua UPS
IBM COMPATIBLE 100%
• XT/AT $475/$675
• AT 286/VGA/20Mb HD $1395
• AT 386-20/65Mb HD $1695
(All System Include 1 year Part & Labor Warranty)

Đặc Biệt
• *LaserJet printer memory upgrade:*
1Mb. **$249.00**/*2Mb.* **$369.00**/*4Mb.* **$579.00**
(Expansion board & Ram)

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

● **Địa Ngục Sình Lầy**

Của Trần Nhu, Tác Giả tự xuất bản 1990. Văn Nghệ phát hành. Sách dày 280 trang. Trình bày Cao Xuân Huy. Giá 14.50 mỹ kim. Liên lạc bà Trịnh thị Phượng P.O. Box 16754 Wichita KS 67216.

● **Gái Thời Đại**

Truyện dài của Hoàng Việt, Đại Nam xuất bản 1990. Sách dày 532 trang. Giá 20 mỹ kim.

● **Bụi Bolsa Dòng Đời**

Truyện dài của Hoàng Việt. Đại Nam xuất bản 1990. Sách dày 263 trang. Giá 15 mỹ kim.

● **Xếp Al Capone cuốn I**

Tiểu thuyết xã hội Mafia Hoa kỳ của Trường Sơn Lê Xuân Nhị. Nhà xuất bản Xuân Lê 1990. Dày 404 trang. Giá 15 mỹ kim.

● **Đất Khách Trời Quê**

Tập truyện Trường Sơn Lê Xuân Nhị. Cơ sở Văn Hóa Đông Phương xuất bản 1990. Lời giới thiệu của Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh. Sách dày 300 trang. Giá 12 mỹ kim.

● **Có Yêu Em Không?**

Tập truyện Khánh Trường. Tân Thư xuất bản 1990. Phụ bản Võ Đình, Nguyễn Đồng, Nguyễn thị Hợp, Nguyễn Trọng Khôi, Thái Tuấn. Bìa Khánh Trường. Trình bày Cao Xuân Huy. Sách dày 345 trang. Giá 14 mỹ kim.

● **Người Yêu, Nước Mỹ, và Quê Hương**

Sách của Khải Sơn. Tác giả xuất bản 1990. Bìa, trình bày và phụ bản Nguyễn Đồng, Nguyễn thị Hợp. Dách dày 222 trang. Giá 12 mỹ kim. Địa chỉ liên lạc: Khải Sơn 10248 Weatminster Ave, Garden Grove, CA 92643

● **Đọc Kinh**

Đoản văn của Vũ Khắc Khoan. An Tiêm xuất bản lần thứ nhất tại Paris và Hoa kỳ 1990. Tranh bìa và phụ bản Vĩnh Ấn, mẫu bìa Đinh Cường. Mở Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng. Khép Mai Thảo. Giá 6 mỹ kim.

● **Hoàng Tử Bé**

Saint-Exupéry, Bùi Giáng dịch. Lần thứ ba tại hải ngoại 1990. Sách dày 115 trang. Giá 6 mỹ kim. Văn Nghệ tổng phát hành

THƯ VĂN HỌC

● Cô Út Canada: Ban biên tập Văn Học không dám nhận lời khen ngợi của cô. Văn Học chỉ làm bổn phận của những người cầm bút. Chúng tôi chẳng còn ai trẻ cả, người nhỏ tuổi nhất cũng đã xấp xỉ bốn mươi. Tuy nhiên, trẻ hay già không phải là lý do để nghĩ rằng mình can dảm hay hèn nhát. Bỏ quê hương đất nước mà chạy lấy thân là hèn quá đi rồi còn gì. Riêng phần cô đề nghị ở cuối thư, chúng tôi cũng đã nghĩ đến, nhưng chưa biết làm cách nào cho ổn thỏa. Xin cô mách nước.

● Một số độc giả dài hạn của Văn Học tiếp tục đổi địa chỉ mà không thông báo cho chúng tôi biết. Báo vẫn nhận về. Một số độc giả mua báo tặng cho địa chỉ sai. Báo trả về. Chúng tôi không biết phải giải quyết như thế nào. Xin quý độc giả thông cảm.

● Độc giả dài hạn khi gia hạn báo, xin nhớ ghi hộ cho chúng tôi rõ con số riêng của từng độc giả (đã được ghi tại label ngoài bì sách) để chúng tôi tiện đường điều chỉnh trong danh sách.

● Anh Vũ Nam: Văn Học không còn gặp khó khăn về nhân sự nữa, nhưng về tài chánh thì vẫn còn hành hạ anh em. Ở bên anh ít người chắc chắn là mỗi lần gặp nhau sẽ rất ư là thân mật, như vậy còn hơn. Càng đông càng nhiều phiền hà, càng nhiều nhuyện. Báo vẫn gửi đều đến anh. Nếu không nhận được số nào, xin anh cho biết, chúng tôi sẽ gửi bù vào dịp phát hành số sau. Tiền báo không nặng bằng tiền tem. Nhiều độc giả không hiểu cho chúng tôi điều này. Cứ tha hồ đổi địa chỉ mà không thèm thông báo, đợi đến khi ổn định nhà cửa xong, viết thư đòi. Chúng tôi cũng đành chào thua thôi. Cho Văn Học gửi lời thăm Thế Giang, Ngô Nguyên Dũng, Từ Nguyên... Kể như anh em mình đã quen nhau rồi, đồng ý?

Trân trọng giới thiệu :

có yêu em không?

tập truyện của Khánh Trường

Những chất liệu không đãi lọc trong cuộc sống.
Một sắc thái mới trong văn học Việt Nam hải ngoại.

Dày 352 trang. Bìa tác giả.
Phụ bản: Nguyễn Đồng, Võ Đình, Ngọc Dũng,
Thái Tuấn, Nguyễn Trọng Khôi
Phát hành đầu tháng 5/1990

Nhà Xuất Bản
TÂN THƯ
13081 Hope St, Garden Grove, Ca 92643
USA
(714) 537-2468
Thư từ bưu phiếu xin đề Khánh Trường

Nhà xuất bản
tân thư

Đã phát hành:

CÓ YÊU EM KHÔNG?

Tập truyện của
KHÁNH TRƯỜNG

●

- Dâm thư hay tình dục như một cái cớ?
- Dửng dưng đến tàn nhẫn, chói chang đến nhức nhối, tình yêu, dục tính, tuổi trẻ, chính kiến, đời sống lưu vong... được thể hiện trung thực, không ngụy trang.
- Tập truyện chắc chắn sẽ gây phẫn nộ cho một số người (Như đã từng, khi một vài truyện được đăng tải trên báo)

●

Phụ bản: Võ Đình, Thái Tuấn, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Trọng Khôi • Bìa: Tác giả.

Dày 352 trang, trình bày trang nhã, giá 14 Mỹ kim.

Độc giả mua trực tiếp với nhà xuất bản bớt 25% trên giá bán.

●

Thư từ ngân phiếu xin đề:

KHÁNH TRƯỜNG

13081 Hope St., Garden Grove, Ca 92643, USA.

TÂM
AUTO CENTER

1610 N. Fairview St, Sangta Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554.2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc Biệt Làm Máy Xăng - Dầu - Tune Up
Làm Thắng - Rebuild Hộp Số - Carburaror
mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

- Bệnh Nội Khoa: Tiểu Đường - Máu Cao...
- Bệnh phổi: Ho - Suyễn - Đau Ngực - Lao - Khó Thở

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)
Ngày thường: 9 - 12 am & 1 - 6 pm
Thứ Bảy: 9am - 1pm

Tel: **(714) 641-0263**
2720 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

Nhà Xuất bản Thời Văn

Xuất bản năm 1990

ngôi nhà sau lưng	*văn miếu trần vũ*
cánh cửa	*nhật tiến*
thư không người nhận	*hoàng khởi phong*
sống dở	*hoàng việt*
nhà văn nói với chúng ta	*nguyễn mạnh trinh*
sợi chỉ trong hồn	*nguyễn ý thuần*
trần ai khoai củ	*nguyễn đức lập*
mười lăm năm nhìn lại	*tuyển tập*

Nhà xuất bản
tân thư

Đã in:

CÂY GẬY LÀM MƯA, tập truyện ĐỖ KH.

MƯỜI TRUYỆN TÂN LIÊU TRAI, tập truyện THĂNG LONG VĂN SĨ

THƠ ĐỖ KH., thơ

CÓ YÊU EM KHÔNG? tập truyện KHÁNH TRƯỜNG

Sẽ in:

THƠ PHẠM VIỆT CƯỜNG, thơ

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA

BỆNH TRĨ

- CHỮA TRỊ BẰNG TIA LASER DỨT TUYỆT
- PHƯƠNG PHÁP TỐI TÂN NHẤT ĐỂ ĐỊNH BỆNH VÀ TRỊ BỆNH
- KHÔNG CẦN NẰM BỆNH VIỆN
- KHÔNG RA MÁU, KHÔNG ĐAU
- TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
- MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
- UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ, SẠN MẬT
- CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU
- SỬA LẠI BỘ PHẬN SINH DỤC NHƯ THỜI SƠN TRẺ

BÁC SĨ TRẦN TIẾN HUYẾN, MD, FACS

tốt nghiệp bằng chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại university pittsburgh
tốt nghiệp siêu chuyên khoa giải phẫu đường ruột và trĩ tại ferguson clinic, mi
nguyên giảng sư y khoa đại học sàigòn

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

14571 MAGNOLIA St # 207 WESTMINSTER, CA 92683	1905 N. COLLEGE Ave # C SANTA ANA, CA 92706

CENTRAL VALLEY
MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA Blvd, RESEDA, ca 91335

Tel **(818) 708-7227**

Bs NGUYỄN VĂN HƯNG MD
Bác sĩ Điều trị Olive Medical Center
(khu cấp cứu và quang tuyến)
BS TRƯƠNG NGỌC THẠCH MD
Bác sĩ điều trị Olive View Medical Center
(khu theo dõi nội khoa và chương trình săn sóc toàn diện)
GIỜ LÀM VIỆC
Thứ Hai - Thứ Sáu 9Am đến 8 Pm
Thứ Bảy - Chủ Nhật 9Am đến 3Pm
Nhận MEDICAL & BẢO HIỂM
Bãi đậu xe rộng rãi và miễn phí

Bác sĩ

NGUYỄN VĂN THẾ M.D

Y KHOA TỔNG QUÁT & BÁC SĨ GIA ĐÌNH

ĐIỀU TRỊ

• CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG TỔNG QUÁT • BỆNH TOÀN KHOA NGƯỜI LỚN, TRẺ EM • BỆNH PHỤ NỮ VÀ THĂM THAI • KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH • CHÍCH NGỪA • KHÁM BỆNH NHẬP HỌC • TIỂU GIẢI PHẪU •CÁC LOẠI TAI NẠN •HỢP TÁC VỚI CHƯƠNG TRÌNH BÔNG SỮA WIC •

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH
NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC

– Ngày Thường: 9:30 Am – 6:30 Pm
– Thú Bảy: 9:30 Am – 3:00 Pm
– Thứ Tư – Chủ Nhật Nghỉ

9196 Bolsa Ave • Westminster, CA 92683

(714) 898.5951 / 898.2967

Bác sĩ

TÔN THẤT NIỆM, M.D.

BÁC SĨ Y KHOA - CHUYÊN KHOA TÂM THẦN
PSYCHIATRIST

Tel: (714)531-8720
Khám bệnh theo hẹn

9533 Bolsa Ave
Westminster, CA 92683

Bãi đậu xe rộng rãi và miễn phí

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG

LEOHMANN'S PLAZA

7309 Arlington # 314

Fallchurch, VA 22042

(703) 560-0388 / 0389

- tốt nghiệp chuyên khoa nội thương hậu đại học chương trình Georgetown
- hội viên hội y sĩ đoàn hoa kỳ
- bác sĩ điều trị cho đài tiếng nói Hoa kỳ (VOA), sở di trú và nhập tịch Hoa kỳ (INS), và cơ quan bảo vệ môi trường (EPA) tại Washington DC

GIỜ LÀM VIỆC (theo hẹn)

Thứ Hai - Thứ Sáu: từ 9 giờ sáng đến 7 giờ tối

Thứ Bảy: từ 9 giờ sáng đến 3 giờ chiều

Chủ Nhật: Theo hẹn

NHA Y SĨ

ƯTHỊ MỸ LAN

GENERAL DENRISTRY

Chữa Bệnh Nướu Răng

9141 Bolsa Ave # 302

(714) 898-6449

Giờ Làm Việc:

Ngày Thường: Từ 10Am đến 7Pm

Thứ Bảy: Từ 9Am đến 6Pm

Chủ Nhật: Từ 10Am đến 2Pm

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(giá biểu kể từ 5 - 1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ .....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số..... đến số .....

Mua dài hạn tại Hoa kỳ và Canada (gửi hạng tư)

Sáu tháng 15Mk
Một năm 30Mk

Mua dài hạn tại Hoa kỳ và Canada (gửi hạng nhất)

Sáu tháng 21Mk
Một năm 42Mk

Giá biểu cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy 21Mk
Một năm, gửi tàu thủy 42Mk
Sáu tháng, gửi máy bay 33Mk
Một năm, gửi máy bay 66Mk

Giá biểu cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy 21Mk
Một năm, gửi tàu thủy 42Mk
Sáu tháng, gửi máy bay 40Mk
Một năm, gửi máy bay 80Mk

Đính kèm số tiền .....

(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên Văn Học)

Văn Học • P.O. Box 3192 • Tustin • CA, 92680 • USA

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....

Muốn mua: * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học .....

Để tặng cho .....
Địa chỉ .....
.....

Đính kèm ngân chi phiếu ..... Mk

Văn Học • P.O. Box 3192 • Tustin • CA, 92680 • USA

Tìm Đọc

Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu

của **Trần Vũ.**

Đã có bán tại các nhà sách.

Nhà xuất bản

THỜI VĂN

P.O Box 3192

Tustin, CA 92680

USA

Phone: **(714) 544-7650**

Ngân chi phiếu xin đề

Cao Xuân Huy

NVPrinting (714) 897-3828

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone (714) 832-8445
Ngân, chi phiếu xin đề Văn Nghệ

□ *SÁCH IN NĂM 1989:*

– **TỐI THÁNG NĂM TẠI QUÁN ĂN ĐƯỜNG FIFTH** *Tập truyện Nguyễn Ý Thuần*	10MK
– **CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA** *Ivo Andritch, Nguyễn Hiến Lê dịch*	14MK
– **ĐƯỜNG MỘT CHIỀU** *Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác*	7MK
– **Ý CAO TÌNH ĐẸP** *Nguyễn Hiến Lê tuyển dịch*	8MK
– **TRUYỆN NGẮN II** *Võ Phiến*	14MK
– **YOGA CĂN BẢN** *Võ Đình Mai*	8MK
– **THA HƯƠNG (MBĐ5)** *Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác*	21MK
– **THẦN, NGƯỜI VÀ ĐẤT VIỆT** *Khảo luận Tạ Chí Đại Trường*	16MK
– **CĂN NHÀ NGÓI ĐỎ** *Nguyễn Xuân Hoàng*	8MK
– **CỎ VÀ TUYẾT** *Thơ Đỗ Quý Toàn*	8MK
– **BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ** *Will và Ariel Durant* *Nguyễn Hiến Lê và Trần Lương Ngọc dịch*	8MK
– **QUÊ HƯƠNG** *Thơ tình Định Nguyên*	8MK
– **THỀM HOANG** *Truyện dài Nhật Tiến*	8MK
– **MỘT THUỞ LÀM "TRÙM"** *của Nguyễn Tấn Hưng*	8MK
– **LỚP LỚP PHÙ SA** *Truyện dài Kiệt Tấn*	13MK
– **HỒI KÍ TẬP I** *của Nguyễn Hiến Lê*	14MK
– **MỘT QUẢ CƯỜI MÙA XUÂN** *của Kiều Phong*	7MK
– **GIÓ ĐÊM** *Tập truyện Trần thị Kim Lan*	7MK
– **TẠP BÚT** *của Võ Phiến*	16MK
– **NGHĨ VỀ THƠ** *Biên khảo của Nguyễn Hưng Quốc*	9MK

Ngoài Hoa kỳ thêm 1MK cước phí cho mỗi cuốn
Muốn có thư mục đầy đủ, xin liên lạc nhà xuất bản.

Giá 3 Mỹ kim